

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN VNDIRECT
VNDIRECT SECURITIES CORPORATION
Số/No.: 390/2025/CBTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2025

Hanoi, April 18, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN
INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
To: State Securities Commission
Vietnam Exchange
Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT/
VNDIRECT SECURITIES CORPORATION

- Mã chứng khoán/Stock code: VND
- Địa chỉ trụ sở chính/Address: Số 01, Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội/ No. 1, Nguyen Thuong Hien street, Nguyen Du ward, Hai Ba Trung district, Hanoi
- Điện thoại/Tel: 024.39724568 Fax: 024.39724600
- Email: Cbtt@vndirect.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure (*):

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (“Công ty”) công bố Báo cáo thường niên năm 2024 của Công ty (Chi tiết trong tài liệu đính kèm).

VNDIRECT Securities Corporation (“the Company”) hereby announces the publication of the Company’s Annual Report for the year 2024 (Further details are provided in the attached document).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 18/04/2025 tại đường dẫn: https://www.vndirect.com.vn/danh_muc_quan_he_co_dong/cong-bo-thong-tin/

This information was published on the Company’s website on April 18, 2025 as at the link https://www.vndirect.com.vn/danh_muc_quan_he_co_dong/cong-bo-thong-tin/

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.



Tài liệu đính kèm:

Attached documents:

- Báo cáo thường niên năm 2024 của Công ty.
The Company's Annual Report for the year 2024

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật

Legal representative

Giám đốc Quản trị

Chief Governance Officer



Điền Ngọc Tuấn



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1.1. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

Thư gửi cổ đông

Kính gửi Quý vị cổ đông,

Năm 2024 khép lại đánh dấu một chặng đường 18 năm VNDIRECT hình thành và phát triển, vượt qua rất nhiều khó khăn thử thách để có thể ghi dấu những cột mốc đáng nhớ đánh dấu sự trưởng thành của công ty. Những kết quả công ty có được ngày hôm nay là sự biểu hiện của một tinh thần bền bỉ, một ý chí kiên cường của toàn bộ đội ngũ công ty và cũng là sự khẳng định cho niềm tin vững chắc và sự đồng hành từ Quý cổ đông, khách hàng và đối tác.

Thử thách và hành trình trưởng thành

VNDIRECT bước vào năm 2024 trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang dần hồi phục sau Covid, với làn sóng chuyển dịch mạnh mẽ của kinh tế số và kinh tế xanh toàn cầu. Trong khi đó, nền kinh tế và thị trường tài chính Việt Nam cũng chỉ mới hồi phục sau 2 cuộc khủng hoảng xuất phát từ Covid và sự kiện Vạn Thịnh Phát. Thị trường chứng khoán Việt Nam cũng chịu sức cạnh tranh gay gắt trong giai đoạn hồi phục với rất nhiều công ty chứng khoán của các Ngân hàng liên tục tăng quy mô, tiếp cận với chiến lược giảm phí, lôi kéo thị phần. Trong bối cảnh đó, VNDIRECT cũng sẵn sàng bước vào một cuộc cách mạng để thay đổi làm mới đội ngũ, làm mới nền tảng công

nghe và kiện toàn lại chuỗi giá trị để chuẩn bị cho việc chuyển dịch chiến lược kinh doanh trong chu kỳ mới.

Thế nhưng khởi đầu 2024 là một thử thách vô cùng lớn khi VNDIRECT phải đối mặt với một sự cố nghiêm trọng: hệ thống công nghệ bị tấn công bởi hacker. Đây là lần đầu tiên mà Công ty phải đối diện với một sự cố gây tê liệt hệ thống và làm gián đoạn toàn bộ hoạt động cung cấp dịch vụ của công ty. Điều này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến niềm tin của khách hàng và đối tác đối với công ty. Trước một biến cố lớn và bất ngờ không chỉ của riêng VNDIRECT mà còn của cả thị trường chứng khoán Việt Nam, chính ý chí nghị lực, tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái của người Việt đã giúp cho công ty có được sự hỗ trợ đồng hành của những chuyên gia hàng đầu, sự đồng hành của khách hàng, đối tác và cổ đông, để giúp công ty khôi phục lại được hoàn toàn hệ thống và đưa công ty trở lại hoạt động sau 1 tuần bị gián đoạn. Dù sự cố xảy ra dù gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của Khách hàng nhưng Công ty luôn cam kết tinh thần trách nhiệm cao nhất, đảm bảo tính toàn vẹn của tài sản và toàn bộ dữ liệu của khách hàng.

VNDIRECT vốn luôn tự hào là một công ty công nghệ, trải qua rất nhiều năm xây dựng và phát triển hệ thống, nền tảng để mang sản phẩm dịch vụ đầu tư tới rất nhiều khách hàng cá nhân. Sự cố xảy ra như một bài học đắt giá để giúp công ty nhìn nhận lại về chiến lược phát triển hệ thống, ý thức rõ ràng hơn về một loại hình rủi ro mới trong thời đại kinh tế số. Sự kiện hacker như một cơ duyên đã giúp cho đội ngũ VNDIRECT có những kinh nghiệm quý báu, kết nối được với những chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực bảo mật, an ninh mạng và qua đó được rèn giũa để trưởng thành hơn trong nhận thức cũng như trong cách tiếp cận quản trị hệ thống đảm bảo tính an toàn, bền vững trong một kỷ nguyên mới mà ở đó tấn công mạng là mối đe dọa lớn không chỉ với các doanh nghiệp mà với cả nền kinh tế và hệ thống chính trị.

Sự cố xảy ra buộc VNDIRECT phải điều chỉnh lại cách tiếp cận kinh doanh trong năm 2024 với mục tiêu xây dựng lại niềm tin và gắn kết trở lại với khách hàng. Với việc đưa ra các gói chính sách hỗ trợ cũng như thúc đẩy truyền thông, gắn kết, công ty đã dần lấy lại được uy tín, niềm tin của khách hàng. Bên cạnh đó, VNDIRECT tiếp tục hoàn thiện để nâng cao tính ổn định của hệ thống, tăng cường về tính bảo mật của hệ thống cũng như xây dựng các quy trình quản trị rủi ro chặt chẽ hơn. Về sản phẩm dịch vụ trong mảng giao dịch chứng khoán Dstock, công ty tiếp tục tập trung việc đóng gói giải pháp theo hướng cá nhân hoá cho các nhà đầu tư, nâng cấp các nền tảng giao dịch như Dtrade, nền tảng cung cấp dữ liệu chuyên nghiệp D-rating để hướng tới các khách hàng có nhu cầu tiếp cận đến các sản phẩm dịch vụ có tính chuyên môn hoá cao. Đối với mảng dịch vụ tư vấn đầu tư và quản lý tài sản, VNDIRECT tiếp tục mở rộng rõ sản phẩm đầu tư để giúp khách hàng có thêm nhiều lựa chọn trong việc tiếp cận đầu tư tích sản bền vững. Mặc dù sự cố đã ảnh hưởng không nhỏ đến thị phần cũng như khách hàng mới, tuy nhiên đến hết năm 2024

VNDIRECT vẫn có tổng cộng hơn 940 nghìn khách hàng với hơn 170 nghìn khách hàng active. Bên cạnh dịch vụ giao dịch chứng khoán truyền thống, VNDIRECT giúp hơn 20 nghìn khách hàng tiếp cận các sản phẩm đầu tư với định hướng tích sản dài hạn theo con đường DGO.

Đối với hoạt động mảng khách hàng doanh nghiệp, VNDIRECT tiếp tục mở rộng cung cấp thêm các giải pháp tài chính cho doanh nghiệp thông qua các gói dịch vụ quản lý tối ưu thanh khoản, dịch vụ tư vấn và cấu trúc nguồn vốn và đồng thời VNDIRECT cũng đồng hành cùng doanh nghiệp để tái cấu trúc, chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng quản trị của các công ty.

Đối với hoạt động Khách hàng tổ chức, VNDIRECT tiếp tục xây dựng năng lực tiếp cận với các tổ chức chuyên nghiệp thông qua việc đóng gói các sản phẩm dịch vụ như phân tích, tiếp cận thị trường Việt nam thông qua nền tảng công nghệ. Kết quả năm 2024 thị phần Khách hàng tổ chức VNDIRECT đạt mức 6%, tăng 250% so với cùng kỳ.

Đối với hoạt động trên thị trường vốn, VNDIRECT tập trung vào mục tiêu duy trì đảm bảo thanh khoản, tối ưu hoá nguồn vốn, mở rộng bảng cân đối thông qua chiến lược tiếp cận các kênh tài sản với tính thanh khoản cao như trái phiếu, giấy tờ có giá các tổ chức tín dụng. Tính hết năm 2024, quy mô tổng tài sản công ty đạt hơn 44 nghìn tỷ đồng, vốn chủ sở hữu đạt gần 20 nghìn tỷ đồng.

Về hoạt động quản trị nhân sự, công ty cũng đánh giá những ảnh hưởng lớn tới lực lượng lao động trong tương lai trước sự phát triển vượt bậc của trí tuệ nhân tạo mà ở đó AI sẽ dần thay thế những nhân sự không sử dụng AI. Việc làm mới liên tục kinh nghiệm, kỹ năng làm nghề kết hợp với các kỹ năng mới trong kỷ nguyên số là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển của đội ngũ trong tương lai.

Năm 2024 cũng là năm VNDIRECT tiếp tục thúc đẩy các giá trị bền vững về môi trường, xã hội và quản trị (ESG). Công ty đã triển khai nhiều sáng kiến nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường, hỗ trợ cộng đồng thông qua các chương trình từ thiện và nâng cao tính minh bạch trong quản trị doanh nghiệp. Đây không chỉ là trách nhiệm mà VNDIRECT cam kết thực hiện mà còn là cơ hội để tạo ra những ảnh hưởng tích cực cho cộng đồng và nền kinh tế Việt Nam.

Khai phá tiềm năng, phát triển bền vững

Năm 2025 là năm bản lề cho nền kinh tế cũng như thị trường tài chính Việt Nam, đánh dấu mốc quan trọng cho 1 kỷ nguyên vươn mình của đất nước. Những cái cách thể chế, thay đổi mạnh mẽ trong bộ máy điều hành sẽ là động lực quan trọng cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ của đất nước. Tuy nhiên vẫn còn đó những thách thức vô cùng lớn từ các xung đột kinh tế, chính trị của thế giới. Do đó, đây được dự báo là một giai đoạn mà “cơ hội” và “thách thức” đan xen lẫn nhau, đòi hỏi thành phần trong nền kinh tế luôn phải sẵn sàng thích ứng với những kịch bản khó lường nhất.

Trước bối cảnh đó, VNDIRECT sẽ tập trung kiện toàn, làm mới các nền móng cho các năng lực kinh doanh dựa trên “con người – công nghệ và chuỗi giá trị hướng tới khách hàng. VNDIRECT sẽ tiếp tục xây dựng một đội ngũ với tinh thần đổi mới và sáng tạo, lấy công nghệ làm nền tảng cốt lõi và kim chỉ nam “Lấy khách hàng làm trung tâm” (Customer Centric) để nâng cao hiệu quả hoạt động và tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng. Công ty sẽ ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc hoàn thiện chuỗi giá trị theo định hướng đóng gói sản phẩm dịch vụ có tính cá nhân hoá cao, phù hợp với từng phân khúc khách hàng.

Năm 2025 dự báo sẽ là năm tăng trưởng mạnh trở lại của thị trường giao dịch chứng khoán với sự ra đời của hệ thống KRX cũng như việc được nâng hạng của thị trường chứng khoán Việt Nam. Công ty sẽ tập trung kiện toàn gói dịch vụ giao dịch Dstock, gói dịch vụ đầu tư và tư vấn quản lý tài sản Dwealth và gói dịch vụ chuyên gia Dcare, đáp ứng đầy đủ các nhu cầu cho các khách hàng cá nhân tham gia thị trường.

Đối với hoạt động trên thị trường vốn, công ty tập trung kiện toàn các năng lực về tư vấn tái cấu trúc về quản trị và tài chính, năng lực đánh giá và thẩm định rủi ro nhằm xây dựng nền móng vững chắc để chuẩn bị cho một chu kỳ phát triển mới của thị trường vốn ở Việt Nam. Bên cạnh đó, công ty cũng mở rộng tập khách hàng mục tiêu sẽ nhóm các doanh nghiệp nhà nước với những ngành nghề theo định vị ưu tiên phát triển của đất nước. Với hoạt động khách hàng tổ chức và định chế tài chính, công ty tiếp tục mở rộng thị trường, trong đó tập trung vào các định chế tài chính, tổ chức quốc tế, kết nối và khơi thông dòng vốn quốc tế vào thị trường Việt Nam trong tương lai.

Lời tri ân và cam kết

Nhìn lại hành trình hơn 18 năm xây dựng và phát triển, VNDIRECT đã trải qua rất nhiều khó khăn, thử thách mà ở đó mỗi một bài học đều giúp công ty ngày một vững vàng hơn và có thêm nhiều hành trang trên chặng đường phía trước. 18 tuổi là mốc son đánh dấu sự trưởng thành của VNDIRECT, với một tâm thế sẵn sàng đương đầu với những cơ hội và thử thách trên con đường giúp mọi khách hàng hướng tới sức khoẻ tài chính bền vững. Những thành tựu hôm nay không thể đạt được nếu không có sự ủng hộ và tin tưởng của Quý Khách hàng. Chính sự đồng hành này là động lực để VNDIRECT không ngừng vươn xa, vượt qua mọi thử thách và chinh phục những đỉnh cao mới.

Năm 2025 sẽ là một năm đan xen của những cơ hội và thách thức, là năm VNDIRECT tiếp tục kiên định với tầm nhìn sứ mệnh của tổ chức và đóng góp vào việc xây dựng một thị trường tài chính minh bạch, hiệu quả và bền vững. Chúng tôi cam kết sẽ không ngừng nỗ lực để mang lại giá trị cao nhất cho Quý cổ đông, khách hàng và đối tác, đồng thời đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của nền kinh tế Việt Nam.

1.2. Những điểm nhấn của VNDIRECT trong năm 2024

Kết quả kinh doanh 2024

- Tổng tài sản: **44.295** tỷ đồng
- Vốn chủ sở hữu: **19.715** tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: **2.088** tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: **1.718** tỷ đồng
- ROAA (TTM): **4,0%**
- ROAE (TTM): **9,5%**

Vượt qua khủng hoảng: Bền bỉ từ nghị lực và sức mạnh tập thể

Tháng 3/2024, VNDIRECT đã phải đối mặt với một cuộc tấn công mạng quy mô lớn, gây gián đoạn hệ thống giao dịch và đặt công ty dưới áp lực nặng nề. Tuy nhiên, nhờ sự đoàn kết và nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ nhân viên, chỉ sau 7 ngày, công ty đã khôi phục hoàn toàn hệ thống, đảm bảo sự an tâm cho khách hàng và duy trì hoạt động giao dịch ổn định. Sự kiện này đã củng cố năng lực quản trị rủi ro và nhấn mạnh tầm quan trọng của an ninh mạng trong thời đại số hóa.

DTALK: Cầu nối tri thức và cảm hứng phát triển bền vững

Chuỗi chương trình đối thoại chiến lược của VNDIRECT với sự tham gia của các chuyên gia đầu ngành, đã trở thành biểu tượng kết nối tri thức và lan tỏa cảm hứng phát triển bền vững. Trong năm 2024, công ty đã tổ chức thành công 5 chương trình, thu hút đông đảo người quan tâm. Các chủ đề như “Cyber Risk – Rủi ro an ninh mạng”, “Khí phách Việt Nam,” và “Thách thức trong thời đại AI” đã nâng cao nhận thức của cộng đồng về những vấn đề cấp thiết trong kỷ nguyên chuyển đổi số.

Chương trình đào tạo iLEAD Management: Kiến tạo nội lực, dẫn lối tương lai

Với triết lý quản trị tiên phong và văn hóa độc bản IPAM (Insight – Passion – Action – Mindfulness), chương trình đào tạo iLEAD Management của VNDIRECT đã trở thành nền tảng phát triển nguồn nhân lực cốt lõi của tổ chức. Năm 2024, VNDIRECT đã tổ chức thành công 10 sự kiện quy mô toàn công ty, không chỉ tập trung vào việc nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ nhân viên mà còn khuyến khích mỗi cá nhân làm chủ sự nghiệp, không ngừng sáng tạo và đổi mới.

Kỷ niệm 18 năm thành lập: Dấu ấn của khát vọng trưởng thành

Sự kiện kỷ niệm 18 năm thành lập VNDIRECT với chủ đề “Khát vọng trưởng thành” đã tạo cơ hội để công ty nhìn lại hành trình đã qua và khẳng định quyết tâm đổi mới trong tương lai. Chuỗi


hoạt động ý nghĩa bao gồm: team building, talkshow DTALK “Thách thức trong thời đại AI”, gala kỷ niệm và giải chạy “Vì một tương lai xanh” không chỉ tăng cường sự gắn kết mà còn tôn vinh những đóng góp của tập thể qua 18 năm phát triển.

Trách nhiệm xã hội: Đồng hành cùng cộng đồng và môi trường

VNDIRECT luôn cam kết với trách nhiệm xã hội, thể hiện qua những hành động thiết thực trong năm 2024. Công ty đã nhanh chóng hỗ trợ người dân Lào Cai sau bão lũ bằng các hoạt động cứu trợ khẩn cấp. Đồng thời, giải chạy “Vì một tương lai xanh” đã quyên góp được hơn 122 triệu đồng để trồng hàng nghìn cây xanh tại rừng đê Simacai, góp phần phục hồi hệ sinh thái và tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng.

II. THÔNG TIN CHUNG

2.1. Thông tin khái quát

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT
Tên viết tắt:	VNDIRECT
Tên viết bằng tiếng nước ngoài:	VNDIRECT SECURITIES CORPORATION
Mã cổ phiếu:	VND
Sàn Niêm yết:	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)
Giấy chứng nhận ĐKDN (mã số doanh nghiệp):	Số 0102065366 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/11/2006, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 21/10/2024.
Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán:	22/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/11/2006 và các Quyết định/Giấy phép điều chỉnh.
Vốn điều lệ:	15.222.999.080.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm nghìn, hai trăm hai mươi hai tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng)
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	15.222.828.001.540 đồng (Bằng chữ: Mười lăm nghìn, hai trăm hai mươi hai tỷ, tám trăm hai mươi tám triệu, không trăm linh một đồng, năm trăm bốn mươi đồng)
Trụ sở chính:	Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại:	+ (84 24) 3972 4568
Số fax:	+ (84 24) 3972 4600
Website:	www.VNDIRECT.com.vn
Logo:	
Đại diện theo pháp luật:	Bà Phạm Minh Hương – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ông Nguyễn Vũ Long – Tổng Giám đốc Ông Điều Ngọc Tuấn – Giám đốc quản trị

2.2. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 2006	VNDIRECT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07/11/2006, mã số doanh nghiệp số 0102065366 và Giấy phép hoạt động số 22/UBCK-GPHDKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/11/2006 với vốn điều lệ ban đầu là 50 tỷ đồng.
Năm 2007	Công ty tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng. Là doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam cung cấp giải pháp giao dịch chứng khoán trực tuyến toàn diện. Thành lập chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh.
Năm 2008	VNDIRECT đầu tư nền tảng công nghệ riêng, tự phát triển hệ thống Core system và tạo tiền đề đầu tiên cho nền tảng số của VNDIRECT. Đây cũng là năm công ty hạch toán lỗ hoạt động vì các rủi ro của hoạt động tự doanh và công ty thay đổi nền tảng hoạt động hướng tới tập trung vào mảng dịch vụ giao dịch và khách hàng cá nhân.
Năm 2009	VNDIRECT đi đầu trong việc tạo ra các sản phẩm đột phá mới trên thị trường, tiền đề đầu tiên cho các sản phẩm tương lai và quyền chọn, hoạt động cho vay margin, và các công cụ tài chính hỗ trợ cho giao dịch.
Năm 2010	Công ty tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ lên 450 tỷ và lên 1.000 tỷ đồng vào cuối năm 2010.
Năm 2011	Lần đầu tiên VNDIRECT dẫn đầu thị phần môi giới chứng khoán tại sàn giao dịch HNX. Công ty bắt đầu tập trung xây dựng nền móng đầu tiên cho hoạt động Môi giới giao dịch chứng khoán cho khách hàng cá nhân.
Năm 2012	Công ty ra mắt cổng kết nối giao dịch qua FLX, cung cấp thành công sản phẩm giao dịch điện tử cho khách hàng tổ chức. Công ty cũng ký kết hợp tác phát triển hoạt động phân tích để cung cấp tới khách hàng tổ chức nước ngoài cùng với CIMB.

Năm 2015	<p>VNDIRECT tăng vốn điều lệ tăng lên gần 1.550 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu xấp xỉ 1.900 tỷ đồng và trở thành 1 trong 3 công ty chứng khoán có vốn lớn nhất trên sàn. Công ty tập trung vào hoạt động giao dịch môi giới và cho vay margin, xây dựng nền tảng quản trị rủi ro của hoạt động này và giúp Công ty mở rộng được thị trường thu hút khách hàng cá nhân giao dịch chứng khoán.</p> <p>VNDIRECT lọt TOP 10 công ty chứng khoán có thị phần giao dịch trái phiếu lớn nhất trên cả 2 sàn và được vinh danh là 1 trong 3 công ty chứng khoán thành viên có dịch vụ môi giới tốt nhất giai đoạn 2005 – 2015.</p>
Năm 2016	<p>VNDIRECT dẫn đầu thị trường về số tài khoản cá nhân và tổng tài sản ròng của khách hàng do VNDIRECT quản lý đạt xấp xỉ 26 nghìn tỷ đồng. Công ty cũng lọt TOP 15 công ty thành viên tiêu biểu giai đoạn 2015 – 2016, TOP 30 doanh nghiệp minh bạch nhất trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.</p>
Năm 2017	<p>VNDIRECT nhận Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh và cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đồng thời, cổ phiếu VND của Công ty cũng chuyển sàn giao dịch cổ phiếu thành công từ Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội sang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Năm 2017, VNDIRECT cũng là công ty chứng khoán có hiệu quả hoạt động trên vốn tốt nhất trong các công ty chứng khoán.</p>
Năm 2018	<p>VNDIRECT được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký thay đổi tăng vốn điều lệ lên 2.204,3 tỷ đồng, trở thành Công ty chứng khoán có vốn điều lệ lớn thứ 3 trên thị trường. Công ty tiếp tục chuyển dịch nền tảng hoạt động kinh doanh ngân hàng số, và kết nối với các thị trường khách hàng cá nhân trong khu vực thông qua hệ sinh thái mở Open API.</p>
Năm 2019	<p>VNDIRECT dẫn đầu về Giá trị giao dịch cũng như Khối lượng giao dịch của sản phẩm Chứng quyền trên thị trường. Là Công ty đạt thị phần môi giới cao nhất trên sàn UPCOM – 9,66%. Ra mắt nền tảng dịch vụ khách hàng điện tử Myaccount.</p>
Năm 2020	<p>VNDIRECT cán mốc 100.000 tài khoản mở mới trong năm 2020, chiếm tới 40% tài khoản mở mới toàn thị trường. Là công ty tiên phong trong ngành đưa định danh điện tử eKYC vào quy trình mở tài khoản trực tuyến. Ra mắt sản phẩm tích sản hưu trí và chuyên trang hỗ trợ thông tin cổ phiếu Dstock.</p>
Năm 2021	<p>Công ty tiến hành tăng vốn điều lệ lên 4.349.446.870.000 đồng.</p>

	<p>Đầu năm 2021, Công ty ra mắt luồng mở tài khoản đầu tư theo DGO dành cho Khách hàng có nhu cầu đầu tư và quản lý tài sản theo con đường DGO ở VNDIRECT. Đây là điểm khởi đầu quan trọng trong hành trình trải nghiệm của khách hàng với hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ đầu tư của VNDIRECT và cũng là điểm khởi đầu giúp cho VNDIRECT nhận diện đúng nhu cầu, chăm sóc khách hàng được chu đáo, hiệu quả.</p>
Năm 2022	<p>Ngày 15 tháng 4 năm 2022, VNDIRECT đã hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ lên 12.178.440.090.000 đồng, đưa vốn chủ sở hữu đạt trên 14 nghìn tỷ đồng, trở thành định chế tài chính với quy mô vốn tương đương các tổ chức tín dụng tầm trung và nằm trong top các công ty chứng khoán có quy mô vốn chủ sở hữu lớn nhất thị trường.</p>
Năm 2023	<p>Năm 2023, VNDIRECT đã thực hiện tái cơ cấu các khoản đầu tư của Công ty. Theo đó, VNDIRECT thực hiện mua thêm gần ba triệu cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện ("PTI"), nâng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu công ty này lên 20% và để sau khi hoàn tất giao dịch thì PTI trở thành công ty liên kết của VNDIRECT. Đồng thời, VNDIRECT đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán LPA cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A.</p>
Năm 2024	<p>Công ty hoàn tất việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng thông qua chào bán cho cổ đông hiện hữu và phát hành cho cổ đông hiện hữu để trả cổ tức. Sau phát hành, vốn điều lệ của VNDIRECT tăng từ 12.178.440.090.000 đồng lên 15.222.999.080.000 đồng. Theo đó, VNDIRECT là một trong ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ lớn nhất thị trường.</p>

2.3. Ngành nghề kinh doanh

- (1) Các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- (2) Dịch vụ nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân; thực hiện phân phối hoặc làm đại lý phân phối chứng khoán; quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán; cung ứng dịch vụ quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán cho các doanh nghiệp khác;
- (3) Cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ

cho vay chứng khoán; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán; lưu ký chứng khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán; các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh.

- (4) Giao dịch chứng khoán trên tài khoản tự doanh chứng khoán và được đầu tư, góp vốn, phát hành, chào bán các sản phẩm tài chính.
- (5) Dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán chứng khoán, thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán; đại lý lưu ký, thanh toán, chuyển nhượng chứng khoán; tư vấn tái cơ cấu, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại, mua bán doanh nghiệp; tư vấn quản trị, tư vấn chiến lược doanh nghiệp; tư vấn chào bán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán; tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp.
- (6) Cung cấp dịch vụ tài chính và các dịch vụ chứng khoán khác phù hợp với quy định của pháp luật sau khi báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản.

2.4. Địa bàn kinh doanh

VNDIRECT có mạng lưới hoạt động tại tập trung tại những thành phố lớn tại Việt Nam như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Cần Thơ,...

Miền Bắc

Trụ sở chính – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 3972 4568 | Fax: 024.39724600

Chi nhánh Thanh Xuân – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà CT1 số 43 Đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Phòng Giao dịch Đồng Đa – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà TTIG Tower, số 174 Thái Hà, phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Phòng Giao dịch Hai Bà Trưng – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Số 97 Lò Đúc, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Phòng Giao dịch Văn Cao – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Số 22 Văn Cao, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Phòng Giao dịch Trần Thái Tông – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Tầng 1, số 95 Trần Thái Tông, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT – Phòng Giao dịch Ngụy Như Kon Tum

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà hỗn hợp căn hộ để bán và văn phòng cao cấp cho thuê – Tòa nhà Comatce Tower, số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT – Chi nhánh Quảng Ninh

Địa chỉ: Tầng 1, 2 và 3, Ô số 10, Lô LK1, Khu chung cư và dân cư cao cấp Việt Hàn, Phường Hồng Gai, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Chi nhánh Nam Định – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Số 88 – 90 phố Phạm Sư Mạnh, Phường Cửa Bắc, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Miền Trung

Chi nhánh Thanh Hóa – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Tầng 2, số 11 Hạc Thành, Phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT – Chi nhánh Vinh – Nghệ An

Địa chỉ: Thửa đất số 204, tờ bản đồ số 01, Khối Yên Vinh, Phường Hưng Phúc, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0238 868 8466

Chi nhánh Đà Nẵng – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Số 57 Duy Tân, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 382 1111 | Fax: 0236 389 8616

Phòng Giao dịch Nguyễn Hữu Thọ – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Tầng 5, Phòng 5A, Tòa nhà nhà Ricco số 363 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

Miền Nam

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: 90 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 7300 0688 | Fax: 028 3914 6924

Chi nhánh Bình Dương – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Tầng 1, Số 280 đường 30/04, Khu 03, Phường Chánh Nghĩa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0274 222 2659 - 0274 222 2660

Chi nhánh Cần Thơ – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà STS, số 11B Hòa Bình, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Điện thoại: 0292 376 6959 | Fax: 0292 382 6331

Phòng Giao dịch SALA – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT¹

Địa chỉ: Số 151 Nguyễn Cơ Thạch, Phường An Lợi Đông, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Phòng Giao dịch Nguyễn Xí – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Tầng 1, số 205 đường Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Phòng Giao dịch Hải Thượng Lãn Ông – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Tầng 1, 102A-B Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

2.5. Giải thưởng – Thành tựu đạt được

Top 10 thành viên giao dịch có thị phần môi giới lớn nhất năm 2024

Nằm trong Top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất năm 2024 được ghi nhận và trao tặng bởi Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam (Top 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu lớn nhất trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội; Top 6 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh).

Top 10 thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2024

Nằm trong Top 10 thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2024, được ghi nhận và trao tặng bởi Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Top 10 thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán chứng khoán phái sinh năm 2024

Nằm trong Top 10 thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán chứng khoán phái sinh năm 2024, được ghi nhận và trao tặng bởi Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

¹ VNDIRECT đã nhận được Quyết định số 39/QĐ-UBCK ngày 14/03/2025 của UBCKNN về việc sửa đổi Quyết định chấp thuận thành lập phòng giao dịch công ty chứng khoán. Theo đó, từ ngày 14/3/2025, Phòng giao dịch SALA thay đổi thông tin như sau:

- Tên phòng giao dịch: Phòng giao dịch Thủ Đức – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
- Địa chỉ phòng giao dịch: Tầng 1, 4 & 5, Số 1 và Số 3, đường B4, Phường An Lợi Đông, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Private 100 - Top doanh nghiệp tư nhân nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam

VNDIRECT đứng thứ 36 trong bảng xếp hạng Top 100 doanh nghiệp tư nhân nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam và Top 4 công ty chứng khoán tư nhân nộp ngân sách lớn nhất.

Top 10 Công ty uy tín ngành Tài chính năm 2024

VNDIRECT thuộc Top 5 công ty uy tín ngành Tài chính – Nhóm Công ty chứng khoán năm 2024 do Vietnam Report công bố.

Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam

Lần thứ 8 liên tiếp nằm trong danh sách VNR500 - Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam do Vietnam Report xếp hạng. Năm 2024, VNDIRECT đứng thứ 3 ngành chứng khoán và đứng thứ 123 trong nhóm Doanh nghiệp tư nhân.

Top 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam

Nằm trong Top 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam do Vietnam Report xếp hạng, VNDIRECT đứng thứ 62 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất và đứng thứ 32 trong nhóm Doanh nghiệp tư nhân lợi nhuận tốt nhất.

Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam VBE500

Nằm trong Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam VBE500 do Báo đầu tư và VietResearch công bố, đứng vị trí 116.

2.6. Tầm nhìn – Sứ mệnh

TẦM NHÌN VNDIRECT

VNDIRECT trở thành nơi hội tụ trí tuệ và kết nối tri thức toàn cầu, khơi thông dòng vốn của toàn dân, tạo cơ hội cho mọi người dân được tham gia cùng các doanh nghiệp đóng góp vào Giấc mơ Việt Nam – mang lại giá trị phụng sự cho mọi người dân Việt Nam.

SỨ MỆNH CỦA VNDIRECT

VNDIRECT mong muốn xây dựng và phát triển thành một định chế tài chính được mọi khách hàng tin chọn, nơi cung cấp tri tuệ công nghệ và đội ngũ con người làm nghề có chuẩn mực đạo đức và tinh thần dân thân phụng sự để giúp mọi khách hàng kiến tạo được Sức khỏe tài chính, Bảo an thịnh vượng và Tăng trưởng bền vững.

2.7. Giá trị cốt lõi

Đạo đức chính trực (Conduct of Integrity)

Đó là là giá trị cốt lõi đầu tiên của mỗi VNDIRECTOR, VNDIRECT hiểu rằng, chỉ có sự chính trực và cam kết tôn trọng sự thật khách quan mới giúp VNDIRECT có thể tự tin xây dựng uy tín dịch vụ và các giá trị bền vững cho một tập thể của những con người yêu nghề và trân quý tất cả cơ hội khách hàng đã trao tặng VNDIRECT.

Trí tuệ tập thể (Collective Wisdom)

Mỗi cá nhân chủ động tìm kiếm sự giúp đỡ từ những người có kiến thức, kinh nghiệm với thái độ cầu thị; đồng thời tìm hiểu nền tảng trí tuệ tập thể đã được tích lũy qua thời gian, áp dụng hiệu quả trong công việc và hoàn thiện năng lực của tổ chức.

Hợp tác phụng sự (Collaboration of Services)

Mọi trải nghiệm của VNDIRECT với mỗi khách hàng là một tài sản quý báu, giúp VNDIRECT luôn được học hỏi và hoàn thiện mình. VNDIRECT tôn trọng mọi nhu cầu khác biệt của mỗi khách hàng và luôn lắng nghe để thấu hiểu từng nhu cầu và cung cấp được giải pháp tối ưu cho khách hàng với mọi điều kiện VNDIRECT có thể.

Kết nối giá trị (Connection of Values)

VNDIRECT cùng nhau chia sẻ và đóng góp kinh nghiệm và kiến thức nghề nghiệp để tạo được một dòng sông trí tuệ tập thể, giúp cho mỗi VNDIRECT có được nền tảng tri thức nghề nghiệp và sự sáng tạo không ngừng của một tập thể lớn mạnh, đáp ứng được mọi mong đợi của khách hàng.

2.8. Định hướng phát triển

VNDIRECT tập trung vào định hướng trở thành một hệ sinh thái đầu tư với đầy đủ sự lựa chọn cho khách hàng dựa trên ba năng lực cốt lõi.

Con người

Công ty đã xây dựng được văn hóa làm việc trên bốn khung năng lực cốt lõi IPAM của mỗi nhân viên VNDIRECT:

Insights – Năng lực quan sát, Tôn trọng sự thật

Passion – Năng lực học hỏi, Đam mê hoàn thiện

Action – Năng lực hành động, Thái độ tích cực

Mindfulness – Năng lực tập trung, Toàn tâm phụng sự

VNDIRECT – Cộng đồng những người làm nghề có đạo đức và tinh thần dẫn thân phụng sự.

Những con người có phẩm chất IPAM (Insights – Passion – Action – Mindfulness) đã xây dựng được sức mạnh của một tập thể những con người làm nghề chuyên nghiệp, có khả năng hiểu biết sâu sắc về tầm nhìn, sứ mệnh và hệ giá trị của công ty (INSIGHTS – CÁI THẤY ĐÚNG ĐẮN), có năng lực tạo ra sức mạnh sáng tạo từ sự đam mê nghề nghiệp (PASSION – ĐAM MÊ), năng lực hành động cùng một tập thể tri thức với kinh nghiệm đa dạng (ACTION – HÀNH ĐỘNG), và khả năng an trú vững vàng trong mọi điều kiện của thị trường (MINDFULNESS – AN VUI VỚI HIỆN TẠI).

Công nghệ

VNDIRECT luôn định vị công nghệ là năng lực kinh doanh cốt lõi, là nền tảng để định vị chiến lược cạnh tranh dài hạn của công ty với 3 mục tiêu mũi nhọn:

- **Tính ổn định (“stability”)**: sự cố công nghệ xảy ra giúp công ty ý thức rõ ràng hơn tầm quan trọng của việc đảm bảo tính ổn định, khả năng vận hành liên tục của hệ thống. Trong bối cảnh thách thức của thời đại số, trước những rủi ro hiện hữu của tấn công mạng, việc duy trì tính ổn định, tính bảo mật của hệ thống là mục tiêu tối thượng trong chiến lược công nghệ của công ty.
- **Khả năng mở rộng (“scalability”)**: chu kỳ phát triển mạnh mẽ của sản phẩm số là cơ hội giúp công ty có thể tiếp cận được hàng triệu người dùng. Do đó, khả năng linh hoạt có thể mở rộng được năng suất, khả năng phục vụ của hệ thống là tiền đề quan trọng cho những giai đoạn tăng trưởng nóng của thị trường.
- **Tốc độ ra thị trường (“time to market”)**: một hệ thống linh hoạt để đảm bảo tốc độ ra thị trường nhanh nhất của sản phẩm dịch vụ, đảm bảo năng lực cạnh tranh liên tục của công ty.

CHUỖI GIÁ TRỊ

Khách hàng cá nhân: VNDIRECT định vị trở thành đối tác tin cậy của khách hàng trên hành trình kiến tạo sức khoẻ tài chính DGO dựa trên xây dựng tháp tài sản HWG (Health – Wealth – Growth) nhằm hướng tới bảo an thịnh vượng và phát triển bền vững cho khách hàng. Công ty tiếp tục đóng gói, kiện toàn các giải pháp sản phẩm dịch vụ cho các nhu cầu giao dịch chứng khoán Dstock; nhu cầu tư vấn đầu tư và quản lý tài sản Dwealth và dịch vụ chuyên gia Dcare.

Khách hàng doanh nghiệp: VNDIRECT cam kết đồng hành cùng doanh nghiệp trên hành trình chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và giúp doanh nghiệp tiếp cận, tối ưu hóa nguồn vốn và phát triển bền vững. Bên cạnh những dịch vụ tư vấn cấu trúc tài chính truyền thống, công ty tiếp tục các kiện toàn các giải pháp về tư vấn quản lý nguồn vốn, tư vấn tái cấu trúc, tư vấn quản trị doanh nghiệp nhằm giúp doanh nghiệp hướng tới các chuẩn mực cao nhất về ESG.

Khách hàng tổ chức, khách hàng định chế tài chính: VNDIRECT với chiến lược “plug & play”, mở rộng kết nối với các tổ chức, các định chế tài chính thông qua định vị công nghệ để có thể trở thành cánh tay nối dài cho các Tổ chức tham gia vào thị trường vốn Việt nam.

2.9 Các công ty con, công ty liên kết: Tình hình hoạt động kinh doanh

Công ty liên kết

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Số vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI)	95 Trần Thái Tông, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ	836.115.332.000	20%
2	Công ty Cổ phần Âm thực Mặt trời vàng (GSF) ²	Số 1 đường 4, KTT F361, ngõ 32 phố An Dương, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	78.390.000.000	5,55% (Tỷ lệ biểu quyết 36%)

Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết: (Tính đến ngày 31/12/2024)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI)	Công ty Cổ phần Âm thực Mặt trời vàng (GSF)
Doanh thu	4.111	1.377
Lợi nhuận trước thuế	403	6
Lợi nhuận sau thuế	322	5
Tổng tài sản	8.424	1.523

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2024 của PTI và Báo cáo tài chính của GSF

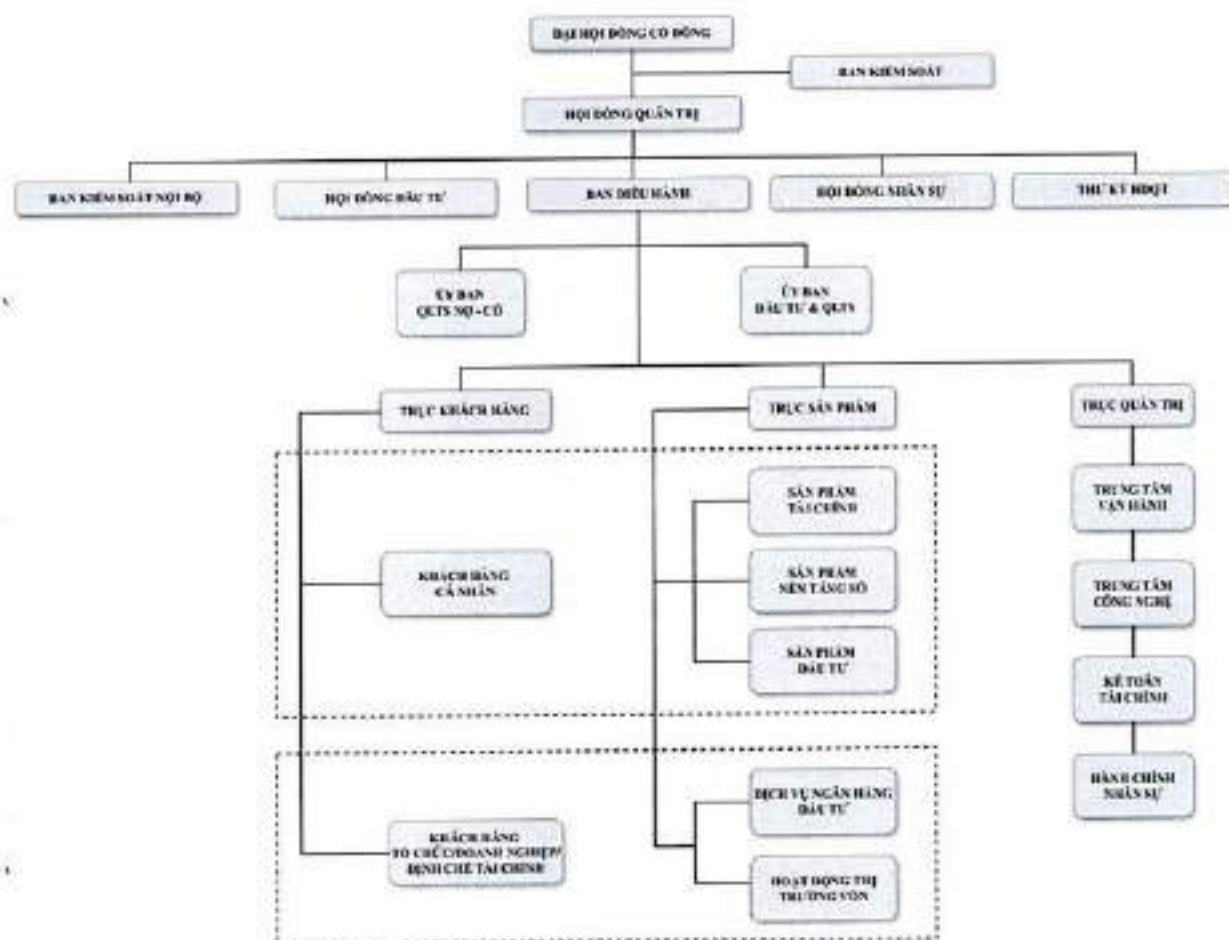
² Ngày 21/3/2025, Chủ tịch HĐQT Công ty đã ban hành quyết định về việc chuyển nhượng Cổ phần công ty cổ phần Âm thực mặt trời vàng để sau khi chuyển nhượng thì Công ty cổ phần Âm thực Mặt trời vàng không còn là công ty liên kết của VNDIRECT.

2.10. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

VNDIRECT hoạt động theo loại hình công ty cổ phần, tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình được quy định tại điểm a, Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp năm 2020 gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc (xem sơ đồ dưới đây):

Cơ cấu, sơ đồ tổ chức hoạt động



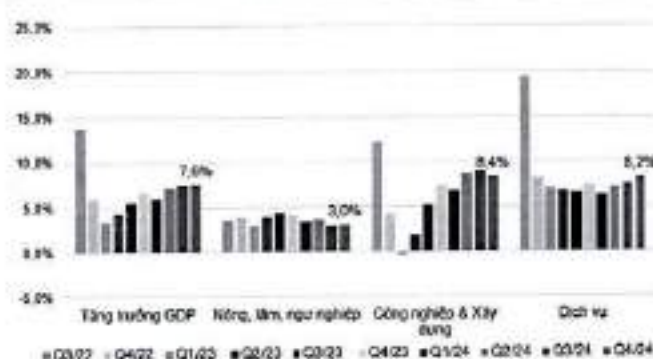
III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

3.1. Điều kiện kinh doanh 2024

KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2024: TĂNG TRƯỞNG VƯỢT DỰ BÁO TRONG NĂM 2024

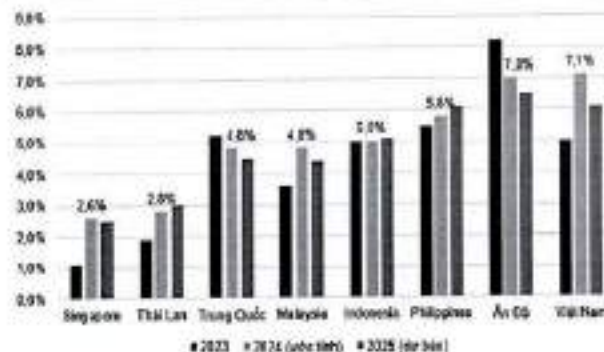
Theo Tổng cục Thống kê (TCTK), tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 7,1% so với cùng kỳ (svck) trong năm 2024, vượt xa dự báo của các tổ chức quốc tế là trong khoảng 6-6,5% và đưa Việt Nam trở thành một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất châu Á. Đây cũng là mức tăng trưởng cao thứ hai sau đại dịch COVID-19, chỉ thấp hơn mức cao đột biến 8,54% vào năm 2022, khi nền kinh tế mở cửa trở lại sau đại dịch. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2024 được thúc đẩy bởi: 1) khu vực sản xuất phục hồi mạnh mẽ từ mức nền thấp của năm 2023; 2) kim ngạch xuất khẩu tăng 14% svck sau khi giảm gần 5% vào năm 2023; 3) lượng khách quốc tế tăng gần 40% svck, hỗ trợ đáng kể cho tiêu dùng trong nước; 4) vốn giải ngân FDI đạt kỷ lục (+9,4% svck vào năm 2024); và 5) môi trường lãi suất thấp cùng với Luật đất đai sửa đổi chính thức có hiệu lực từ tháng 7/2024 đã thúc đẩy sự phục hồi của lĩnh vực bất động sản và đầu tư tư nhân.

Hình 1: Động lực tăng trưởng vẫn mạnh mẽ khi nền kinh tế ghi nhận tốc độ tăng trưởng đạt 7,55% svck trong Q4/24



Nguồn: TCTK, VNDIRECT RESEARCH

Hình 2: Việt Nam nằm trong số các nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất châu Á trong năm 2024

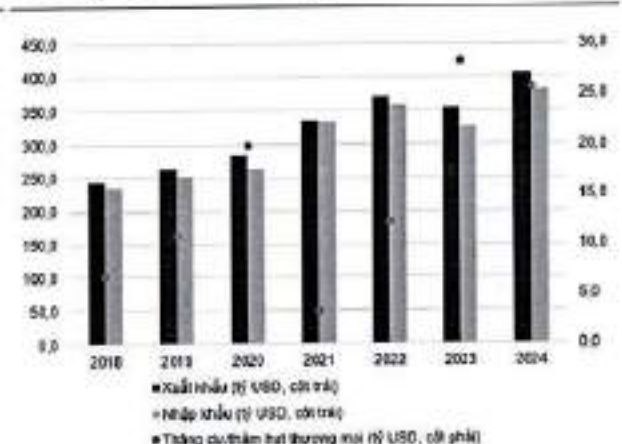
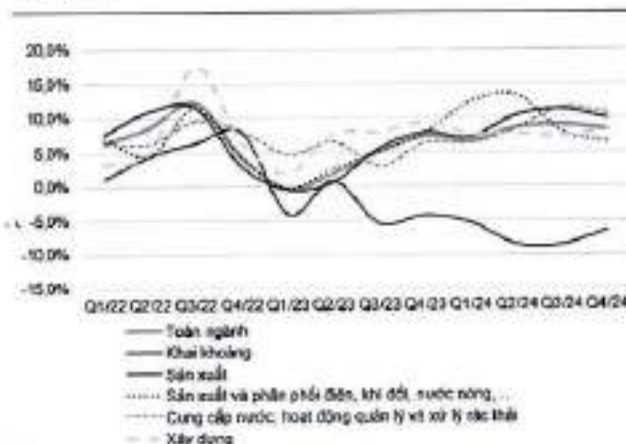


Nguồn: TCTK, VNDIRECT RESEARCH

Sự phục hồi lĩnh vực công nghiệp và xây dựng là động lực thúc đẩy tăng trưởng. Năm 2024, lĩnh vực này ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ 8,2% svck, đánh dấu tốc độ tăng trưởng hàng năm cao nhất kể từ năm 2019. Trong đó, phân ngành phân phối điện, khí đốt, hơi nước tăng trưởng 10,1% svck vào năm 2024, tiếp theo là phân ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (+9,8% svck) và phân ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (+9,4% svck). Mặt khác, phân ngành khai khoáng giảm 7,2% svck, mức giảm mạnh nhất kể từ năm 2016, do sản lượng dầu thô và khí tự nhiên sụt giảm đáng kể. Hoạt động thương mại cũng có một năm bùng nổ với kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu tăng trưởng lần lượt là 14% svck và 17% svck, đóng góp lớn vào sự cải thiện của khu vực sản xuất. Năm 2024, Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại đạt 24,7 tỷ

USD, giảm nhẹ so với mức kỷ lục 28,4 tỷ USD của năm 2023. Nhóm 5 sản phẩm có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất trong năm 2024 bao gồm: Hàng điện tử, linh kiện, máy tính (72,6 tỷ USD; +26,6% svck); Điện thoại và linh kiện (53,9 tỷ USD; +2,9% svck); Máy móc thiết bị (52,2 tỷ USD; +21,0% svck); Dệt may (37,0 tỷ USD; +11,2% svck); và Giày dép (22,9 tỷ USD; +13,0% svck).

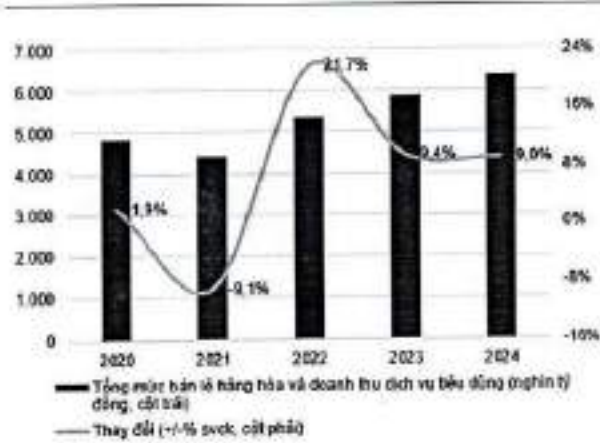
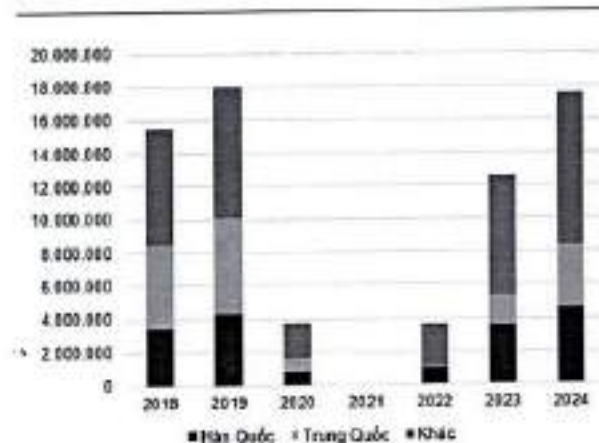
Hình 3: Hoạt động sản xuất thúc đẩy tăng trưởng **Hình 4: Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2024**



Nguồn: TCTK, VNDIRECT RESEARCH Nguồn: TỔNG CỤC HẢI QUAN, VNDIRECT RESEARCH

Lĩnh vực dịch vụ cũng ghi nhận đã cải thiện dần trong năm 2024 với mức tăng trưởng cả năm đạt 7,4% svck, mức cao thứ hai trong giai đoạn 2020-2024. Các yếu tố hỗ trợ tăng trưởng lĩnh vực dịch vụ trong năm 2024 bao gồm: Lượng khách du lịch quốc tế tăng gần 40% svck; thị trường bất động sản phục hồi và thị trường việc làm cũng như thu nhập của người lao động dần cải thiện trong nửa sau của năm 2024.

Hình 5: Lượng khách du lịch quốc tế tăng 39,5% svck, gần đạt mức kỷ lục vào năm 2019... **Hình 6: ...đã hỗ trợ tiêu dùng nội địa tăng trưởng ổn định trong năm 2024**



Nguồn: CỤC DU LỊCH, VNDIRECT RESEARCH

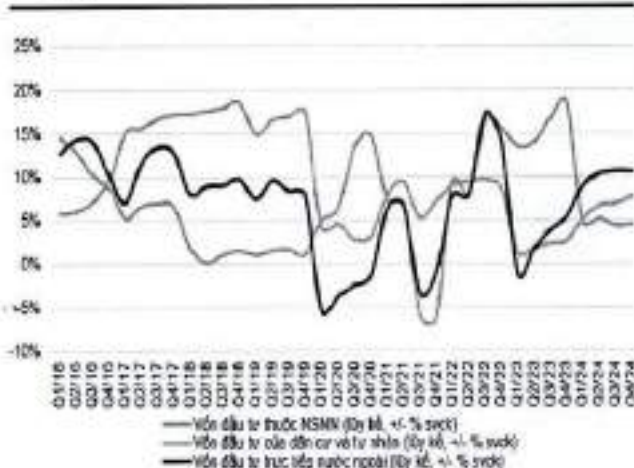
Nguồn: TCTK, VNDIRECT RESEARCH

Năm 2024, lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp chỉ tăng trưởng 3,3% svck, giảm từ mức 3,9% svck vào năm 2023, chủ yếu do ảnh hưởng của Bão Yagi. Theo các sản phẩm chăn nuôi chủ yếu, quy mô đàn lợn tăng 6,6% svck vào năm 2024 do xu hướng chuyển đổi chăn nuôi từ gia đình sang bán công nghiệp và giá thịt lợn tăng mạnh, trong khi quy mô đàn gia cầm tăng 5,4% svck. Mặt khác, quy mô đàn trâu bò đi ngang.

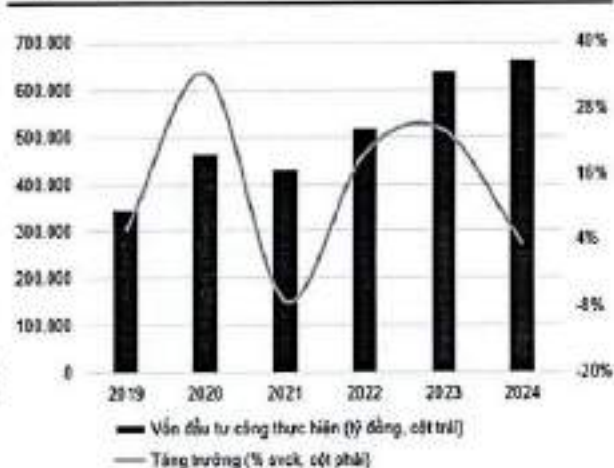
Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cũng ghi nhận kết quả khá. FDI thực hiện năm 2024 tăng 9,4% svck lên 25,4 tỷ USD, thiết lập kỷ lục mới. Trong khi đó, FDI đăng ký giảm nhẹ 3,0% svck xuống 38,2 tỷ USD, chủ yếu do mức nền rất cao của nửa cuối năm 2023. Singapore dẫn đầu tổng vốn FDI đăng ký của Việt Nam năm 2024 với 10,2 tỷ USD (+31,4% svck), chiếm 26,7% tổng vốn FDI đăng ký của Việt Nam năm 2024, tiếp theo là Hàn Quốc với 7,1 tỷ USD (+37,5% svck), chiếm 18,5%. Một sự kiện nổi bật trong năm 2024 là việc Nvidia đã công bố thành lập trung tâm R&D AI tại Hà Nội và hợp tác xây dựng nhà máy. Đây là trung tâm nghiên cứu đầu tiên của NVIDIA ở Đông Nam Á. Động thái chiến lược này, cùng với việc phát triển một trung tâm dữ liệu tiên tiến, phù hợp với mục tiêu đầy tham vọng của Việt Nam là đạt được 100 tỷ USD doanh thu lĩnh vực bán dẫn hàng năm vào năm 2050. Cam kết đầu tư của NVIDIA vào Việt Nam khẳng định triển vọng của Việt Nam trong việc trở thành một điểm đến hấp dẫn cho đầu tư và phát triển công nghệ cao toàn cầu.

Mặc dù ghi nhận mức tăng trưởng cao trong năm 2024, sự phục hồi của nền kinh tế vẫn chưa thực sự lan tỏa do một phần động lực chính đến từ sự cải thiện của các yếu tố bên ngoài, trong đó có xuất khẩu và giải ngân FDI. Trong khi đó, cầu tiêu dùng trong nước phục hồi chưa đạt kỳ vọng. Cụ thể, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tăng 9,0% svck vào năm 2024 (sv +9,4% svck vào năm 2023). Loại trừ lạm phát, tổng mức bán lẻ chỉ tăng 5,9% svck (sv +6,8% svck vào năm 2023), thấp hơn đáng kể so với mức 8-9% svck trước đại dịch. Bên cạnh đó, đầu tư công và đầu tư tư nhân cũng chưa đạt kỳ vọng. Vốn đầu tư tư nhân tăng 7,7% svck lên 2.064,2 nghìn tỷ đồng (80,5 tỷ USD) trong năm 2024, chiếm 55,9% tổng vốn đầu tư. Dù đã cải thiện so với mức tăng trưởng 2,6% svck vào năm 2023, tăng trưởng đầu tư tư nhân vẫn thấp hơn đáng kể so với mức trước đại dịch là khoảng 15-16% mỗi năm. Trong khi đó, vốn nhà nước thực hiện tăng nhẹ 3,3% svck lên 661,3 nghìn tỷ đồng thấp hơn đáng kể so với mức nền cao +24,0% svck vào năm 2023 và chỉ đạt 84,6% kế hoạch năm.

Hình 7: FDI là động lực tăng trưởng chính, Hình 8: Vốn nhà nước thực hiện tăng trưởng chậm lại vào năm 2024 do mức nền cao....



Nguồn: TCTK, VNDIRECT RESEARCH



Nguồn: TCTK, VNDIRECT RESEARCH

Áp lực lạm phát gia tăng trong 3 quý đầu năm 2024 cũng là yếu tố khiến người tiêu dùng chưa cảm nhận thấy “thu nhập thực” có cải thiện đáng kể. Lạm phát chạm và vượt mức 4% trong giai đoạn từ tháng 2 đến tháng 7 đã ảnh hưởng tới sức mua của người dân. Phải đến tháng 8 lạm phát mới bắt đầu có xu hướng hạ nhiệt rõ nét, chủ yếu nhờ giá xăng dầu giảm. Tính cả năm 2024, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Việt Nam tăng 3,63% svck, phù hợp với dự báo và đạt mục tiêu của Quốc hội đề ra là kiểm soát lạm phát dưới 4,5%.

Biến động tỷ giá đã làm lu mờ phần nào những điểm sáng vĩ mô trong năm 2024. Đồng Việt Nam mất giá 4,9% so với USD trong 6T24, do lạm phát dai dẳng và dữ liệu việc làm mạnh mẽ của Mỹ đã trì hoãn thời điểm cắt giảm lãi suất lần đầu của Fed, khiến NHNN phải bán can thiệp 6,0 tỷ USD ngoại tệ dự trữ. Sau đó, việc Fed cắt giảm lãi suất 50 điểm cơ bản trong Q3/24 và chuyển sang quan điểm chính sách trung lập đã hỗ trợ đồng VNĐ tăng giá. Tuy vậy, áp lực tỷ giá leo thang trở lại vào cuối tháng 10 khi cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ đến gần và chiến thắng của ông Trump đã khiến chỉ số sức mạnh đồng đô la (DXY) tăng mạnh, vượt qua mốc 108 vào cuối năm. Kết năm 2024, đồng VNĐ mất giá 5% vào năm 2024 trong bối cảnh DXY tăng hơn 7% trong năm, và NHNN phải bán thêm ~2,6 tỷ USD dự trữ ngoại hối chỉ trong tháng 12 (tổng cộng khoảng 9 tỷ USD trong năm 2024).

3,63% svek vào năm 2024

	Tỷ trọng (%)	quý III/2023	quý III/2022	Đổi (%)
GDP Việt Nam	100%	0,29%	1,33%	2,04%
Hàng bán và dịch vụ ăn uống	33,55%	-0,12%	4,02%	2,87%
Lương thực	3,67%	0,20%	12,18%	4,56%
Thực phẩm	21,28%	-0,39%	2,77%	0,72%
Áo quần ngoài ga đũa	8,61%	0,14%	3,89%	3,89%
Đồ uống và thuốc lá	2,73%	0,29%	2,42%	2,40%
May mặc, mũ nón, giày dép	5,79%	0,28%	1,43%	1,15%
Hàng và vật liệu xây dựng	18,82%	0,23%	5,27%	5,10%
Thuế và đồ dùng gia đình	6,74%	0,17%	1,27%	1,49%
Thuế và dịch vụ y tế	5,39%	2,19%	7,18%	5,32%
Giáo dục	6,67%	0,57%	0,76%	-0,29%
Bưu chính viễn thông	2,14%	-0,23%	-1,02%	-0,51%
Giải trí	6,17%	0,19%	5,37%	-1,30%
Hàng bán, giảm và di lịch	4,55%	0,29%	1,97%	2,31%
Hàng mua và dịch vụ khác	3,23%	0,23%	0,58%	0,89%
GDP EU	100%	0,25%	1,36%	1,61%

Nguồn: TCTK, VNDIRECT RESEARCH

Hình 10: Tỷ giá USD/ VND tăng 5,0% vào năm 2024

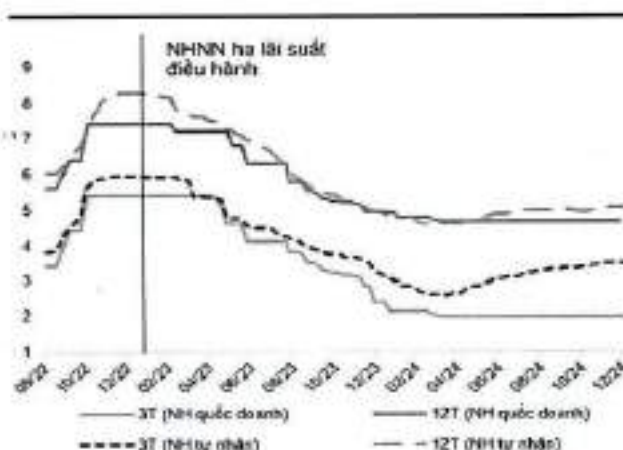


Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Nhìn chung tiền đồng vẫn biến động ở mức ổn định hơn so với các đồng tiền trong khu vực như Ringgit Malaysia và Baht Thái trong bối cảnh Mỹ xoay trục chính sách tiền tệ và sự trở lại của Trump. Sự ổn định này phần lớn nhờ vào việc NHNN can thiệp tỷ giá kịp thời. VNDIRECT tin rằng điều này rất quan trọng đối với các nền kinh tế định hướng xuất khẩu như Việt Nam, vì những biến động lớn về tỷ giá có thể làm giảm khả năng cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu trên thị trường quốc tế.

NHNN đã rất nỗ lực điều hành chính sách tiền tệ trong năm vừa qua nhằm cân bằng giữa mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng và kiểm soát tỷ giá. Lãi suất liên ngân hàng có xu hướng tăng trong năm 2024 do NHNN muốn duy trì vùng lãi suất liên ngân hàng đủ cao để thu hẹp chênh lệch lãi suất tiền đồng và USD nhằm hỗ trợ tỷ giá. Trong khi đó, mặt bằng lãi suất huy động nhìn chung ổn định, giảm trong nửa đầu năm và phục hồi trở lại trong nửa sau năm 2024. Tại thời điểm cuối năm 2024, lãi suất huy động bình quân 12 tháng của các ngân hàng thương mại trong danh sách theo dõi của VNDIRECT ở mức 4,86%, giảm nhẹ 0,08 điểm % so với thời điểm cuối năm 2023. Đồng thời, theo Bộ Tài chính, lãi suất cho vay ghi nhận mức giảm 44 điểm cơ bản so với cuối năm 2023. Môi trường lãi suất thấp và sự phục hồi của thị trường bất động sản giúp cầu tín dụng cải thiện. Tăng trưởng tín dụng đạt 15,1% svck vào năm 2024, vượt mức 13,8% của năm trước. NHNN năm 2024 đã thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về điều hành tăng trưởng tín dụng linh hoạt, hiệu quả, kịp thời, đáp ứng vốn tín dụng cho nền kinh tế, trong đó chủ động thực hiện 2 lần điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho các ngân hàng thương mại.

Hình 11: Nền lãi suất thị trường nhích tăng vào nửa cuối năm



*Nguồn: CÁC NHTM, VNDIRECT
RESEARCH*

Hình 12: Thặng dư NSNN tăng vọt vào năm 2024 tăng dư địa hỗ trợ tăng trưởng trong tương lai

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng	2024	% kế hoạch năm	tăng trưởng % svck
Thu ngân sách	2.037,69	119,8%	16,2%
Tàu nội địa	1.706,49	118,1%	16,0%
Tàu từ dầu thô	58,6	127,5%	-5,4%
Tàu từ hoạt động xuất nhập khẩu	271,3	133,0%	24,1%
Chi ngân sách	1.830,89	98,4%	5,7%
Chi thường xuyên	1.190,70	94,5%	12,5%
Chi đầu tư phát triển	529,1	78,1%	-8,7%
Chi trả lãi và nợ gốc	109,3	97,0%	20,2%
Cân đối ngân sách	206,79		

*Nguồn: BỘ TÀI CHÍNH, VNDIRECT
RESEARCH*

Bức tranh tài khóa là điểm sáng trong năm 2024 khi thu ngân sách cải thiện tích cực, với mức tăng mạnh 16,2% svck lên 2.038 nghìn tỷ đồng, đạt 119,8% mục tiêu năm. Chi tiêu ngân sách tăng 5,7% svck lên 1.830,8 nghìn tỷ đồng. Như vậy, Việt Nam tạm thời ghi nhận thặng dư ngân sách đạt 206,7 nghìn tỷ đồng (do 31/01/2025 mới kết thúc năm tài chính), so với mức thâm hụt ngân sách là 14,1 nghìn tỷ đồng cùng kỳ năm 2023). Điều này giúp cải thiện dư địa tài khóa dồi dào để hỗ trợ cho các mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong tương lai. Ngoài ra, gánh nặng nợ công Việt Nam tiếp tục ở dưới mức trung bình so với các thị trường mới nổi trong khu vực.

Việt Nam hiện đang giữ mức xếp hạng BB+ với Triển vọng ổn định từ cả Fitch và S&P, thấp hơn mức đầu tư một bậc. Moody's xếp hạng Việt Nam ở mức Ba2 với Triển vọng ổn định, cách hai bậc so với ngưỡng đầu tư. Những xếp hạng này phản ánh triển vọng tăng trưởng trung hạn mạnh mẽ của Việt Nam, được hỗ trợ bởi dòng vốn FDI mạnh mẽ, nền tảng tài chính công tương đối lành mạnh và gánh nặng nợ nước ngoài thấp.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (TTCK) NĂM 2024: THỊ TRƯỜNG GẬP KHÓ TRƯỚC NGUỖNG CẢN 1.300 ĐIỂM

Hình 13: Trải qua một năm nhiều biến động, VN-INDEX khép lại năm 2024 với mức tăng 12,1%



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, dữ liệu ngày 31/12/2024

Thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam trải qua nhiều biến động trong năm 2024 với hai nửa tương phản rõ rệt, sôi động trong nửa đầu năm và ảm đạm trong phần còn lại. Diễn biến cụ thể có thể được miêu tả như sau:

- Q1 vững vàng: VN-Index tăng 13,5% trong Q1, nhờ 1) Quốc hội thông qua Luật Đất đai; 2) GDP Q1/24 +5,66% svck, mức tăng Q1 cao nhất kể từ năm 2020.
- Q2- Niềm vui ngắn: VN-Index vượt ngưỡng 1.300 vào ngày 12/6, tuy nhiên tỷ giá USD/VND +4,9% trong 6T24 khiến NHNN phải bán ~6 tỷ USD dự trữ, khiến thị trường giảm 50 điểm về cuối quý.
- Q3- Dù có gió thuận, thị trường vẫn ảm đạm: Mặc dù thị trường đón nhận tin vui như Fed cắt giảm lãi suất 50 điểm cơ bản hay Thông tư 68/2024/TT-BTC được ban hành, VN-Index giao dịch trong biên độ hẹp và thiếu lực đẩy.
- Q4- Bất định: Sự trở lại của Trump, đẩy chỉ số DXY lên trên 108 mặc dù Fed hạ lãi suất 1% trong năm, khiến NHNN phải bán ~2,6 tỷ USD trong tháng 12. Mặc dù thị trường ghi nhận thông tin tích cực như NVIDIA thành lập trung tâm R&D AI tại Việt Nam – trung tâm R&D đầu tiên ở Đông Nam Á, áp lực ngoại hối leo thang khiến khối ngoại bán ròng lên tới 90 nghìn tỷ đồng trong năm 2024. VN-Index đóng cửa năm ở mức 1.266,78 (+12,1% sv cuối năm 2023).

Nhìn chung, TTCK Việt Nam đã vượt qua nhiều cơn gió ngược trong năm 2024 để ghi nhận mức

tăng trưởng khá, VN-Index khép lại năm 2024 với mức tăng trưởng 12,1% (sv +12,2% trong năm 2023), lên mức 1.266,78 điểm. Mức tăng trưởng của VN-Index hơn gấp đôi mức 5,1% của Chỉ số MSCI theo dõi các thị trường cận biên. Điều này không chỉ khẳng định vị thế của Việt Nam như một điểm đến đầu tư đáng chú ý mà còn là bản đáp cho triển vọng nâng hạng thời gian tới.

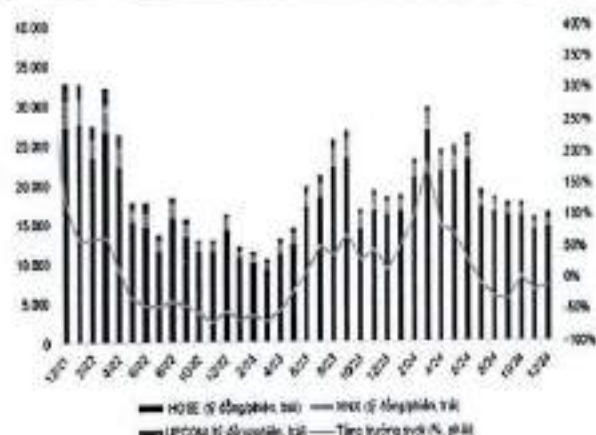
Năm 2024 đánh dấu những bước tiến quan trọng trong việc nâng cao minh bạch thị trường, bao gồm 1) Quốc hội thông qua Luật Chứng khoán sửa đổi; 2) tăng cường thực thi pháp luật với các vụ án nổi bật, liên quan đến Tân Hoàng Minh, Vạn Thịnh Phát-SCB và Tập đoàn FLC-Trịnh Văn Quyết; và 3) cải thiện khả năng tiếp cận của nhà đầu tư nước ngoài thông qua việc ban hành Thông tư 68/2024/TT-BTC. VNDIRECT tin rằng đây sẽ nền tảng vững chắc cho sự phát triển thị trường trong tương lai.

Thanh khoản tăng trưởng nhờ diễn biến sôi động trong nửa đầu năm 2024

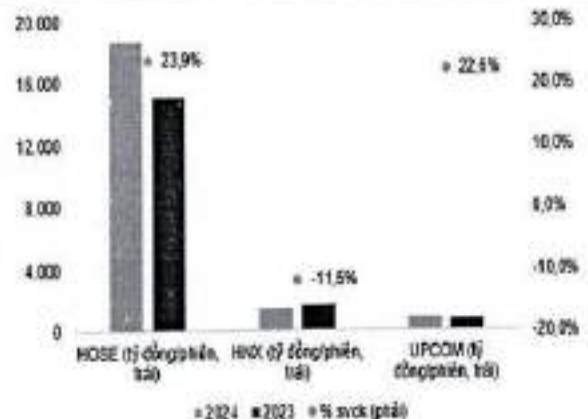
Năm 2024, giá trị giao dịch bình quân phiên tăng 20,5% svek lên 21,1 nghìn tỷ đồng (822,9 triệu USD), bao gồm HOSE: 18,8 nghìn tỷ đồng (733,2 triệu USD), +23,9% svek; HNX: 1,5 nghìn tỷ đồng (56,6 triệu USD), -11,5% svek; và UPCOM: 901 tỷ đồng (35 triệu USD), +22,6% svek. Tài khoản mở mới của nhà đầu tư cá nhân tăng 411,8% svek lên 2.001.729 tài khoản từ mức nền thấp năm 2023

Thanh khoản tăng mạnh trong hầu hết nửa đầu năm (+80,2% svek), đồng pha với diễn biến thị trường do 1) mức nền thấp; và 2) tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ của các công ty niêm yết lần lượt là 11,3% và 20,6% svek trong Q1 và Q2. Ngược lại, thanh khoản giảm 17,6% svek trong nửa cuối năm do khối ngoại bán ròng mạnh khiến tâm lý thị trường sụt giảm do những bất định xung quanh chính sách sắp tới của Tổng thống đắc cử Trump và chỉ số DXY tăng mạnh.

Hình 14: Giá trị giao dịch bình quân phiên tăng 20,5% svek lên 21,1 nghìn tỷ đồng/phiên năm 2024 **Hình 15: Năm 2024 chứng kiến thanh khoản tăng ở sàn HOSE và UPCOM**



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, dữ liệu ngày 31/12/2024



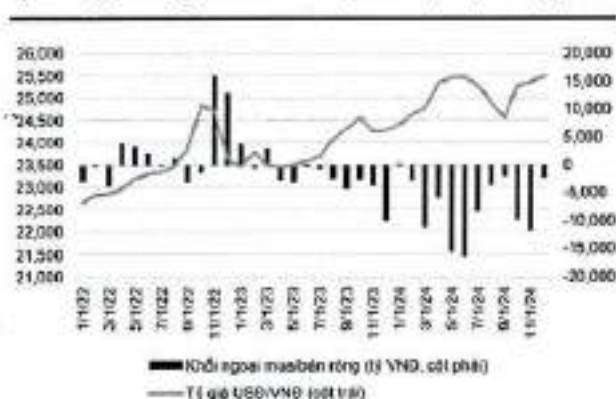
Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, dữ liệu ngày 31/12/2024

Khối ngoại bán ròng kỷ lục trong năm 2024

Khối ngoại bán ròng 90,3 nghìn tỷ đồng (3,5 tỷ USD) trong năm 2024 so với đã bán ròng 24,7 nghìn tỷ đồng (963,3 triệu USD) vào năm 2023.

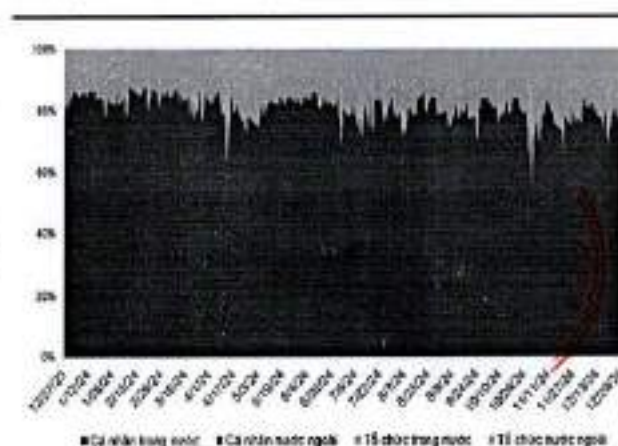
Khối ngoại bán ròng trong hầu hết năm 2024, ngoại trừ tháng 1, trong đó tháng 6 chứng kiến dòng vốn ngoại rời khỏi thị trường lớn nhất. Điều này trùng hợp với việc VND mất giá ~5% so với USD, khiến NHNN phải bán can thiệp khoảng 9 tỷ USD từ dự trữ ngoại hối trong năm 2024 để ổn định tỷ giá. Áp lực tỷ giá chủ yếu đến từ lạm phát dai dẳng ở Mỹ và dữ liệu việc làm mạnh mẽ khiến Fed giữ vững lập trường điều hòa nửa đầu năm, neo chỉ số DXY cao và gây áp lực lên đồng VND. Trong khi đã bán ròng của khối ngoại giảm 26,5% sv nửa đầu năm trong 6 tháng cuối năm nhờ việc Fed hạ lãi suất 1%. Tuy vậy, chiến thắng của Trump trong cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ năm 2024 đã đẩy chỉ số DXY tăng trên mốc 108, khiến áp lực tỷ giá quay trở lại thời điểm cuối năm cũng như thúc đẩy sự dịch chuyển dòng vốn toàn cầu từ các thị trường cận biên/mới nổi sang các quốc gia phát triển như Mỹ trong bối cảnh sự bất định gia tăng.

Hình 16: Khối ngoại bán ròng hơn 90 nghìn tỷ đồng trong năm 2024 (đơn vị: tỷ đồng)



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, dữ liệu ngày 31/12/2024

Hình 17: Tỷ trọng giao dịch nước ngoài tăng lên 9,2% từ mức 7,1% vào năm 2023



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, dữ liệu ngày 31/12/2024

3.2. Tình hình hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Tỷ đồng

Kết quả kinh doanh	2023	2024
Tổng tài sản	41.742	44.295
Vốn chủ sở hữu	16.508	19.715
Tỷ lệ Vốn khả dụng (%)	355,7%	356,1%
Lợi nhuận trước thuế	2.482	2.088
Lợi nhuận sau thuế	2.022	1.718
ROAA (%)	5,0%	4,0%
ROAE (%)	13,0%	9,5%

Nguồn: Báo cáo tài chính VNDIRECT năm 2024 đã kiểm toán

Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 2.088 tỷ đồng, hoàn thành 83% kế hoạch lợi nhuận trước thuế Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng doanh thu Công ty đạt 5.349 tỷ đồng, giảm 19,0% so với cùng kỳ ("svck") năm 2023, trong đó Doanh thu ròng giảm 19,9% ở mức 4.088 tỷ đồng.

Tổng tài sản tại 31/12/2024 đạt 44.295 tỷ đồng, tăng 6,1% so với cuối năm 2023, trong khi Vốn chủ sở hữu tăng 19,4% svck lên 19.715 tỷ đồng sau khi VNDIRECT hoàn thành tăng vốn điều lệ.

Năm 2024 Công ty tiếp tục đi theo định hướng thận trọng đảm bảo tỷ tuân thủ cho các hoạt động kinh doanh, đồng thời với mục tiêu minh bạch thị trường và là nền tảng vững chắc cho sự phát triển thị trường trong tương lai, VNDIRECT duy trì tỷ lệ vốn khả dụng (LCR) ở mức cao đạt 356,1% tại 31/12/2024.

Mặc dù lợi nhuận sau thuế năm 2024 của Công ty đạt 1.718 tỷ đồng giảm 15,9% so với năm 2023, nhưng VNDIRECT tiếp tục đứng trong top đầu các công ty chứng khoán có lợi nhuận cao. Năm 2024 Công ty đã hoàn thành tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ tại 31/12/2024 lên 15.222 tỷ đồng. Việc hoàn thành tăng vốn trong nửa sau của năm tài chính khiến tỷ suất lợi nhuận có sự sụt giảm so với năm 2023, cụ thể:

- ROAE đạt 9,5%, giảm 26,9% so với năm 2023
- ROAA đạt 4,0% tăng 20,0% so với năm 2023

Khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	2023	2024
Chỉ số thanh toán hiện hành (lần) (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,63	1,76
Chỉ số thanh toán nhanh (lần) ((Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho))/Nợ ngắn hạn)	1,63	1,76

Nguồn: Báo cáo tài chính VNDIRECT năm 2024 đã kiểm toán

VNDIRECT luôn đảm bảo khả năng thanh toán và chủ động đánh giá hoạt động kinh doanh định kỳ nhằm đưa ra các kịch bản thanh khoản với mục tiêu đảm bảo thanh khoản và tối ưu hiệu quả nguồn vốn tài sản cho Công ty. Xây dựng bộ đệm thanh khoản từ tài sản có tính thanh khoản cao cũng là một trong những chiến lược hoạt động của Công ty, do đó tài sản có tính thanh khoản cao luôn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu danh mục đầu tư.

Các khoản mục đầu tư

STT	Tên công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Số vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và Dịch vụ tài chính	836.115.332.000	20,00%	Công ty liên kết
2	Công ty Cổ phần Ẩm thực Mặt Trời Vàng ³	Kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống	78.390.000.000	5,55%	Công ty liên kết

Nguồn: Báo cáo tài chính VNDIRECT năm 2024 đã kiểm toán

Tính đến 31/12/2024, VNDIRECT ghi nhận 02 Công ty liên kết là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (“PTI”) (tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu là 20,0%) và Công ty Cổ phần Ẩm Thực Mặt Trời Vàng (“GSF”) (tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu là 5,5%).

³ Ngày 21/3/2025, Chủ tịch HĐQT Công ty đã ban hành quyết định về việc chuyển nhượng Cổ phần công ty cổ phần Ẩm thực mặt trời vàng để sau khi chuyển nhượng thì Công ty cổ phần Ẩm thực mặt trời vàng không còn là công ty liên kết của VNDIRECT.

3.3. Kết quả hoạt động các mảng kinh doanh 2024 của VNDIRECT

3.3.1. Kết quả kinh doanh Hoạt động Thị trường vốn

Hoạt động kinh doanh trên thị trường vốn trong 2024 tiếp tục tập trung vào các mục tiêu chiến lược:

(i) Quản lý bảng cân đối vốn và tài sản đảm bảo an toàn, tăng trưởng bền vững, và tỷ suất sinh lời trên vốn hiệu quả.

(ii) Nâng cao năng lực kinh doanh rủi ro đa dạng trên các kênh tài sản bao gồm các sản phẩm trên thị trường tiền tệ, thị trường cổ phiếu, trái phiếu và chứng khoán phái sinh.

(iii) Xây dựng mở rộng năng lực tư vấn bảo lãnh phát hành và tạo lập thị trường cho trái phiếu.

Cơ cấu bảng cân đối dịch chuyển theo định hướng an toàn, thận trọng để chuẩn bị nguồn lực cho chu kỳ phát triển mới của thị trường

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	Tỷ trọng 2023 (%)	Tỷ trọng 2024 (%)
1. Tiền gửi	18.553	13.004	44%	29%
2. Trái phiếu	8.233	14.618	20%	33%
3. Cổ phiếu	2.439	3.339	6%	8%
4. Các khoản cho vay	10.286	10.344	25%	23%
5. Tài sản khác	2.231	2.990	5%	7%
TỔNG TÀI SẢN	41.742	44.295	100%	100%

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	Tỷ trọng 2023 (%)	Tỷ trọng 2024 (%)
1. Vốn chủ sở hữu	16.508	19.715	40%	45%
2. Vay ngắn hạn	20.468	22.436	49%	51%
3. Phát hành trái phiếu	800	400	2%	1%
4. Nợ phải trả khác	3.966	1.744	9%	3%
TỔNG NGUỒN VỐN	41.742	44.295	100%	100%

Nguồn: Báo cáo tài chính VNDIRECT năm 2024 đã kiểm toán

Về mặt phân bổ tài sản, với tình hình lãi suất huy động giảm về mức đáy trong nửa đầu năm 2024, bình quân kỳ hạn 12 tháng giảm xuống 4,86%, VNDIRECT chủ động hạ quy mô Hợp đồng tiền gửi (HDTG) và Chứng chỉ tiền gửi (CCTG), dịch chuyển sang đầu tư trái phiếu để cải thiện lợi nhuận. Mặc dù, tổng quy mô trái phiếu tăng mạnh 77,6% svck, quy mô tăng chủ yếu đến từ Trái phiếu tổ chức tín dụng (TCTD) và Trái phiếu chính phủ (chiếm tỷ trọng khoảng 80%/quy mô tăng trái phiếu). Trái phiếu Công ty đầu tư mới phần lớn là trái phiếu TCTD, chủ yếu do ngân hàng quốc doanh phát hành, có tính an toàn và tính thanh khoản cao, do vậy, ít gia tăng mức độ rủi ro của danh mục tài sản tài chính tổng thể.

Về mặt cơ cấu nguồn vốn, việc tăng vốn điều lệ thêm hơn 3.000 tỷ đã nâng tỷ trọng vốn dài hạn từ 42% lên 45% trên tổng nguồn vốn. Đối với phần vốn còn lại, Công ty tập trung vay tại các ngân hàng lớn, tận dụng mặt bằng lãi suất thấp để giảm chi phí lãi vay.

Hiệu quả danh mục tiếp tục bám sát 02 mục tiêu là đảm bảo an toàn và tối ưu hiệu quả trong bối cảnh có nhiều thách thức từ thị trường

Đơn vị: Tỷ đồng

Kết quả kinh doanh	2023	2024
Doanh thu ròng Thị trường vốn từ Tài sản tài chính ⁴	2.813	1.918
Chi phí tài chính (đã phân bổ) ⁵	1.108	508
Hiệu quả Hoạt động Thị trường vốn	1.705	1.410

Nguồn: Báo cáo tài chính VNDIRECT năm 2024 đã kiểm toán

Năm 2024 là năm thách thức đối với hoạt động kinh doanh Tiền gửi và Trái phiếu khi mặt bằng lãi suất giảm chạm đáy rồi bật tăng dần kể từ Quý 2. Việc giảm bớt quy mô HDTG và CCTG có lãi suất cố định ở thời điểm lãi suất vẫn ở mức thấp và cơ cấu sang đầu tư Trái phiếu TCTD có lãi suất thả nổi là một trong những chiến lược nhằm chủ động ứng phó làm giảm mức độ ảnh hưởng tới Doanh thu Hoạt động Thị trường vốn.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp, tuy năm 2024 ghi nhận sự phục hồi của thị trường, các tổ chức phát hành chưa thực sự đa dạng, các cơ hội đầu tư có chất lượng tốt, lợi nhuận/rủi ro đáp ứng khẩu vị của công ty không nhiều, do đó, công ty không lựa chọn phương án gia tăng nhiều về quy mô đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, thay vào đó tiếp tục tập trung cơ cấu lại danh mục trái phiếu doanh nghiệp cũ song song với việc đầu tư vào một số ít trái phiếu doanh nghiệp có chất lượng cao trên

⁴ Doanh thu ròng Thị trường vốn từ Tài sản tài chính bao gồm Lỗ từ Tài sản tài chính FVTPL.

⁵ Chi phí tài chính được phân bổ theo quy mô sử dụng vốn của các chỉ tiêu tài sản sinh lời.

cơ sở nguyên tắc chọn lọc xuyên suốt là các doanh nghiệp đầu ngành, có năng lực quản trị tốt, dòng tiền đảm bảo.

Quan trọng nhất, VNDIRECT chú trọng mục tiêu tối ưu chi phí tài chính. Bằng vị thế doanh nghiệp, năng lực chuyên môn dự báo lãi suất thị trường và chiến lược tập trung hợp tác với các Ngân hàng quốc doanh, Ngân hàng TMCP lớn, VNDIRECT đã đàm phán được các khoản vay vốn kì hạn dài với lãi suất cạnh tranh so với thị trường trong giai đoạn vùng đáy lãi suất.

Kết thúc năm, Doanh thu ròng Thị trường vốn từ tài sản tài chính giảm 31,8%, còn chi phí tài chính cho Hoạt động thị trường vốn giảm mạnh 54,2% svck.

Khả năng vị thế uy tín trong hoạt động bảo lãnh phát hành và tạo lập thị trường trái phiếu

Đơn vị: Tỷ đồng

Kết quả kinh doanh	2023	2024
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	108	54

Nguồn: Báo cáo tài chính VNDIRECT năm 2024 đã kiểm toán

Nhận diện được những rủi ro trên thị trường, VNDIRECT lựa chọn chiến lược tăng quy mô danh mục trái phiếu của Tổ chức tín dụng nhằm bổ sung nguồn cung cho khách hàng có nhu cầu đầu tư, trong khi duy trì cách tiếp cận thận trọng trong hoạt động bảo lãnh phát hành với các trái phiếu doanh nghiệp khác. Giá trị trái phiếu VNDIRECT bảo lãnh phát hành tiếp tục ở mức thấp, chỉ chiếm tỷ trọng 2% trên tổng giá trị trái phiếu VNDIRECT tư vấn trong năm 2024 (2023: 5%), với trọng tâm của hoạt động Ngân hàng đầu tư nằm ở sản phẩm tư vấn và dịch vụ đại lý. Do vậy, mặc dù giữ vững thị phần top đầu về tư vấn, doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán giảm 50% so với năm 2023, đạt 54 tỷ đồng. Vậy nên VNDIRECT lựa chọn chiến lược mở rộng một cách bền vững với đối tượng khách hàng doanh nghiệp.

Song song với sự phục hồi tích cực và lành mạnh của thị trường Trái phiếu doanh nghiệp trong năm 2024, VNDIRECT không ngừng khẳng định vị thế nhà tạo lập thị trường trái phiếu, tiếp tục vai trò và sứ mệnh của mình trong việc hỗ trợ và đồng hành cùng doanh nghiệp trong hoạt động huy động nguồn vốn cũng như tạo kênh đầu tư an toàn và hiệu quả cho các nhà đầu tư.

Tính đến hết năm 2024, đã có hơn 10.500 khách hàng cá nhân và hơn 100 khách hàng tổ chức sử dụng sản phẩm đầu tư trái phiếu của VNDIRECT, với tổng doanh số phân phối sản phẩm đạt gần 60.000 tỷ đồng. VNDIRECT là đơn vị tiên phong triển khai sản phẩm đầu tư thứ cấp trái phiếu tổ chức tín dụng trên thị trường. Đây là sản phẩm có tính an toàn cao, thanh khoản cao, đã được các khách hàng doanh nghiệp đón nhận tích cực. Tiếp nối thành công từ các năm trước, năm 2024,

Công ty đạt hơn 16.500 tỷ doanh số sản phẩm đầu tư trái phiếu tổ chức tín dụng cho các khách hàng là doanh nghiệp. Trong năm 2024, Công ty lần đầu tiên ra mắt sản phẩm trái phiếu tổ chức tín dụng trên nền tảng số, giúp cho nhà đầu tư cá nhân có thêm lựa chọn đầu tư và dễ dàng tiếp cận giao dịch, theo đó, thu hút hơn 750 khách hàng quan tâm đầu tư.

3.3.2. Kết quả kinh doanh Dịch vụ chứng khoán

Đơn vị: Tỷ đồng

Kết quả kinh doanh	2023	2024
Doanh thu Môi giới chứng khoán	867	720
Doanh thu Cho vay ký quỹ	1.154	1.255

Nguồn: Báo cáo tài chính VNDIRECT năm 2024 đã kiểm toán

Kết thúc năm 2024, số lượng tài khoản mở mới tại VNDIRECT tăng 5% so với cuối năm 2024 (tăng 47.362 tài khoản). Số lượng khách hàng do VNDIRECT quản lý thời điểm cuối năm 2024 cũng tăng 5% so với cùng kỳ 2023 lên mức 940.797 khách hàng, trung bình giá trị tài sản Công ty quản lý (NAV) trong năm 2024 đạt trên 180 nghìn tỷ đồng.

Năm 2024 cũng là một năm đầy thử thách với mảng Dịch vụ chứng khoán của VNDIRECT khi phải đối mặt với một sự cố nghiêm trọng: hệ thống công nghệ của Công ty bị tấn công bởi hacker. Đây là một trong những thách thức lớn nhất mà VNDIRECT từng trải qua trong suốt hơn 17 năm phát triển. Sự cố này không chỉ gây ra gián đoạn tạm thời trong hoạt động mà còn thử thách niềm tin của khách hàng và đối tác đối với công ty. Mặc dù vậy, kết thúc năm 2024, VNDIRECT tiếp tục khẳng định vị thế trong top đầu các công ty chứng khoán, nằm trong top 6 thị phần môi giới chứng khoán tại HOSE với 5,9%, top 3 thị phần môi giới chứng khoán tại HNX và top 4 thị trường UPCoM với thị phần lần lượt đạt 7,3% và 5,6%.

Tổng doanh thu phí dịch vụ giao dịch chứng khoán cả năm 2024 của VNDIRECT đạt 1.975 tỷ đồng giảm 2% so với năm trước, trong đó: Doanh thu Môi giới chứng khoán lũy kế cả năm 2024 đạt 720 tỷ đồng, giảm 17,0% svck trong khi doanh thu cho vay giao dịch ký quỹ đạt 1.255 tỷ đồng, tăng 8,8% so với năm 2023. Mặc dù doanh thu phí dịch vụ giao dịch chứng khoán có sự sụt giảm nhẹ so với năm trước, VNDIRECT vẫn cho thấy khả năng thích ứng và duy trì hiệu quả hoạt động trong một năm thị trường đầy thách thức.

3.4. Kết quả kinh doanh theo phân khúc Khách hàng

3.4.1. Khách hàng cá nhân

Năm 2024, VNDIRECT tiếp tục kiên định với chiến lược chuyển đổi mô hình phí dịch vụ, nắm bắt xu hướng kinh tế số và phát triển theo định hướng kinh tế xanh của tập đoàn IPA. VNDIRECT chú trọng xây dựng hệ sinh thái sản phẩm đa dạng và đầy đủ, mang đến trải nghiệm liền mạch và gia tăng giá trị cho nhà đầu tư trong kỷ nguyên số. Khách hàng của VNDIRECT đã có thể tiếp cận sức mạnh của AI thông qua các sản phẩm thông minh như chatbot, công cụ hỗ trợ cập nhật thông tin thị trường, sản phẩm và hướng tới tư vấn danh mục đầu tư cá nhân hóa. Tiếp nối thành công của La bàn đầu tư DGO Compass, VNDIRECT khẳng định vị thế tiên phong trong việc đồng hành cùng khách hàng trên hành trình tự do tài chính.

VNDIRECT luôn đặt trải nghiệm khách hàng làm trung tâm (Customer Centric) trong chiến lược phát triển hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ. Mục tiêu là hoàn thiện hệ sinh thái để chuyển dịch mạnh mẽ từ dịch vụ chứng khoán truyền thống sang mô hình quản lý tài sản toàn diện, hướng tới tầm nhìn trở thành định chế tài chính đầu tư chuẩn mực và tin cậy. VNDIRECT cam kết mang lại giá trị Sức khỏe tài chính – Bảo an thịnh vượng – Phát triển bền vững cho đội ngũ, khách hàng, đối tác và cộng đồng, góp phần vào sự phát triển chung của nền kinh tế số và kinh tế xanh.

Trên hành trình kiến tạo Sức khỏe tài chính – Bảo an thịnh vượng – Phát triển bền vững, VNDIRECT mang đến cơ hội xây dựng tháp tài sản vững chắc cho khách hàng theo mô hình HWG (Health – Wealth – Growth). Hệ sinh thái sản phẩm đa dạng và đầy đủ của VNDIRECT đáp ứng mọi nhu cầu đầu tư trên thị trường tiền tệ, thị trường vốn, thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản, giúp khách hàng đạt được mục tiêu tăng trưởng tài sản bền vững trong bối cảnh kinh tế số và hướng tới các giá trị kinh tế xanh.



Tháp tài sản HWG của VNDIRECT được cấu trúc thành ba tầng, mỗi tầng mang một sứ mệnh riêng biệt trong hành trình kiến tạo tài sản toàn diện cho khách hàng. Kết thúc năm 2024, số lượng

khách hàng cá nhân sử dụng sản phẩm của VNDIRECT đạt mức 151.343 khách hàng, NAV khách hàng đạt mức 180.608 tỷ đồng, tăng 28% so với cuối năm 2023. Cụ thể:

Tầng tháp tài sản Tài chính an sinh - Heath (DLIFE) có NAV khách hàng lớn thứ 2 trong 3 tầng tháp, đạt 7.369 tỷ đồng cuối năm 2024, với số lượng khách hàng ở mức 9.501 khách hàng. Tầng DLIFE đóng vai trò là nền tảng vững chắc, tập trung xây dựng sức khỏe tài chính cho khách hàng. Đây là danh mục sản phẩm đầu tư được thiết kế đặc biệt để đáp ứng các mục tiêu tài chính an sinh, bao gồm một loạt các giải pháp như bảo hiểm, kế hoạch hưu trí, kế hoạch tài chính cho các mục tiêu trọng yếu trong cuộc sống. DLIFE không chỉ dành riêng cho khách hàng cá nhân mà còn mở rộng ra các doanh nghiệp, mang đến những lợi ích thiết thực cho người lao động. Điểm nổi bật của tầng DLIFE là sự kết hợp hài hòa giữa các giải pháp bảo hiểm và các loại tài sản có tính thanh khoản cao, tạo nên một danh mục tài sản phòng vệ hiệu quả, giúp khách hàng được bảo vệ toàn diện trước những rủi ro tài chính không lường trước, từ đó có thể an tâm và vững bước hơn trên hành trình kiến tạo những danh mục tài sản với tiềm năng tăng trưởng giá trị cao hơn trong tương lai.

Tầng tháp tài sản Đầu tư tích sản mục tiêu - Wealth (DSIP) có số lượng khách hàng năm 2024 tăng 4% so với cùng kỳ 2023, đạt 8.176 khách hàng với NAV là 191 tỷ đồng. Tầng DSIP được thiết kế để đáp ứng nhu cầu bảo an gia sản và hướng tới sự tăng trưởng tài sản một cách bền vững cho khách hàng. Danh mục sản phẩm của tầng DSIP đặc biệt phù hợp với những nhà đầu tư mong muốn xây dựng nguồn thu nhập ổn định và thực hiện tích lũy tài sản trong dài hạn. Đồng thời, DSIP cũng mở ra cơ hội gia tăng lợi nhuận hấp dẫn hơn so với mức lợi nhuận trung bình của thị trường trong quá trình tích lũy. Để đạt được điều này, chiến lược đầu tư của DSIP tập trung vào việc phân bổ tài sản một cách linh hoạt và hiệu quả, kết hợp giữa các công cụ lãi suất trên thị trường tiền tệ và các công cụ đầu tư trên thị trường vốn. Tỷ lệ phân bổ này được điều chỉnh một cách khoa học, phù hợp với mục tiêu tăng trưởng của khách hàng trong từng giai đoạn, từ ngắn hạn, trung hạn đến dài hạn.

Tầng tháp tài sản Đầu tư tăng trưởng - Growth (DGROW) là tầng có NAV khách hàng với dư nợ sản phẩm tại VNDIRECT cao nhất với tỷ trọng 96%, trong đó số lượng khách hàng đạt 135.907 khách hàng, NAV đạt 173.049 tỷ đồng, tăng 35% so với cùng kỳ. Đây là tầng dành riêng cho những nhà đầu tư đã kiện toàn năng lực đầu tư, hình thành nếp sống đầu tư và mong muốn chinh phục những đỉnh cao mới trên hành trình tài chính. DGROW là sự kết hợp tinh tế giữa các gói sản phẩm dịch vụ giao dịch chứng khoán chuyên nghiệp và các gói sản phẩm đòn bẩy tài chính hiệu quả, mang đến một loạt các công cụ đầu tư đa dạng như cổ phiếu, phái sinh, chứng quyền, giao dịch ký quỹ. Tầng DGROW đặc biệt phù hợp với những nhà đầu tư đã tích lũy được năng lực tài chính vững vàng, năng lực đầu tư bài bản, cùng kiến thức và kỹ năng giao dịch chuyên sâu. Thông qua

việc quản trị rủi ro hiệu quả và nắm bắt các cơ hội thị trường, DGROW giúp khách hàng xây dựng năng lực phòng vệ các rủi ro tài chính đồng thời tích lũy danh mục tài sản một cách tối ưu, hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững và đạt được tự do tài chính.

Trong năm 2024, VNDIRECT cũng triển khai thêm các gói sản phẩm giao dịch chứng khoán hướng tới từng nhóm khách hàng chuyên biệt như:

- Sản phẩm TA Smart dành cho nhà đầu tư độc lập và đã có kinh nghiệm giao dịch chứng khoán, có nhu cầu tìm kiếm các gói dịch vụ và giải pháp giao dịch với mức phí giao dịch và lãi suất giao dịch ký quỹ cạnh tranh so với thị trường.
- Gói margin ưu đãi lãi suất theo danh mục dành cho cả nhà đầu tư độc lập và nhà đầu tư có chuyên gia chăm sóc với mức lãi suất cạnh tranh khi nhà đầu tư nắm giữ và có dư nợ với các mã nằm trong danh mục

Đặc biệt, năm 2024 cũng là năm nền tảng với định hướng nâng hạng thị trường chứng khoán. Với việc Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 68/2024/TT-BTC quy định về giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, VNDIRECT cũng không đứng ngoài khi triển khai thành công dịch vụ, tận dụng nền tảng công nghệ để nâng cao năng lực quản trị rủi ro và đảm bảo giao dịch liền mạch và an toàn cho khách hàng.

Trên nền tảng giao dịch, hàng loạt tính năng và sản phẩm số đã được ra mắt và nâng cấp, bao gồm bộ lọc cổ phiếu mạnh mẽ, bảng giá mini tiện lợi trên DBOARD, tính năng cập nhật CCCD thẻ chip, hệ thống quản lý thiết bị tin cậy, ứng dụng Facematching trong giao kết hợp đồng giao dịch ký quỹ, ủy quyền giao dịch cơ sở/phái sinh linh hoạt, cùng với việc nâng cấp hệ thống cảnh báo Alert, Market Watch, biểu đồ kỹ thuật chuyên sâu và Tiêu điểm thị trường trực quan trên DBOARD. Ngoài ra, VNDIRECT đã giới thiệu Trái phiếu Dbond FI được phát hành bởi các định chế tài chính lớn như Vietcombank, Vietinbank, BIDV..., một giải pháp đầu tư ngắn hạn (dưới 1 năm) với lợi suất cam kết, được thiết kế dành riêng cho khách hàng có khẩu vị rủi ro thấp và nhu cầu đầu tư an toàn. Đặc biệt, nền tảng giao dịch Trái phiếu còn được bổ sung tính năng minh họa dòng tiền trực quan, giúp khách hàng dễ dàng theo dõi và quản lý hiệu quả danh mục đầu tư trái phiếu của mình.

Dựa trên tầm nhìn và sứ mệnh đã được định hình, VNDIRECT tiếp tục vững bước trên hành trình kiến tạo sức khỏe tài chính, bảo an thịnh vượng và phát triển bền vững cho khách hàng, đối tác và cộng đồng. Để thực hiện sứ mệnh đó, Công ty không ngừng nỗ lực nâng tầm chất lượng dịch vụ, hoàn thiện nền tảng sản phẩm, hướng đến mục tiêu đơn giản hóa cách tiếp cận đầu tư cho mọi khách hàng, đồng thời cùng cố sự an tâm trên hành trình kiến tạo tài sản và gia tăng thịnh vượng.

3.4.2. Khách hàng doanh nghiệp

Năm 2024, thị trường vốn Việt Nam chứng kiến những biến động đa chiều, với cả cơ hội và thách thức đan xen. Trong bối cảnh đó, VNDIRECT tiếp tục khẳng định vai trò là một định chế tài chính chuẩn mực và đáng tin cậy, luôn thấu hiểu, đồng hành cùng khách hàng vượt qua khó khăn và vươn tới những mục tiêu lớn. Những tín hiệu tích cực từ kinh tế vĩ mô – như tăng trưởng khởi sắc, lạm phát được kiểm soát và lãi suất duy trì ở mức thấp – đã tạo tiền đề cho tâm lý thị trường dần hồi phục. Tuy nhiên, các yếu tố bất ổn về địa chính trị, biến động kinh tế toàn cầu và những rào cản về chính sách vẫn khiến quá trình huy động vốn của doanh nghiệp gặp nhiều thách thức. Thị trường cổ phiếu ghi nhận đà tăng về chỉ số và thanh khoản, nhưng hoạt động phát hành vốn cổ phần vẫn chưa thực sự sôi động. Số lượng giao dịch năm 2024 không có sự thay đổi so với 2023, trong khi tổng giá trị phát hành vẫn tiếp tục xu hướng giảm (giảm 10% so với 2023), dù tốc độ giảm đã chậm lại trong những năm gần đây. Điều này cho thấy, khả năng tiếp cận vốn cổ phần của doanh nghiệp vẫn còn nhiều hạn chế, khiến phần lớn phải dựa vào kênh tín dụng và trái phiếu doanh nghiệp để tái cơ cấu tài chính và mở rộng hoạt động kinh doanh.

Một trong những điểm nhấn quan trọng của thị trường vốn năm 2024 là sự phục hồi mạnh mẽ của trái phiếu doanh nghiệp. Tổng giá trị phát hành đạt 466 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 39% so với cùng kỳ năm trước, đồng thời thanh khoản thị trường thứ cấp có bước nhảy vọt (giá trị giao dịch trung bình hàng ngày tăng lên 6 nghìn tỷ đồng từ mức 2,3 nghìn tỷ năm 2023) phản ánh tâm lý thị trường đã ổn định hơn sau giai đoạn khó khăn và đối mặt với nhiều rủi ro thanh khoản trước đó. Lãi suất duy trì ở mức hợp lý, cùng với những cải thiện về tính minh bạch và hoạt động xếp hạng tín nhiệm, đã góp phần thu hút dòng vốn đầu tư quay trở lại. Tuy nhiên, dòng vốn vẫn tập trung chủ yếu vào nhóm tổ chức phát hành truyền thống là các tổ chức tín dụng, chiếm tới 65% tổng giá trị phát hành và ghi nhận mức tăng trưởng trên 50% so với cùng kỳ. Trong khi đó, nhóm doanh nghiệp phi ngân hàng chỉ có mức tăng khiêm tốn, với các thương vụ tập trung vào một số ngành quen thuộc. Điều này đặt ra thách thức lớn cho các doanh nghiệp cần vốn trong lĩnh vực then chốt khác như bất động sản, năng lượng, hạ tầng, sản xuất,... khi muốn huy động vốn ngoài kênh tín dụng ngân hàng.

Nhận diện được những rủi ro trên thị trường, VNDIRECT lựa chọn chiến lược mở rộng một cách bền vững với đối tượng khách hàng doanh nghiệp, đặt trọng tâm ở sản phẩm tư vấn và dịch vụ đại lý cho hoạt động phát hành trái phiếu. Giá trị trái phiếu VNDIRECT tư vấn phát hành năm 2024 tăng 53% so với cùng kỳ, giúp công ty giữ vững thị phần trong top 3 và vượt lên đứng đầu trong mảng tư vấn phát hành trái phiếu cho các ngân hàng thương mại.

Bên cạnh đó, VNDIRECT tiếp tục đồng hành cùng khách hàng, tiên phong trong lĩnh vực tư vấn trái phiếu xanh, trái phiếu xã hội và trái phiếu bền vững (gọi chung là trái phiếu GSS), không chỉ

bắt kịp với xu hướng tài chính bền vững toàn cầu mà còn góp phần đa dạng hóa các giải pháp huy động vốn cho doanh nghiệp. Trong năm 2024, công ty đã tư vấn thành công 2 thương vụ trái phiếu GSS với tổng giá trị 3.450 tỷ đồng, chiếm hơn 30% giá trị trái phiếu GSS phát hành trên toàn thị trường trong kỳ.

Đối với nhóm sản phẩm phục vụ nhu cầu đầu tư, tối ưu hóa nguồn vốn của doanh nghiệp, quy mô khách hàng tiếp tục ghi nhận tăng trưởng với số lượng tài khoản khách hàng quản lý tăng 17% và giá trị đầu tư (NAV) trung bình vào các sản phẩm trong tháp tài sản của VNDIRECT tăng 2% lên trên 32.000 tỷ đồng. Xu hướng chủ đạo năm 2024 là sự thay đổi về khẩu vị rủi ro khi các khách hàng doanh nghiệp phân bổ lại tỷ trọng tài sản sang sản phẩm cổ phiếu, vốn có tiềm năng lợi nhuận và rủi ro cao hơn so với các sản phẩm thu nhập cố định hoặc sản phẩm tiền. Điều này cũng phản ánh sự hồi phục về niềm tin của nhà đầu tư trên thị trường. Nhờ đó, doanh thu từ khách hàng doanh nghiệp với các sản phẩm này ước tính tăng trưởng 34% so với cùng kỳ.

3.4.3. Khách hàng Định chế tài chính

Ngân hàng nhà nước ("NHNN") đã rất nỗ lực điều hành chính sách tiền tệ trong năm vừa qua nhằm cân bằng giữa mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng và kiểm soát tỷ giá. Mặt bằng lãi suất huy động nhìn chung ổn định, giảm trong nửa đầu năm và phục hồi trở lại trong nửa sau năm 2024. NHNN năm 2024 đã thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về điều hành tăng trưởng tín dụng linh hoạt, hiệu quả, kịp thời, đáp ứng vốn tín dụng cho nền kinh tế, trong đó chủ động thực hiện 2 lần điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho các ngân hàng thương mại.

VNDIRECT, với vị thế và uy tín vững vàng trong ngành chứng khoán, đã chứng tỏ được năng lực trong việc duy trì và phát triển mối quan hệ với các định chế tài chính trong và ngoài nước, từ đó tiếp cận với dòng vốn ổn định với chi phí tốt cho hoạt động kinh doanh của công ty. Những con số ấn tượng về hạn mức tín dụng của công ty, lên đến gần 50.000 tỷ đồng đến hết năm 2024, với hạn mức tín chấp hơn 11.000 tỷ đồng phản ánh rõ rệt sự tin tưởng mà VNDIRECT nhận được từ các tổ chức tài chính lớn.

Trong bối cảnh thị trường trái phiếu có nhiều dấu hiệu phục hồi vượt qua giai đoạn tái cấu trúc và chuẩn hóa thị trường, đóng vai trò là một trong những nhà tạo lập thị trường uy tín, với mục tiêu kiến tạo và thúc đẩy sự phát triển của thị trường tiền tệ - trái phiếu, VNDIRECT đã không ngừng gia tăng vị thế, tạo lập được quan hệ đối tác giao dịch giấy tờ có giá với hơn 100 định chế tài chính trên tinh thần tạo giá trị bền vững, liên tục nghiên cứu và phát triển sản phẩm giao dịch nhằm kết nối nhu cầu và đẩy mạnh thanh khoản của thị trường.

Bên cạnh đó, trong năm 2024 VNDIRECT tiếp tục được các định chế tài chính lựa chọn là đơn vị tư vấn phát hành trái phiếu, đạt thị phần top 2 trên thị trường vốn nợ với tổng giá trị phát hành đạt

67.500 tỷ đồng. Tận dụng lợi thế về giá của nguồn vốn trong nước ổn định và thấp hơn so với quốc tế, các cơ hội giao dịch, phát triển dịch vụ tư vấn phát hành trên thị trường trái phiếu, Công ty đã ưu tiên đẩy mạnh hợp tác với các ngân hàng quốc doanh và các ngân hàng lớn trong nước, từ đó nâng cấp mối quan hệ hợp tác lên tầm chiến lược toàn diện, góp phần tối ưu hóa nguồn lực và mở rộng cơ hội phát triển bền vững.

Công ty tiếp tục duy trì mối quan hệ chặt chẽ với các định chế tài chính nước ngoài nhằm đa dạng hóa các nguồn vốn huy động, khai thác các cơ hội giao dịch vốn và kết hợp cung cấp các sản phẩm dịch vụ, chuẩn bị sẵn sàng để hợp tác phát triển trong giai đoạn sắp tới. Trong năm 2024, VNDIRECT duy trì hợp tác trên nhiều mảng với 130/231 Định chế tài chính trong và ngoài nước, bao gồm các ngân hàng thương mại, ngân hàng phát triển, các quỹ đầu tư, công ty tài chính, bảo hiểm tại các thị trường tài chính lớn như Hồng Kong, Đài Loan, Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản và Thái Lan, chiếm tỷ lệ active 56% tổng số khách hàng Định chế tài chính.

3.4.4. Khách hàng Tổ chức

Năm 2024, hoạt động Môi giới Khách hàng Tổ chức (KHTC) của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tiếp tục ghi nhận những dấu ấn tích cực, đóng góp hiệu quả vào kết quả kinh doanh chung và củng cố vững chắc vị thế cạnh tranh trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Bằng việc triển khai mạnh mẽ các sáng kiến chiến lược nhằm tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng và gia tăng chất lượng dịch vụ, VNDIRECT tái định vị giá trị mang lại cho nhóm khách hàng tổ chức trong và ngoài nước, giao dịch trên đa nền tảng và đa dạng sản phẩm. Với tiêu chí khách hàng là trọng tâm của mọi hoạt động, đội ngũ đã liên tục cải tiến sản phẩm cũng như quy trình triển khai và vận hành, đáp ứng mọi nhu cầu đầu tư và giao dịch đa dạng của các quỹ đầu tư nước ngoài, các định chế tài chính lớn trong và ngoài nước. Từ đó, Khối Môi giới Khách hàng tổ chức đã đạt được những kết quả rất ấn tượng. Trong năm 2024, tổng giá trị giao dịch của nhóm khách hàng tổ chức tăng gấp đôi, doanh thu phí tăng trưởng vượt bậc 82%, thị phần tổ chức nước ngoài tăng trưởng 170%.

Năm 2024 cũng chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của mảng dịch vụ hỗ trợ đầu tư chuyên biệt dành riêng cho khách hàng tổ chức. Khối Khách hàng tổ chức đã liên tục giới thiệu các sản phẩm mới như sản phẩm non-prefunding cho các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài được phép giao dịch mà không cần đủ tiền khi đặt lệnh, cung cấp báo cáo phân tích chuyên sâu, cập nhật thông tin thị trường kịp thời cho các quỹ đầu tư, tổ chức nhiều buổi gặp gỡ, trao đổi với doanh nghiệp và các cuộc gọi cập nhật thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận và khai thác hiệu quả các cơ hội đầu tư. Các cuộc gặp gỡ và tiếp xúc với các Quỹ đầu tư đến từ Hong Kong, Singapore, Đài Loan và Thái Lan giúp VNDIRECT củng cố niềm tin của các nhà đầu tư vào tiềm năng và cơ

hội tại thị trường Việt Nam.

Thêm vào đó, việc ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) vào quá trình tìm kiếm thông tin, khai thác dữ liệu cũng đã giúp khách hàng tổ chức tại VNDIRECT tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả vận hành, qua đó gia tăng đáng kể mức độ hài lòng và gắn kết của khách hàng.

3.5. Hoạt động Quản trị rủi ro

3.5.1. Cơ cấu tổ chức hoạt động Quản trị rủi ro

Hội đồng Quản trị (HĐQT) là đơn vị chịu trách nhiệm cao nhất đối với hoạt động quản trị rủi ro (QTRR) tại VNDIRECT; được tham mưu bởi Hội đồng QTRR và các hội đồng liên quan; phê duyệt và ban hành chính sách QTRR và hạn mức rủi ro; giám sát việc tổ chức thực hiện triển khai QTRR của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành.

VNDIRECT tổ chức hệ thống QTRR theo mô hình 03 tuyến phòng thủ độc lập nhằm đảm bảo phân định rõ ràng, nhất quán về chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể của các cá nhân, đơn vị trong hệ thống VNDIRECT, hạn chế các xung đột lợi ích và nâng cao hiệu quả QTRR:

Tuyến phòng thủ thứ nhất: Các đơn vị kinh doanh, các bộ phận hỗ trợ và tác nghiệp kinh doanh có chức năng xây dựng và ban hành các quy trình nội bộ, thực hiện nhận dạng, đo lường và xây dựng các hạn mức rủi ro tại chính đơn vị mình;

Tuyến phòng thủ thứ hai: Bộ phận QTRR có chức năng xây dựng chính sách QTRR và tổ chức hoạt động QTRR bao gồm công tác nhận dạng, đo lường, theo dõi và quản trị rủi ro thống nhất và độc lập với tuyến thứ nhất;

Tuyến phòng thủ thứ ba: Bộ phận Kiểm toán nội bộ, định kỳ hoặc đột xuất thực hiện các chuyên đề Kiểm toán Nội bộ nhằm đánh giá tổng quan hiệu quả hoạt động QTRR của Công ty.

3.5.2. Chiến lược Quản trị rủi ro

Chiến lược QTRR được xây dựng cho tất cả các loại rủi ro trọng yếu căn cứ trên chiến lược kinh doanh và kế hoạch tài chính của Công ty từng thời kỳ, đảm bảo:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi tình huống và tuân thủ các chính sách, quy định QTRR của VNDIRECT;
- Xây dựng và phát triển văn hóa quản trị rủi ro vững mạnh trên toàn hệ thống VNDIRECT;
- Áp dụng các chuẩn mực tiên tiến và thông lệ quốc tế trong QTRR.

Chiến lược QTRR phải được xây dựng song song với quá trình xây dựng chiến lược kinh doanh và kế hoạch tài chính. Theo đó, từng chi số và kế hoạch kinh doanh và tài chính phải được hỗ trợ bởi các chi số và kế hoạch QTRR tương ứng.

3.5.3. Quy trình Quản trị rủi ro

a. Nhận diện

Nhận diện rủi ro được thực hiện ở tất cả các tuyến phòng thủ và tại tất cả các đơn vị kinh doanh, phòng ban nghiệp vụ tại VNDIRECT. Việc nhận diện rủi ro trước tiên được thực hiện tại các bộ phận kinh doanh, bộ phận sản phẩm và bộ phận phát sinh nghiệp vụ theo chức năng nghiệp vụ thuộc tuyến phòng thủ thứ nhất. Tiếp đến, tuyến phòng thủ thứ hai thực hiện nhận diện rủi ro theo các mảng nghiệp vụ rủi ro chuyên môn.

Việc nhận diện rủi ro không chỉ dừng lại ở một rủi ro riêng lẻ mà cần nhận diện tác động liên đới của các loại rủi ro, đặc biệt là các loại rủi ro trọng yếu, làm cơ sở cho việc đo lường, theo dõi và kiểm soát được thực hiện đầy đủ.

Việc nhận diện rủi ro được thực hiện bởi nhiều phương pháp như thông qua thống kê, phân tích SWOT, bảng câu hỏi khảo sát, thảo luận giữa bộ phận QTRR, kiểm toán nội bộ và các bộ phận nghiệp vụ liên quan.

b. Đo lường và đánh giá

Đo lường rủi ro được thực hiện trên cơ sở phân tích tác động ngắn hạn và trung dài hạn của rủi ro đối với thu nhập, mức độ an toàn vốn, khả năng đạt được mục tiêu kinh doanh và tính tương thích quy mô hoạt động của VNDIRECT từng thời kỳ.

Việc đo lường rủi ro phải đảm bảo đánh giá được mức độ trọng yếu và tác động tiềm tàng tới Công ty, được thực hiện thông qua bộ chỉ tiêu đo lường tương thích với từng loại rủi ro cụ thể, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- Xác định trạng thái rủi ro: Trạng thái cho vay, trạng thái danh mục, trạng thái thanh toán theo đối tác/sản phẩm, trạng thái khe hở thanh khoản, trạng thái chênh lệch rủi ro lãi suất theo các kỳ tái định giá, quy mô đệm thanh khoản.
- Xác định xác suất xảy ra sự cố: PD, mô hình BSM, thống kê các lỗi vận hành.
- Xác định tổn thất, mức độ rủi ro tiềm tàng: Độ biến động, PV01, VAR, PnL.

Các phương pháp khác phù hợp: Phương pháp định tính, phương pháp định lượng dựa trên xác suất thống kê.

c. Theo dõi

Việc theo dõi rủi ro được thực hiện định kỳ nhằm đánh giá kịp thời và đưa ra cảnh báo sớm các nguy cơ tiềm ẩn đối với hoạt động kinh doanh.

VNDIRECT xây dựng hệ thống báo cáo quản trị nội bộ với tần suất phù hợp với mức độ chi tiết

và cấp thiết của nội dung báo cáo, tính trọng yếu của loại rủi ro và khả năng đáp ứng về nguồn lực con người. Hệ thống báo cáo cần được gửi tới các cá nhân, bộ phận thích hợp cho việc tiếp nhận và ra quyết định chỉ đạo kịp thời, phù hợp với diễn biến rủi ro và định hướng của nghiệp vụ kinh doanh.

d. Kiểm soát

Kiểm soát rủi ro được thực hiện dựa trên khẩu vị rủi ro và các hạn mức rủi ro đã được phê duyệt tương ứng với từng nghiệp vụ kinh doanh.

VNDIRECT xây dựng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và xử lý kịp thời với các rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, các hạn mức rủi ro và có cơ chế giám sát, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp này. Tất cả các cá nhân, bộ phận trong hệ thống VNDIRECT đều có trách nhiệm thực hiện kiểm soát rủi ro theo chức năng, nhiệm vụ cụ thể được quy định tại hệ thống văn bản quản trị nội bộ của Công ty từng thời kỳ.

3.5.4. Các loại hình rủi ro trọng yếu

Tổng vốn hóa thị trường chứng khoán Việt Nam đến hết năm đạt gần 7,2 triệu tỷ đồng, tương đương 70.4% GDP, riêng sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đạt gần 5.2 triệu tỷ đồng. Chốt phiên giao dịch cuối năm ngày 31/12/2024, chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức 1.266.78 điểm, tăng 12.1% so với đầu năm.

Mặc dù vậy, nhiều biến động vĩ mô đã tác động tới thị trường tài chính Việt Nam trong đó có biến động tỷ giá và chính sách tiền tệ. Thị trường chứng khoán chịu áp lực lớn qua mỗi lần Ngân Hàng Nhà Nước (SBV) hút thanh khoản để ổn định tỷ giá. Bên cạnh đó, nhận thấy rủi ro lạm phát và tác động của các yếu tố bên ngoài không lường trước được, ngay từ đầu năm VNDIRECT đã triển khai kế hoạch kinh doanh rất thận trọng. Điều đó được thể hiện thông qua hoạt động quản lý bằng cân đối cũng như việc kiện toàn các chính sách quản trị rủi ro, quy trình, quy định, quy chế để cân bằng giữa yếu tố an toàn trong hoạt động và hiệu quả kinh doanh cụ thể:

a. Rủi ro thị trường

Năm 2024 thị trường chứng khoán Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc từ các biến động kinh tế toàn cầu, áp lực lạm phát và sự rút lui của dòng vốn ngoại. Việc đồng USD tăng mạnh đã gây áp lực lên tỷ giá, tiền đồng của Việt Nam giảm 4.8%. Biến động tỷ giá USD/VND tăng mạnh là nhân tố tác động lên thị trường chứng khoán trong năm vừa qua, buộc NHNN phải dùng các biện pháp can thiệp quyết liệt, tỷ giá USD/VND đã 2 lần lên đỉnh lịch sử. Khối ngoại thực hiện bán ròng mạnh mẽ, với giá trị 92,670 tỷ đồng (3,63 tỷ USD) - là mức cao nhất trong lịch sử thị trường. Tại VNDIRECT VNDIRECT thường xuyên cập nhật và đánh giá tình hình để lên các kịch bản, có phương án giao dịch phù hợp trong từng giai đoạn, với mục tiêu giảm chi phí vốn và nâng cao hiệu

quả danh mục đầu tư lãi suất cố định. Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu tổ chức tín dụng với cấu trúc lãi suất thả nổi.

Rủi ro từ biến động của thị trường chứng khoán: Với mô hình kinh doanh bao gồm ba hoạt động kinh doanh gốc là (1) dịch vụ giao dịch chứng khoán, (2) ngân hàng đầu tư và thị trường vốn, (3) dịch vụ quản lý tài sản, VNDIRECT có cấu trúc doanh thu hướng tới cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh nhờ đó đa dạng hóa nguồn thu. Hoạt động đầu tư cổ phiếu chiến lược của Công ty là đầu tư cổ phiếu dài hạn, tập trung vào các doanh nghiệp có đặc điểm ngành, nghề kinh doanh hưởng lợi từ sự phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam, có lợi thế cạnh tranh, được quản lý minh bạch và có chiết khấu hấp dẫn so với khách hàng tiềm năng. Ngoài ra, chiến lược đầu tư ngắn hạn tập trung vào các giao dịch cung cấp sản phẩm cấu trúc như Covered Warrant, ETF, sản phẩm quỹ và giao dịch ngắn hạn theo mô hình định lượng. Các danh mục đầu tư đều được quản trị rủi ro theo quy trình đã ban hành.

b. Rủi ro lãi suất

Trong năm 2024, NHNN duy trì nền lãi suất điều hành ổn định. Một số điểm nổi bật trong việc điều hành như: Lãi suất tái cấp vốn giảm kể từ tháng 5/2023 và duy trì ổn định đến năm 2024. Lãi suất này giúp các tổ chức tín dụng có thêm nguồn vốn ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu thanh khoản. Ngoài ra, NHNN cũng áp dụng các chính sách để giữ lãi suất cho vay và lãi suất tiền gửi ở mức ổn định, nhằm đảm bảo cân bằng giữa tiết kiệm và tiêu dùng, hỗ trợ nền kinh tế phát triển ổn định.

Trong hoạt động kinh doanh của VNDIRECT, lãi suất có vai trò rất quan trọng do biến động lãi suất sẽ ảnh hưởng đến các chi phí chi phí huy động vốn, đặc biệt là hoạt động kinh doanh nguồn vốn và cho vay ký quỹ. Do vậy, Công ty luôn thận trọng, cân đối các giải pháp tài chính phù hợp trong quá trình hoạt động để kiểm soát, hạn chế rủi ro lãi suất như sử dụng các hợp đồng kỳ hạn lãi suất, nỗ lực tìm kiếm các khoản vay hợp vốn từ các định chế tài chính uy tín trên thị trường quốc tế,...

c. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro VNDIRECT không thu hồi một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ nợ với đối tác khi đến hạn. Các hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán nói chung và VNDIRECT nói riêng tiềm ẩn rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư, hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ và đầu tư trái phiếu doanh nghiệp.

Với danh mục tiền gửi: VNDIRECT luôn tuân thủ nguyên tắc thận trọng, đa dạng hóa đối tác, đánh giá và xếp hạng tín nhiệm đối tác dựa trên thông tin thị trường, thông tin khách hàng và lịch sử hợp tác. Với hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, VNDIRECT chỉ lựa chọn đối tác là các ngân hàng lớn, có xếp hạng tín nhiệm quốc tế cao từ B2 trở lên của

Moody's để cấp hạn mức đầu tư và duy trì tài khoản tiền gửi. Hệ thống cảnh báo và báo cáo rủi ro hàng ngày được duy trì để giám sát chặt chẽ hoạt động này.

Với danh mục cho vay giao dịch ký quỹ: Rủi ro tín dụng phát sinh với hoạt động này khi giá cổ phiếu giảm làm giá trị tài sản bảo đảm giảm nhưng khách hàng không bổ sung giá trị tài sản bảo đảm theo yêu cầu hoặc giá cổ phiếu xuống quá thấp hoặc mất thanh khoản dẫn đến công ty chứng khoán không thu hồi được hết số tiền cho vay. Để hạn chế rủi ro này, VNDIRECT đã phối hợp đồng thời nhóm biện pháp:

- Lập danh mục cổ phiếu làm tài sản bảo đảm trên cơ sở tuân thủ các quy định của Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước, đồng thời thường xuyên đánh giá biến động cổ phiếu, các yếu tố thanh khoản, xác định các thông tin ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và cổ phiếu.
- Xây dựng hệ thống hạn mức chéo để kiểm soát tối đa: tổng hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ, hạn mức tối đa/khách hàng, hạn mức tối đa/mã cổ phiếu, tỷ lệ ký quỹ duy trì, tỷ lệ xử lý giao dịch ký quỹ để thu hồi nợ,...
- Theo dõi hàng ngày dư nợ và tỷ lệ tài khoản để kịp thời phát hiện các dấu hiệu rủi ro. Bất kỳ khoản nợ cổ phiếu nào tiềm ẩn yếu tố rủi ro vượt ngưỡng chịu đựng rủi ro đều phải thu hồi trước hạn.
- Việc chấm điểm, đánh giá tín nhiệm khách hàng phải đảm bảo các tiêu chí theo nguyên tắc do VNDIRECT đề ra, ràng buộc trách nhiệm của Môi giới và Chuyên viên chăm sóc khách hàng trong việc cảnh báo và thu hồi nợ.
- Cho vay giao dịch ký quỹ được cung cấp cho nhiều đối tượng khách hàng bao gồm khách hàng cá nhân, doanh nghiệp và định chế tài chính để đảm bảo rủi ro không tập trung vào một số khách hàng lớn.

Trong điều kiện thị trường có nhiều diễn biến khó lường và rủi ro cao, VNDIRECT đã thắt chặt hơn các quy định về cấp margin cho cổ phiếu, việc đánh giá, sàng lọc, điều chỉnh các tỷ lệ quản lý rủi ro, hạn mức được thực hiện với tần suất hàng ngày hoặc ngay khi thị trường có các diễn biến bất lợi.

Năm 2024 khi dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ tăng trưởng hồi phục kèm theo đó là các yếu tố có thể gây ra rủi ro thị trường như biến động về lãi suất, tỷ giá và chính sách điều hành của các cơ quan quản lý thì việc Ban Lãnh đạo VNDIRECT giữ lập trường về định hướng phát triển bền vững và quy chế quản trị rủi ro chuyên nghiệp càng được khẳng định rõ nét. Năm 2024 bên cạnh việc tăng trưởng dư nợ cho vay Margin, VNDIRECT cũng chủ động thực hiện thu hồi nợ qua đó số dư dự phòng cụ thể giảm còn 42 tỷ tại 31/12/2024 (giảm 400 triệu so với số dư cùng kỳ năm 2023). Đồng thời, số dư đệm cho dự phòng rủi ro tăng lên 80 tỷ. Đây là phần dự phòng chung mà Công

ty đã chủ động trích lập thêm, được xác định bằng 0,75% tổng dư nợ cho vay (không bao gồm dư nợ đã trích lập dự phòng cụ thể).

	Chi phí trích lập/(hoàn nhập) năm 2024 (triệu đồng)	Số dư tại 31/12/2024 (triệu đồng)
Dự phòng cụ thể	(457)	42.139
Dự phòng chung	3.367	80.148
TỔNG CỘNG	2.910	122.288

Nguồn: Báo cáo tài chính VNDIRECT năm 2024 đã kiểm toán

Với nghiệp vụ ngân hàng đầu tư: VNDIRECT đã và đang áp dụng các tiêu chuẩn lựa chọn, đánh giá, thẩm định và quản lý rủi ro chặt chẽ đối với hoạt động bảo lãnh phát hành và quản lý các khoản đầu tư trái phiếu doanh nghiệp.

Ở giai đoạn lựa chọn khách hàng, VNDIRECT đã xây dựng và áp dụng những tiêu chuẩn chặt chẽ trong việc đánh giá khách hàng (KYC – Know Your Customer) nhằm lựa chọn những khách hàng phù hợp với định hướng chiến lược của công ty trong từng thời kỳ, tập trung vào các ngành nghề có tiềm năng tăng trưởng, sở hữu mô hình kinh doanh hiệu quả bền vững và ban lãnh đạo có tầm nhìn chiến lược dài hạn. Các ngành nghề trọng tâm VNDIRECT hướng đến bao gồm: năng lượng, bất động sản, sản xuất công nghiệp, dịch vụ tiêu dùng, công nghệ, du lịch, y tế và giáo dục.

Ở giai đoạn cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành, bên cạnh các quy định pháp luật phải tuân thủ, VNDIRECT áp dụng quy trình thẩm định chuyên sâu (due diligence) trên nhiều khía cạnh như tài chính, kinh doanh, quản trị nhằm đảm bảo chuẩn mực về điều kiện phát hành và chất lượng của khoản đầu tư. Quy trình thẩm định này được tóm gọn bởi nguyên tắc 5C:

- Cashflow (Dòng tiền - Mô hình kinh doanh bền vững, có khả năng tạo dòng tiền ổn định)
- Capacity (Năng lực trả nợ - Doanh nghiệp có điều kiện trả nợ tốt và trong điều kiện dòng tiền thiếu hụt thì có tài sản để bù đắp)
- Corporate Governance (Quản trị doanh nghiệp - Doanh nghiệp có tầm nhìn sứ mệnh đúng đắn và các chuẩn mực kinh doanh tuân thủ pháp luật)
- Capital (Năng lực vốn - Cơ cấu vốn chủ an toàn và khả năng huy động vốn trong tương lai)
- Condition (Điều kiện phát hành - Doanh nghiệp có phương án phát hành và mục đích sử dụng vốn đảm bảo tính hiệu quả)

Các giải pháp đầu tư Trái phiếu mà VNDIRECT cung cấp cho khách hàng là các sản phẩm VNDIRECT tư vấn, bảo lãnh phát hành hoặc đã được đánh giá chọn lọc kỹ càng theo tiêu chuẩn đã nêu.

Đối với hoạt động quản lý các khoản đầu tư, VNDIRECT duy trì việc cập nhật đánh giá các khoản đầu tư định kỳ (hàng tháng, hàng quý, hàng năm) trên cơ sở cập nhật về hoạt động kinh doanh và sức khỏe tài chính của tổ chức phát hành, mức độ tuân thủ các điều kiện điều khoản của khoản đầu tư nhằm có cái nhìn tổng quan về hiệu quả đầu tư, nhận diện được những rủi ro tiềm ẩn và có phương án phòng ngừa/xử lý phù hợp.

d. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi VNDIRECT mất khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán một phần hoặc toàn bộ các khoản nợ đến hạn, không đáp ứng được nhu cầu thanh toán tiền mua chứng khoán vay giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư và chậm trễ hoặc không đáp ứng được yêu cầu hoạt động thanh toán của nhà đầu tư trên tài khoản họ duy trì tại VNDIRECT.

Năm 2024 VNDIRECT tiếp tục nâng cao hoạt động quản trị rủi ro thanh khoản. Công ty đảm bảo tuân thủ tất cả các tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn và tỷ lệ tuân thủ theo quy định. Tỷ lệ vốn khả dụng của VNDIRECT tại ngày 31/12/2024 là 356,1%, đảm bảo tuân thủ so với quy định của UBCK là 180%. Giới hạn đầu tư luôn được bảo đảm tuân thủ theo quy định của pháp luật và kiểm soát rủi ro chặt chẽ.

VNDIRECT đầu tư và nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao (chiếm trên 40% Tổng tài sản) như Tiền mặt, Hợp đồng tiền gửi, Chứng chỉ tiền gửi và Trái phiếu của các tổ chức tín dụng lớn, Trái phiếu Chính phủ nhằm nâng cao và duy trì bộ đệm thanh khoản cho những biến động lớn. Công ty cũng luôn hướng đến mở rộng và duy trì quan hệ với nhiều định chế tài chính bao gồm các tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm và quỹ đầu tư.

e. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động cũng bao gồm rủi ro về an ninh hệ thống, tuân thủ và quy định. Trong điều kiện thị trường nhạy cảm như vậy, Công ty liên tục xem xét tất cả các quy trình vận hành để đảm bảo tuân thủ, hệ thống an ninh, an ninh mạng được kiểm tra định kỳ để kịp thời phát hiện, rà soát, khắc phục nhằm hạn chế tối đa rủi ro hệ thống.

Với mục tiêu đảm bảo an toàn thông tin ở mức độ cao nhất, VNDIRECT tăng cường đầu tư vào quản trị an toàn thông tin trên toàn bộ hệ thống, kiện toàn các bước vận hành và hệ thống quản lý thông tin để đảm bảo các sự kiện có thể ảnh hưởng đến an toàn thông tin trên hệ thống được nhận diện, giám sát, phân tích và xử lý kịp thời. Các rủi ro hoạt động gây mất an toàn thông tin, các xu hướng đe dọa, rủi ro an toàn được nhận diện và kiểm soát chủ động.

f. Rủi ro quản trị doanh nghiệp

Rủi ro quản trị công ty là một rủi ro tiềm ẩn, khó dự báo trước nhưng lại có thể ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Rủi ro quản trị có thể xuất phát từ nguyên nhân chủ quan (sai sót của cấp quản lý do năng lực) và khách quan (biến động thị trường, thay đổi văn bản luật) gây tác động trực tiếp tới công tác quản trị tài chính, năng suất lao động... Do vậy, bất kỳ doanh nghiệp nào cũng cần phải có đủ khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các rủi ro này để đảm bảo hiệu quả trong hoạt động quản trị.

VNDIRECT luôn đặt vấn đề về quản trị công ty lên hàng đầu với mục tiêu đảm bảo sự minh bạch, hiệu quả, phù hợp với mục tiêu kinh doanh và hơn hết là phục vụ lợi ích bền vững của cổ đông trên cơ sở hài hòa với các bên liên quan. Với mục tiêu đó, VNDIRECT xây dựng mô hình quản trị tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các pháp luật liên quan. Đồng thời, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất rủi ro quản trị, Công ty luôn chuẩn bị các kế hoạch rà soát chính sách, quy trình nội bộ để đảm bảo mọi quyết định, hoạt động của các cấp quản lý luôn tuân thủ đúng các quy định pháp luật đồng thời đạt được mục tiêu chung của Công ty.

g. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro trên, Công ty còn phải đón nhận một số rủi ro mang tính bất khả kháng, sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như rủi ro do thiên tai (bão, lũ...), dịch bệnh sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh... Từ năm 2020, khi dịch COVID – 19 xảy ra, Công ty đã nhanh chóng thực hiện nghiêm túc các chính sách phòng tránh dịch theo hướng dẫn của Chính phủ, đảm bảo sự an toàn cho cán bộ công nhân viên, duy trì hoạt động liên tục và đạt được kết quả kinh doanh rất khả quan. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty và của khách hàng để hạn chế bớt các rủi ro này.

3.6. Hoạt động khối Vận hành - Công nghệ

3.6.1. Hoạt động khối Vận hành

Kiến tạo toàn tổ chức – Nâng tầm năng lực

Năm 2024 là giai đoạn VNDIRECT tập trung khai phá tiềm năng nội tại, tăng cường sự kết nối và nâng cao năng lực vận hành như một bước đệm cho tương lai bền vững. VNDIRECT đã triển khai nhiều sáng kiến nhằm tinh gọn tổ chức, tăng tính linh hoạt và đảm bảo đội ngũ vận hành có đủ khả năng thích ứng với những thách thức trong tương lai.

Các hoạt động chính:

- **Tăng cường kết nối nội bộ** giữa các bộ phận, chuẩn hóa quy trình, tăng hiệu quả phối hợp.

- **Xây dựng năng lực quản trị vận hành**, thiết lập bộ phận Operation Governance để giám sát, nâng cao chất lượng dịch vụ.
- **Nâng cao năng lực con người**, khuyến khích sáng tạo, ứng dụng công nghệ trong quá trình vận hành.
- **Đẩy mạnh tự động hóa**, giảm thiểu tác vụ thủ công, đảm bảo vận hành an toàn và linh hoạt.

Sự chuyển mình này không chỉ nhằm tăng trưởng ngắn hạn mà còn đột phá về dài hạn, tăng cường năng lực và tính bền vững trong hoạt động vận hành.

3.6.2. Hoạt động khối Công nghệ

Năm 2024 là một năm đánh dấu nhiều bước tiến quan trọng của tổ chức trong việc tái cấu trúc lại hệ thống hạ tầng, nâng cao năng lực an toàn thông tin.

“Con người – Công nghệ – Chuỗi giá trị” là ba nền tảng quan trọng cấu thành nên năng lực tổ chức, VNDIRECT vẫn luôn định vị công nghệ là đòn bẩy quan trọng để tổ chức hướng tới mục tiêu xây dựng một hệ sinh thái đầu tư đầy đủ, đơn giản cho mọi khách hàng. VNDIRECT đã đối mặt với một sự cố lớn về bảo mật thông tin trong năm 2024 gây gián đoạn dịch vụ. Với sự nỗ lực hết mình của nguồn lực nội bộ kết hợp với sự hỗ trợ của các chuyên gia, VNDIRECT đã khắc phục được hoàn toàn sự cố này mà không có sự thất thoát hay mất mát dữ liệu nào. Sau sự cố này, VNDIRECT đã thực hiện hàng loạt các biện pháp để nâng cao tính an toàn và ổn định của hạ tầng công nghệ thông tin, tăng cường bảo mật dữ liệu và cải thiện quy trình phục vụ khách hàng.

Cải thiện nền tảng công nghệ

Trong năm 2024, với mục tiêu cải thiện độ ổn định của hạ tầng, VNDIRECT đã rà soát toàn diện các hệ thống và công nghệ hiện có, và thực hiện nâng cấp các phần mềm và hệ thống đang ở giai đoạn cuối vòng đời, thực hiện chuyển đổi một số công nghệ lỗi thời. Việc triển khai hiệu quả chiến lược kiểm soát tính lỗi thời của hệ thống đã góp phần quan trọng trong việc duy trì tính cạnh tranh và hiệu quả hoạt động của tổ chức.

Đặc biệt, VNDIRECT cũng đã đầu tư và triển khai các giải pháp backup chống ransomware hàng đầu thế giới: Veritas, Synology, IBM... Giải pháp Policy-based High Availability (PBHA) cho SAN đã tạo ra một hệ thống bảo vệ dữ liệu mạnh mẽ, với kiến trúc dự phòng đầy đủ và cơ chế failover tự động, đảm bảo an toàn cho dữ liệu quan trọng của tổ chức, là bản đạp để phát triển kế hoạch disaster recovery toàn diện vào năm 2025.

Công tác kiểm tra, đánh giá và kiện toàn bảo mật tổng thể cho hệ thống công nghệ thông tin đã mang lại những cải thiện đáng kể trong hoạt động an toàn thông tin (“ATTT”) của tổ chức. Đồng

thời, việc hợp tác với các đối tác cung cấp dịch vụ ATTT uy tín trên thị trường đã giúp nâng cao năng lực kiểm soát rủi ro bảo mật tổng thể. Năm 2024, VNDIRECT đã hoàn thành triển khai yêu cầu xác thực mạnh (2 yếu tố) bảo vệ Khách hàng và người dùng khi truy cập ứng dụng; Xây dựng giải pháp SIEM độc lập có khả năng thu thập đầy đủ sự kiện bảo mật cho toàn bộ hệ thống và thực hiện giám sát ATTT 24/7 nhằm kịp thời phát hiện và xử lý các sự cố ATTT xảy ra.

Với những thay đổi và đầu tư về mặt hạ tầng công nghệ và an toàn thông tin trong năm 2024, VNDIRECT luôn đặt sự an toàn của khách hàng và dữ liệu của khách hàng lên ưu tiên hàng đầu, và VNDIRECT tin rằng nền tảng hiện nay đã trở nên an toàn và ổn định hơn rất nhiều, sẵn sàng cho các triển vọng phát triển mới của thị trường, sẵn sàng cho các nhu cầu mới của nhà đầu tư.

Tối ưu hoạt động vận hành

Trong 2024, VNDIRECT cũng đã xây dựng năng lực Automation Test, tạo ra một bước đột phá trong quy trình đảm bảo chất lượng phần mềm của tổ chức. Không chỉ giúp tăng hiệu quả và độ tin cậy của quá trình testing, Automation testing sẽ góp phần quan trọng trong việc đẩy nhanh chu kỳ phát triển và triển khai phần mềm trong năm 2025.

Ngoài ra, VNDIRECT cũng bắt đầu thử nghiệm ứng dụng AI trong hoạt động vận hành và đã mang lại những chuyển biến đáng kể trong hiệu quả và chất lượng dịch vụ giúp tự động hóa các tác vụ thường xuyên. Kết hợp với các công nghệ hiện đại khác, AI đã trở thành một phần không thể thiếu trong chiến lược chuyển đổi số của tổ chức.

Nâng cao trải nghiệm khách hàng

VNDIRECT tiên phong ra mắt Bảng giá Mini – Bảng giá đầu tiên trên thị trường cho phép quan sát diễn biến các nhóm ngành cổ phiếu trong cùng một thời điểm và dễ dàng cá nhân hóa bảng giá phù hợp với nhu cầu. Không chỉ dừng lại ở việc cung cấp tiện ích và giải pháp giao dịch chuyên nghiệp cho nhà đầu tư, VNDIRECT còn cung cấp đầy đủ thông tin về sức khỏe cổ phiếu bằng việc nâng cấp công cụ Sức khỏe cổ phiếu 2.0, giúp khách hàng có thể nhận diện cơ hội và rủi ro – đây cũng là công cụ được Khách hàng sử dụng nhiều nhất trong năm 2024, cùng với đó là công cụ Tìm kiếm cổ phiếu tiêu điểm mới giúp nhà đầu tư tiết kiệm thời gian và công sức, đồng thời tăng khả năng đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn.

Giao dịch như dân nhà nghề và quản trị rủi ro khi giao dịch luôn là những giá trị mục tiêu mà dòng sản phẩm DSTOCK muốn đem đến cho Khách hàng. Nhằm nâng cao hiệu quả một cách toàn diện các tính năng cảnh báo, giúp khách hàng chủ động bám sát diễn biến thị trường để tìm kiếm cơ hội đầu tư và quản trị rủi ro, năm 2024 VNDIRECT đã tiến hành nâng cấp Bộ công cụ cảnh báo biến động thị trường ver 2.0 với những tính năng cảnh báo độc quyền giúp cá nhân hóa kế hoạch giao dịch với 54 chỉ tiêu cảnh báo (so với 22 chỉ tiêu ở phiên bản trước), linh hoạt cập nhật biến

động từng mã hoặc với 8 chỉ số index, tăng độ chính xác với sự kết hợp của các chỉ tiêu giá, khối lượng và các chỉ báo kỹ thuật.

Việc ra mắt công cụ Trợ lý thông minh với tiện ích cập nhật thông tin nhanh chóng cùng AI với các tính năng chính gồm tổng quan thị trường với tâm lý, sự kiện, tin tức phân loại (tích cực, tiêu cực, trung lập), những phân tích chi tiết từng mã và xếp hạng cổ phiếu bằng AI, giúp nhà đầu tư nắm bắt xu hướng và cơ hội nhanh.

VNDIRECT tiếp tục kiện toàn, nâng cao trải nghiệm khách hàng thông qua việc tích hợp eKYC và Face Matching vào luồng mở tài khoản và đăng ký sản phẩm dịch vụ trực tuyến, đồng thời kiện toàn hệ thống báo cáo cho Khách hàng trên MyDgo với Giao diện quản lý tài sản mới được phát triển mang tính cá nhân hóa cao, hiện thực hóa trải nghiệm “Mọi thông tin trên 01 màn hình” cho Khách hàng. Triển khai tool giá minh họa dòng tiền đầu tư nhằm tăng trải nghiệm Khách hàng giao dịch trái phiếu và hoàn thiện số hóa luồng giao dịch Trái phiếu riêng lẻ cho Khách hàng và Tự doanh giúp tối ưu hóa hoạt động vận hành. Tăng cường bảo mật và an ninh thông tin cho Khách hàng với tính năng quản lý thiết bị tin cậy giúp bảo vệ tài khoản của khách hàng khỏi những truy cập trái phép.

3.7. Quản trị nguồn nhân lực

STT	Thành viên Ban điều hành/Ban Tổng Giám đốc	Ngày/tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Vũ Long – Tổng Giám đốc	27/11/1987	Thạc sĩ tài chính	18/09/2023
2	Ông Điều Ngọc Tuấn – Giám đốc quản trị	02/01/1978	Thạc sĩ luật học	31/10/2022

Thông tin Ban điều hành

Ông NGUYỄN VŨ LONG	
Tổng Giám đốc	
Thời điểm được bổ nhiệm	18/9/2023
Ngày/tháng/năm sinh	27/11/1987
Quốc tịch	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	273 cổ phiếu tương ứng với 0,00002%

Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh tế
<p>Ông Nguyễn Vũ Long tốt nghiệp Thạc sĩ trường Đại học New South Wales chuyên ngành Kinh tế và đã có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư - tài chính.</p> <p>Ông Long đã gắn bó với VNDIRECT khoảng 10 năm và trải qua nhiều vị trí quan trọng của công ty như Trưởng phòng kinh doanh tiền tệ, Giám đốc Nguồn Vốn, Giám đốc Khối Thị trường vốn. Đồng hành với VNDIRECT trong suốt thời gian qua, ông đã và đang đóng góp không nhỏ trong những bước tiến phát triển vượt bậc của công ty và trở thành một trong những lãnh đạo trẻ tiêu biểu trong những năm gần đây.</p> <p>Ông Long chính thức đảm nhận chức vụ Quyền Tổng giám đốc tại VNDIRECT từ ngày 22/11/2021 và được bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 25/04/2022.</p> <p>Ông Nguyễn Vũ Long chính thức được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc VNDIRECT từ ngày 18/09/2023.</p>	

Ông ĐIỀU NGỌC TUẤN	
Giám đốc quản trị	
Thời điểm được bổ nhiệm	Năm 2022
Ngày/tháng/năm sinh	02/01/1978
Quốc tịch	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	0 cổ phiếu
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Luật học
<p>Ông Điều Ngọc Tuấn là Thạc sĩ Luật học của Đại học Luật Hà Nội và Đại học Paris II.</p> <p>Ông có khoảng 20 năm công tác trong lĩnh vực tư vấn pháp luật, quản trị doanh nghiệp, tài chính. Cho tới nay, ông Tuấn đã gắn bó và đồng hành với Công ty trong suốt 15 năm trên vai trò Giám đốc Ban pháp chế & Tuấn thủ, Phụ trách quản trị Công ty. Với kinh nghiệm, kiến thức và hiểu biết chuyên sâu về pháp luật, quản trị, tài chính, ông Tuấn đã có những đóng góp quan trọng vào sự trưởng thành và phát triển vững mạnh của VNDIRECT. Ông Điều Ngọc Tuấn được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc quản trị Công ty từ ngày 31/10/2022.</p>	

Thông tin về Kế toán trưởng

Bà NGUYỄN THỊ HƯƠNG	
Kế toán trưởng	
Thời điểm được bổ nhiệm	Năm 2023
Ngày/tháng/năm sinh	29/04/1982
Quốc tịch	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	0 cổ phiếu
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán doanh nghiệp
Bà Nguyễn Thị Hương có khoảng gần 20 năm công tác trong lĩnh vực kế toán doanh nghiệp. Với kinh nghiệm, kiến thức chuyên sâu về kế toán doanh nghiệp, bà Hương đã hỗ trợ Ban Điều hành cho sự phát triển của VNDIRECT.	

Chính sách nhân sự

Từ những ngày đầu thành lập, VNDIRECT đã xác định rằng Con người – Công nghệ – Chuỗi giá trị là nền tảng cốt lõi tạo nên năng lực tổ chức. Với triết lý "lấy con người làm trung tâm" (people-centric), công ty luôn coi yếu tố con người là trọng tâm để xây dựng nền tảng phát triển bền vững. Trong năm 2024 VNDIRECT có tổng số cán bộ nhân viên ("CBNV") là 1.168 nhân sự (tại thời điểm 31/12/2024) trong đó lao động nữ chiếm 52,6%, lao động nam 47,4%.

Cải tiến quản trị nhân sự

Năm 2024, VNDIRECT đã triển khai nhiều chính sách và quy định quan trọng nhằm tối ưu hóa hoạt động quản trị nhân sự. Công ty tập trung xây dựng hệ thống quản lý công việc và hiệu suất, đồng thời số hóa các quy trình nghiệp vụ. Điều này giúp người lao động làm chủ công việc, nâng cao trách nhiệm, tăng cường khả năng sáng tạo và hướng tới việc làm chủ thời gian cũng như không gian làm việc.

Bên cạnh đó, VNDIRECT đã thực hiện quy hoạch cấu trúc tổ chức, chuyên môn hóa vị trí công việc, đầu tư nền tảng công nghệ, và nâng cao năng lực quản trị cho đội ngũ lãnh đạo cấp trung trở lên. Từng nhân sự được phân tích, đánh giá và sắp xếp vào các vị trí phù hợp với năng lực, tạo môi trường làm việc hợp lực – hỗ trợ – đồng hành để cùng nhau tạo giá trị tập thể.

Đào tạo và phát triển nguồn lực

Tại VNDIRECT, mỗi cá nhân đều được quan tâm, đào tạo và định hướng để xác định con đường phát triển sự nghiệp của bản thân. Văn hóa Cộng sự – Đồng hành – Thấu hiểu tại công ty giúp gắn

kết và cộng hưởng tâm nhìn của từng thành viên với sứ mệnh và định hướng chung của tổ chức. Nhân sự được khuyến khích dẫn thân học hỏi, chủ động đón nhận thử thách để phát triển và hoàn thiện bản thân.

VNDIRECT tập trung đào tạo nâng cao năng lực thông qua việc xây dựng bản đồ năng lực, giúp nhân sự xác định các kỹ năng cần cải thiện để đảm bảo sự phát triển bền vững trong tổ chức.

Đào tạo chuyên môn: Trong quá trình làm việc, nhân sự được trang bị đầy đủ các kiến thức và kỹ năng cần thiết. Năm 2024, VNDIRECT đã tổ chức 36 chương trình đào tạo với sự tham gia của 1.464 CBNV, tập trung vào các lĩnh vực như dịch vụ chứng khoán, phát triển kinh doanh, tư vấn đầu tư, nghiên cứu sản phẩm, và vận hành khách hàng cá nhân.

Đào tạo văn hóa làm việc

Năm 2024, VNDIRECT đặc biệt chú trọng việc xây dựng văn hóa làm việc. Công ty đã tổ chức các chương trình đào tạo cho thành viên Ban lãnh đạo trực tiếp chia sẻ, giúp CBNV hiểu rõ hơn về văn hóa tổ chức, tinh thần tự chủ, và chiến lược phát triển cá nhân. Những nội dung này được ứng dụng trong công việc chuyên môn hàng ngày, qua đó nâng cao tinh thần phối hợp, phát huy khả năng làm chủ công việc, và thúc đẩy sự cộng hưởng giữa các đội ngũ để đạt được mục tiêu chung.

3.8. Thông tin cổ đông

3.8.1. Cổ phần

Theo danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp tại ngày 26/02/2025, thông tin về cổ phiếu phổ thông của VNDIRECT như sau:

- Số lượng cổ phiếu phát hành và đang niêm yết: 1.522.299.908 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.522.299.908 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu;
- Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại VNDIRECT: 100% (Theo thông báo số 7295/UBCK-QLKD ngày 08/11/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

3.8.2. Cơ cấu cổ đông

Bảng Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 26/02/2025

STT	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông trong nước	95.393	1.360.458.014	89,37
1.1	Cá nhân	95.263	941.234.485	61,83

STT	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1.2	Tổ chức	130	419.223.529	27,54
2	Cổ đông nước ngoài	923	161.841.894	10,63
2.1	Cá nhân	841	11.591.433	0,76
2.2	Tổ chức	82	150.250.461	9,87
	<i>Trong đó: Tổ chức có NĐT nước ngoài nắm giữ trên 50% VDL</i>	0	0	0
3	Cổ phiếu quỹ⁶	0	0	0
	Tổng cộng	96.316	1.522.299.908	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông của VNDIRECT do VSDC cung cấp tại ngày 26/02/2025)

Thống kê danh sách cổ đông lớn

Tính đến ngày 31/12/2024, danh sách cổ đông lớn của công ty như sau:

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư LP.A	393.318.477	25,84%
TỔNG CỘNG		393.318.477	25,84%

Cơ cấu cổ đông theo loại cổ phần

Cổ phần	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Cổ phần đang lưu hành	1.522.299.908	100%
Cổ phần hạn chế chuyển nhượng (theo quy định của pháp luật đối với cổ phiếu chưa phân phối hết trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2024)	9.531.647	0,626%
Cổ phần chuyển nhượng tự do	1.512.768.261	99,374%
Cổ phần quỹ	0	0%
TỔNG CỘNG	1.522.299.908	100%

⁶ Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm

3.8.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước phát hành	Vốn điều lệ sau phát hành	Số vốn điều lệ tăng thêm	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
	11/2006		50.000	50.000	Góp vốn thành lập công ty	UBCKNN
1	11/2007	50.000	300.000	250.000	Chào bán riêng lẻ, bao gồm: (i) Chào bán 2,5 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 10.000 đồng/cp; (ii) Chào bán cho cổ đông chiến lược, số lượng 22,5 triệu cổ phiếu với giá 12.222 đồng/cp.	UBCKNN
2	02/2010	300.000	450.000	150.000	Phát hành cổ phiếu, bao gồm: (i) Thương 5 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; (ii) Chào bán 5 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 6:1; (iii) Chào bán 1 triệu cổ phiếu cho CBCNV; (iv) Chào bán 4 triệu cổ phiếu theo hình thức riêng lẻ dưới 100 nhà đầu tư.	UBCKNN
3	08/2010	450.000	999.990	549.990	Phát hành và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, bao gồm: (i) Phát hành 15.000.000 cổ	UBCKNN

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước phát hành	Vốn điều lệ sau phát hành	Số vốn điều lệ tăng thêm	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
					phiếu trả cổ tức cho cổ đông và (ii) Chào bán 39.999.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.	
4	12/2014	999.990	1.549.981,65	549.991,65	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, bao gồm: (i) Chào bán 49.999.400 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và (ii) Phát hành 4.999.765 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	UBCKNN
5	04/2018	1.549.981,65	2.204.301,69	654.320,04	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, bao gồm: (i) Chào bán 50.332.587 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và (ii) Phát hành 15.099.417 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để trả cổ tức.	UBCKNN
6	07/2021	2.204.301,69	4.349.446,87	2.145.145,18	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu 214.514.518 cổ phiếu	UBCKNN

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước phát hành	Vốn điều lệ sau phát hành	Số vốn điều lệ tăng thêm	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
7	04/2022	4.349.446,87	12.178.440,09	7.828.993,22	(i) Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 434.944.588 cổ phiếu và (ii) Phát hành 347.954.734 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	UBCKNN
8	07/2024	12.178.440,09	15.222.999,08	3.044.558,99	(i) Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 243.566.632 cổ phiếu và (ii) phát hành 60.889.267 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để trả cổ tức	UBCKNN

3.8.4 Các chứng khoán khác

Bảng tổng hợp các trái phiếu đã lưu hành trong năm 2024

TT	Mã trái phiếu	Mệnh giá phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Hình thức phát hành	Các cam kết chưa thực hiện
1	VND122014	400	07/03/2022	07/03/2025	Phát hành ra công chúng	0
	Tổng cộng	400				

Bảng tổng hợp các chứng quyền đã lưu hành và đáo hạn trong năm 2024

Stt	Tên chứng quyền	Số lượng CW	Đặc điểm loại chứng quyền	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Các cam kết chưa thực hiện
1	CFPT2305	2.000.000	Mua	17/07/2023	17/04/2024	0
2	CHPG2321	10.000.000	Mua	17/07/2023	17/04/2024	0
3	CHPG2322	8.000.000	Mua	17/07/2023	17/07/2024	0
4	CPOW2308	10.000.000	Mua	17/07/2023	17/04/2024	0
5	CPOW2309	5.000.000	Mua	17/07/2023	17/05/2024	0
6	CSTB2318	6.000.000	Mua	17/07/2023	17/05/2024	0
7	CSTB2319	10.000.000	Mua	17/07/2023	17/04/2024	0
8	CVPB2305	10.000.000	Mua	17/07/2023	17/04/2024	0
9	CACB2306	10.000.000	Mua	21/11/2023	22/07/2024	0
10	CACB2307	6.000.000	Mua	21/11/2023	21/08/2024	0
11	CFPT2316	10.000.000	Mua	21/11/2023	22/07/2024	0
12	CFPT2317	5.000.000	Mua	21/11/2023	21/11/2024	0
13	CHPG2341	10.000.000	Mua	21/11/2023	22/07/2024	0
14	CHPG2342	8.000.000	Mua	21/11/2023	21/11/2024	0
15	CMBB2317	10.000.000	Mua	21/11/2023	21/08/2024	0
16	CMBB2318	5.000.000	Mua	21/11/2023	23/09/2024	0
17	CMWG2318	5.000.000	Mua	21/11/2023	22/07/2024	0
18	CSTB2336	5.000.000	Mua	21/11/2023	21/05/2024	0
19	CSTB2337	10.000.000	Mua	21/11/2023	21/11/2024	0
20	CVIB2307	5.000.000	Mua	21/11/2023	21/08/2024	0
21	CVPB2321	10.000.000	Mua	21/11/2023	21/08/2024	0
22	CVPB2322	5.000.000	Mua	21/11/2023	23/09/2024	0
23	CVRE2322	5.000.000	Mua	21/11/2023	22/07/2024	0

3.9. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

3.9.1. Tiêu thụ nước

VNDIRECT thiết kế bảng nhỏ được lắp đặt tại nhiều vị trí với các nội dung nhắc nhở cán bộ nhân viên (CBNV) sử dụng tiết kiệm nước, tiết kiệm điện. Chắt tẩy rửa (dung dịch rửa tay, chén bát...) tại khu vực văn phòng được sử dụng sản phẩm bio sản xuất từ thảo mộc tự nhiên nhằm hạn chế tối đa hóa chất xả thải ra môi trường, gây ô nhiễm nguồn nước. CBNV hạn chế tối đa việc sử dụng chai nhựa, thay vào đó, nhân viên chủ động mang bình đựng nước cá nhân để sử dụng tại các sự kiện nội bộ như giải chạy marathon tại Hạ Long nhân dịp kỷ niệm sinh nhật VNDIRECT để tránh xả rác thải nhựa ra môi trường.

3.9.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Không có

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Không có

3.9.3. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

VNDIRECT với triết lý "lấy con người làm trung tâm" (people-centric), công ty luôn coi yếu tố con người là trọng tâm để xây dựng nền tảng phát triển bền vững. Trong năm 2024 VNDIRECT có tổng số cán bộ nhân viên ("CBNV") là 1.168 nhân sự (tại thời điểm 31/12/2024) trong đó lao động nữ chiếm 52,6%, lao động nam 47,4%. Thu nhập trung bình tháng trên nhân sự tại VNDIRECT là 36 triệu đồng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe an toàn và phúc lợi của người lao động:

Chế độ đãi ngộ

VNDIRECT xây dựng môi trường làm việc hấp dẫn, nơi CBNV được chăm sóc toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần, giúp họ yên tâm cống hiến và phát triển sự nghiệp. Công ty triển khai các chương trình phúc lợi, đãi ngộ cạnh tranh, minh bạch, và luôn được điều chỉnh để thu hút, giữ chân nhân tài. Các hoạt động gắn kết như sinh nhật tháng, tri ân thâm niên, chương trình kỷ niệm sinh nhật VNDIRECT năm 2024 với sự tham gia của hơn 1.000 CBNV tại hai miền Bắc - Nam đã tạo dấu ấn sâu sắc. Đồng thời, công ty quan tâm sức khỏe nhân viên qua khám sức khỏe định kỳ, bảo

hiếm sức khỏe toàn diện, các chế độ chăm sóc, thăm hỏi ốm đau, hiếu/hi, mừng nhân viên kết hôn, sinh con...

Môi trường làm việc

Với đội ngũ nhân sự trẻ chiếm số đông, VNDIRECT luôn tổ chức các sân chơi hấp dẫn cho CBNV tham gia như các chương trình hiến máu nhân đạo, các giải đá bóng, tennis, pickleball... của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giải chạy của ủy ban chứng khoán Nhà nước, giải tennis VSDC mở rộng tại thành phố HCM, giải chạy, bóng đá nhân dịp kỷ niệm 18 năm thành lập công ty... và đội tuyển của công ty luôn giành các giải thứ hạng cao.

Nhân dịp các ngày lễ, kỷ niệm trong năm như ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày quốc tế thiếu nhi 1/6, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, Noel, Tết Dương lịch, Nguyên đán... các sự kiện được tổ chức giúp gắn kết CBNV, đặc biệt dành cho các CBNV nữ để thể hiện bản thân, tình yêu của bản thân với tổ chức, qua đó, nhân viên hiểu nhau hơn, từ đó nâng cao tinh thần phối hợp trong công việc, hoàn thành mục tiêu chung của đơn vị và tổ chức.

Tôn trọng sự bình đẳng và đa dạng

Con người là yếu tố đóng vai trò quan trọng trong hành trình hiện thực hóa Tầm nhìn và Sứ mệnh của VNDIRECT, do đó, công ty luôn trân trọng sự cống hiến và đóng góp của toàn thể đội ngũ CBNV vì sự thành công chung của tổ chức. VNDIRECT tạo cơ hội phát triển cho toàn bộ CBNV thông qua việc nhân viên có cơ hội liên tục được mở rộng phạm vi và trách nhiệm trong công việc (SOA), được trải nghiệm những công việc mới, không phân biệt cấp bậc nhân sự là nhân viên hay quản lý, mỗi người đều được tin tưởng và trao quyền làm chủ nhiệm công việc của mình, qua đó chủ động kết nối với các nguồn lực và nhân sự khác để cùng hoàn thành nhiệm vụ được giao. Mọi nhân viên tại VNDIRECT đều có cơ hội phát triển năng lực, khai phá tiềm năng và phát triển sự nghiệp, giúp các nhân sự trẻ có nhiều cơ hội thể hiện bản thân, đạt tốc độ phát triển nhanh.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

Mỗi cá nhân làm việc tại VNDIRECT đều được quan tâm, đào tạo và định hướng để xác định được con đường phát triển sự nghiệp của bản thân. Văn hóa Cộng sự - đồng hành - thấu hiểu tại công ty giúp gắn kết và cộng hưởng tầm nhìn của mỗi thành viên với sứ mệnh, định hướng chung của tổ chức. Tại VNDIRECT, mỗi cá nhân đều được tạo điều kiện dẫn thân học hỏi và chủ động đón nhận thử thách để phát triển và hoàn thiện bản thân.

Tại VNDIRECT, nhân sự được tạo điều kiện luân chuyển vị trí để giúp nhân viên khám phá tiềm năng, trải nghiệm mới, đa dạng trong công việc, mở rộng phạm vi trách nhiệm, không bị bó hẹp ở một lĩnh vực cụ thể, qua đó giúp phát triển năng lực của bản thân. Phát huy tinh thần học tập làm mới bản thân liên tục, các cấp quản lý trở thành huấn luyện viên của nhân viên, liên tục đào tạo

hướng dẫn các kỹ năng mới, đáp ứng đòi hỏi của yêu cầu mới trong công việc trong thời đại AI. Việc chuyển đổi nhanh chóng này giúp đội ngũ nhanh chóng thích nghi và bước những bước tiến nhanh.

3.9.4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

VNDIRECT luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước, với mức đóng góp không ngừng tăng trưởng qua các năm. Công ty không chỉ đứng thứ 36 trong bảng xếp hạng Top 100 doanh nghiệp tư nhân nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam mà còn nằm trong Top 4 công ty chứng khoán tư nhân có mức nộp ngân sách cao nhất. Điều này khẳng định vai trò tích cực của VNDIRECT trong việc đóng góp vào sự phát triển kinh tế quốc gia, đồng thời thể hiện cam kết mạnh mẽ của công ty đối với cộng đồng địa phương thông qua các hoạt động hỗ trợ và phát triển bền vững.

VNDIRECT với sự đóng góp và tinh thần trách nhiệm xã hội cao, không chỉ khẳng định vai trò trong ngành tài chính mà còn lan tỏa giá trị nhân văn sâu sắc, giúp cải thiện điều kiện sống và học tập của các em nhỏ vùng cao như chương trình Mái trường cho em 2024 với vai trò nhà tài trợ chính, khánh thành khu nhà bán trú cho hơn 150 học sinh tại trường phổ thông dân tộc bán trú Mường Lống 2, bản Sa Thầy, xã Mường Lống, huyện Kỳ Sơn, Nghệ An trước mùa. Nhân dịp kỷ niệm 18 năm thành lập VNDIRECT, công ty đã tổ chức chương trình trồng cây xanh với tên gọi "Rừng dẻ mím cười" tại Si Ma Cai, Lào Cai để hiện thực hóa thông điệp vì một tương lai xanh.

3.9.5. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

VNDIRECT đã tích cực thực hiện các hoạt động liên quan đến thị trường vốn xanh, phù hợp với hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN). Công ty tiếp tục đồng hành cùng khách hàng, đóng vai trò tiên phong trong lĩnh vực tư vấn trái phiếu xanh, trái phiếu xã hội và trái phiếu bền vững (gọi chung là trái phiếu GSS). Điều này không chỉ giúp VNDIRECT bắt kịp với xu hướng tài chính bền vững toàn cầu mà còn góp phần đa dạng hóa các giải pháp huy động vốn cho doanh nghiệp.

Trong năm 2024, VNDIRECT đã tư vấn thành công 2 thương vụ trái phiếu GSS với tổng giá trị lên đến 3.450 tỷ đồng, chiếm hơn 30% giá trị trái phiếu GSS phát hành trên toàn thị trường trong kỳ. Những kết quả này phản ánh cam kết của công ty trong việc thúc đẩy phát triển bền vững và hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc tiếp cận nguồn vốn xanh.

IV. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc

4.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

VNDIRECT kiên định với chiến lược phát triển bền vững, tập trung vào việc đảm bảo an toàn tài chính và nâng cao năng lực cạnh tranh, nhằm mang lại giá trị bền vững cho khách hàng và cổ đông, ngay cả trong bối cảnh thị trường đầy thách thức. Trước sự cố bị tấn công bởi hacker công nghệ, Ban Tổng Giám đốc đã nhanh chóng kích hoạt các biện pháp quản trị rủi ro, phối hợp chặt chẽ với đội ngũ cán bộ nhân viên, đối tác nhằm khắc phục sự cố. Đồng thời, Ban Tổng giám đốc cũng đề ra phương hướng hành động lấy sự an toàn và lợi ích của khách hàng làm kim chỉ nam trong suốt quá trình khắc phục. Văn hóa Cộng sự - đồng hành - thấu hiểu tại công ty đã giúp VNDIRECT vượt qua khó khăn mà còn củng cố niềm tin từ khách hàng và các bên liên quan, khẳng định vị thế tiên phong của công ty trong ngành tài chính.

Với triết lý phát triển bền vững dựa trên ba trụ cột ESG (Môi trường, Xã hội, Quản trị), VNDIRECT đặt yếu tố Con người làm trọng tâm, triển khai các chương trình đào tạo chuyên môn và văn hóa làm việc, xây dựng bản đồ năng lực cùng lộ trình phát triển sự nghiệp rõ ràng, nhằm tạo ra đội ngũ nhân sự chất lượng cao, có trách nhiệm, sáng tạo và thích nghi tốt với môi trường kinh doanh chuyển đổi.

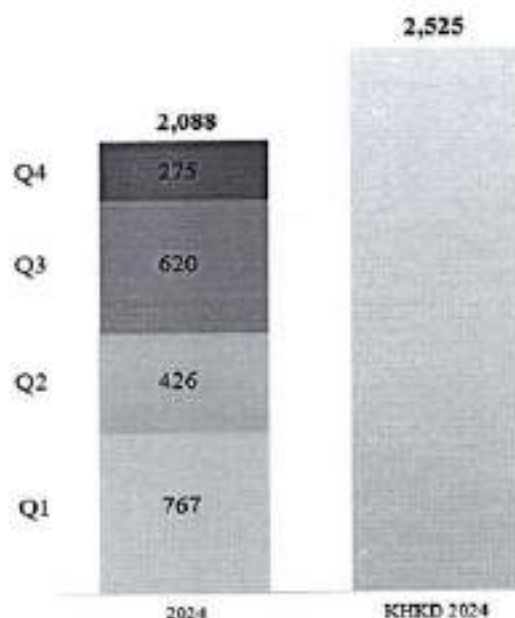
Đồng thời, công ty đẩy mạnh đầu tư công nghệ, tập trung vào bảo mật, nâng cao hiệu năng ứng dụng và triển khai các giải pháp số hóa toàn diện, tối ưu hóa sản phẩm và dịch vụ để mang lại trải nghiệm vượt trội cho khách hàng. Lấy khách hàng làm trung tâm, VNDIRECT không ngừng nâng cấp các công cụ giao dịch như DSTOCK, bảng giá Mini, công cụ Sức khốc cổ phiếu 2.0, và phát triển dịch vụ đầu tư tích hợp trên nền tảng MyDgo, đồng thời mở rộng hợp tác với các định chế tài chính lớn. Công ty khẳng định vị thế tiên phong trong ngành tài chính, hướng tới phát triển bền vững, bảo an thịnh vượng và lợi ích dài hạn cho khách hàng, đối tác và cộng đồng.

4.2. Tình hình tài chính

Trong năm 2024, Công ty ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 2.088 tỷ đồng, hoàn thành 83% kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua, khẳng định năng lực quản trị rủi ro và quản trị hiệu quả trong điều kiện kinh doanh khó khăn.

Lợi nhuận sau thuế đạt 1.718 tỷ đồng, giảm 15,9% so với cùng kỳ năm trước ("svck"), VNDIRECT vẫn duy trì vị trí trong nhóm các công ty chứng khoán có lợi nhuận cao nhất thị trường. Đặc biệt, việc tăng vốn điều lệ lên 15.222 tỷ đồng trong nửa cuối năm 2024 đã tạo nền tảng tài chính vững mạnh, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu của khách hàng và mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai. Việc tăng vốn điều lệ trong nửa cuối năm 2024 đã ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận, với ROAE đạt 9,5% và ROAA đạt 4,0%.

Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)



Cơ cấu tài sản và nguồn vốn

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	40.414	43.106	6,7%
1. Tiền và tương đương tiền	4.862	881	(81,9%)
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	16.730	24.519	46,6%
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.432	5561	(25,2%)
4. Các khoản cho vay	10.286	10.344	0,6%
5. Các khoản phải thu	939	1.728	84,1%
6. Tài sản ngắn hạn khác	165	73	(56,3%)
Tài sản dài hạn	1.328	1.189	(10,4%)
1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	202	-	-
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	836	915	9,4%
3. Tài sản dài hạn khác	290	274	(5,3%)
TỔNG TÀI SẢN	41.742	44.295	6,1%

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng/giảm
Nợ phải trả	25.234	24.580	(2,6%)
1. Vay ngắn hạn	20.468	22.436	9,6%
2. Phát hành trái phiếu	800	400	(50,0%)
3. Nợ phải trả khác	3.966	1.744	(56,0%)
Vốn chủ sở hữu	16.508	19.715	19,4%
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	41.742	44.295	6,1%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2024 VNDIRECT

Tình hình tài sản

Tài sản ngắn hạn cuối năm 2024 vẫn chiếm trọng số trong cơ cấu Tổng tài sản tại VNDIRECT với tỷ trọng 97,3% tương ứng với 43.106 tỷ đồng, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm 2023. Quy mô tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu từ danh mục Trái phiếu trong tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL.

Tại ngày 31/12/2024, quy mô tài sản tài chính FVTPL tăng mạnh 46,6% so với 2023 và chiếm tỷ trọng so v có sự giảm nhẹ 11,6% so với năm 2022 nhưng vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu danh mục tài sản (chiếm 55,4%). Trong đó, tỷ trọng về tài sản có tính thanh khoản cao như Chứng chỉ tiền gửi và Trái phiếu tổ chức tín dụng vẫn chiếm trọng số. Năm 2024, tỷ trọng trái phiếu chính phủ và trái phiếu của các tổ chức tín dụng (chủ yếu do ngân hàng Big4 phát hành) để tận dụng giá trái phiếu tăng. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) giảm quy mô đầu tư từ 7.634 tỷ đồng vào cuối năm 2023 xuống 5.561 tỷ đồng, giảm 25,2%.

Các khoản cho vay bao gồm hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán của khách hàng không có nhiều biến động trong điều kiện thị trường chứng khoán chưa có những tín hiệu rõ ràng vào thời điểm cuối năm. Tại thời điểm 31/12/2024 Công ty đạt dư nợ 10.344 tỷ đồng, tăng 0,6% so với cùng kỳ 2023 và chiếm tỷ trọng 23,4% cơ cấu tổng tài sản.

Tài sản dài hạn có quy mô 1.189 tỷ đồng chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu Tổng tài sản (chiếm 2,7%) trong đó chủ yếu là khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện.

Cơ cấu nguồn vốn

Năm 2024 Công ty đã hoàn thành tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ tại 31/12/2024 lên 15.222 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu của

VNDIRECT tăng lên 19.715 tỷ đồng và tiếp tục nằm trong top đầu những công ty chứng khoán có Vốn chủ sở hữu lớn nhất ngành chứng khoán. Vốn chủ sở hữu của Công ty tăng 19,4% so với năm 2023 sau tăng vốn.

Tình hình nợ phải trả

Cơ cấu Nợ phải trả của Công ty có sự thay đổi đáng kể khi dư nợ Vay ngắn hạn tại 31/12/2024 là 22.436 tỷ đồng (chiếm 91,3% Nợ phải trả), tăng 9,6% svck 2023. Tỷ trọng nợ vay ngắn hạn tại các Tổ chức tín dụng (“TCTD”) tăng, đồng thời dư nợ vay TCTD của Công ty chủ yếu từ các khoản vay ngắn hạn tại những ngân hàng top đầu qua đó khẳng định vị thế của VNDIRECT trên thị trường chứng khoán và mối quan hệ bền vững giữa VNDIRECT với các định chế tài chính lớn.

Công ty luôn có kế hoạch thu xếp dòng tiền ổn thỏa, đảm bảo thanh toán các khoản nợ đến hạn. Việc thanh toán nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước được thực hiện nghiêm túc, đúng hạn, bao gồm các khoản thuế, tiền thuê đất, các khoản phí, lệ phí. Hiện nay VNDIRECT không có khoản nợ nào quá hạn thanh toán.

4.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

VNDIRECT không ngừng cải thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp nhằm giúp khách hàng phát triển kỹ năng đầu tư bền vững. Năm 2024, công ty hoàn thiện cơ cấu tổ chức với hai trục F MAP (tập trung phân chia chức năng kinh doanh, vận hành, quản trị) và C MAP (thực thi hoạt động theo 5 khía cạnh GTM, OEC, HC, BTU, CX), đảm bảo phối hợp hiệu quả và tối ưu hóa giá trị khách hàng. Hệ thống iLEAD được số hóa nhằm đồng bộ mục tiêu cá nhân, phòng ban với chiến lược công ty, tối ưu nguồn lực, tăng cường kết nối, rõ ràng vai trò RACI, và tránh trùng chéo trong vận hành, từ đó nâng cao hiệu quả và trải nghiệm khách hàng.

4.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.4.1. Nhận định thị trường – điều kiện kinh doanh 2025

VĨ MÔ VIỆT NAM : TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ NĂM 2025 VẪN MẠNH MỀ

Dự báo tăng trưởng GDP năm 2025 đạt 7,3% trong kịch bản cơ sở

Việt Nam đề ra các mục tiêu tăng trưởng kinh tế đầy tham vọng cho năm 2025, bao gồm mục tiêu chính thức của Quốc hội là 6,5%-7,0% và mục tiêu phấn đấu là 7,0%-7,5%. Trong giai đoạn 2026-2030, Chính phủ hướng tới mục tiêu tăng trưởng GDP 7,5%-8,5%/năm.

VNDIRECT kỳ vọng nền kinh tế Việt Nam duy trì tăng trưởng cao trong năm 2025 và nâng dự báo tăng trưởng GDP lên mức 7,3% svck, tăng sv dự báo trước đó là 6,6%, nhờ lạc quan hơn về triển vọng đầu tư công và giảm bớt lo ngại về tác động của thuế quan Mỹ đối với hàng xuất khẩu Việt Nam. Các yếu tố khác cùng cổ đả tăng trưởng bao gồm: 1) tiêu dùng trong nước từng bước được

cải thiện trong bối cảnh áp lực lạm phát giảm và thị trường lao động cải thiện; và 2) thị trường bất động sản và đầu tư tư nhân phục hồi nhờ Luật đất đai sửa đổi chính thức được triển khai và môi trường kinh doanh cải thiện nhờ những cải cách của chính phủ.

Về ba trụ cột chính của nền kinh tế, VNDIRECT kỳ vọng tăng trưởng trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sẽ duy trì ổn định ở mức 8,3% svck vào năm 2025 (sv +8,2% svck vào năm 2024) nhờ tăng trưởng xuất khẩu (+10,4-12,2% svck vào năm 2025) và đẩy mạnh đầu tư công. Trong khi đó, hai trụ cột còn lại có thể mở rộng mạnh mẽ hơn, với khu vực dịch vụ tăng 7,8% svck vào năm 2025 (sv +7,4% svck vào năm 2024) và lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp tăng 3,6% svck (sv 3,3% svck vào năm 2024).

Nhìn chung, Việt Nam vẫn sẽ nằm trong nhóm những quốc gia tăng trưởng hàng đầu trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương trong năm 2025.

Hình 18: Tổng hợp dự báo vĩ mô Việt Nam năm 2025

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025 (dự báo)
GDP danh nghĩa	tỷ USD	310	337	347	367	414	434	475	516
Tăng trưởng GDP	% svck	7,5	7,4	2,9	2,6	8,5	6,1	7,1	7,3
GDP bình quân đầu người	USD	3.251	3.465	3.552	3.724	4.166	4.324	4.701	5.062
Tăng trưởng xuất khẩu	% svck	13,3	8,4	8,9	18,9	10,6	-4,6	14,3	11,3
Tăng trưởng nhập khẩu	% svck	11,8	6,9	3,7	26,7	8,0	-9,2	16,4	12,5
Cân cán thương mại	tỷ USD	6,9	10,9	18,9	3,3	12,3	28,4	25,7	34,1
FDI thực hiện	tỷ USD	19,1	20,4	20,8	19,7	22,4	23,2	25,4	27,5
Cân cán thanh toán	tỷ USD	5,8	12,2	15,1	(7,2)	(1,1)	25,8	21,4	18,7
Cân cán thanh toán trên GDP	% GDP	1,9	3,6	4,3	-2,0	-2,3	6,0	4,5	3,6
Dự trữ ngoại hối	tỷ USD	50	78	96	139	88	93	84	95
Dự trữ ngoại hối trên GDP	% GDP	17,8	23,3	27,4	29,8	21,2	21,6	17,7	18,4
Số tháng nhập khẩu	tháng	2,8	3,7	4,3	3,9	2,9	3,4	2,7	2,7
Lạm phát (svck, cuối năm)	% svck	3,1	5,2	0,2	1,8	4,4	3,4	2,9	3,4
Lạm phát bình quân	% svck	3,5	2,6	3,3	1,8	3,2	3,3	3,6	3,2
Tăng trưởng tín dụng	% từ đầu năm	13,9	13,6	12,2	13,6	14,2	12,8	15,1	15-16
Dư nợ tín dụng trên GDP	% GDP	102,9	106,3	114,3	120,1	125,5	131,6	138,6	141,4
Tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán	% từ đầu năm	12,4	14,8	15,7	10,7	6,2	12,5	12,3	13-14
Lãi suất huy động 12 tháng (cuối năm)	%	5,25	6,00	4,00	4,80	5,90	4,50	4,90	4,25
Lãi suất trả trái phiếu Chính phủ 10 năm (cuối năm)	%	5,1	3,4	2,4	2,1	4,8	2,2	3,8	2,9
Tỷ giá (tín ngân hàng, cuối kỳ)	USD/VND	23.175	23.173	23.086	22.826	23.673	24.257	25.405	25.793
Tỷ giá (tín ngân hàng, bình quân năm)	USD/VND	23.031	23.231	23.225	22.934	23.430	23.879	25.061	25.563
Thâm hụt ngân sách	% GDP	2,2	2,9	2,9	3,4	3,0	3,9	3,8	3,8
Nợ công	% GDP	46	43	44	43	37	36	36	37

Nguồn: TCTK, NHNN, BỘ TÀI CHÍNH, VNDIRECT RESEARCH

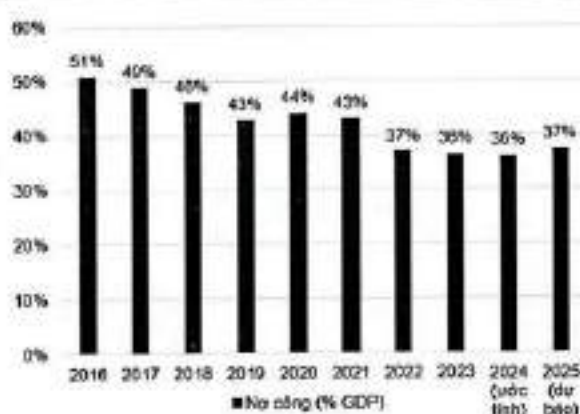
Chỉ tiêu chính phủ mạnh mẽ sẽ là động lực tăng trưởng quan trọng vào năm 2025

VNDIRECT tin rằng đầu tư công sẽ tăng tốc và trở thành động lực chính cho tăng trưởng kinh tế. Đầu tiên, 2025 đánh dấu năm cuối cùng của Kế hoạch đầu tư công trung hạn, đòi hỏi phải đẩy nhanh các dự án đang triển khai để đáp ứng kế hoạch. Thứ hai, và quan trọng hơn cả, Chính phủ đã đặt ra mục tiêu đầy tham vọng về tăng trưởng kinh tế trong năm 2025, trong đó Thủ tướng định hướng mục tiêu tăng trưởng GDP là 8%. Do đó, Chính phủ đã vạch ra một kế hoạch đầu tư công đầy tham vọng cho năm 2025, với kế hoạch chi cho đầu tư và phát triển ở mức 790,7 nghìn tỷ đồng (31,1 tỷ USD), tương đương mức tăng 16,7% so với kế hoạch năm 2024.

VNDIRECT giả định chính phủ sẽ duy trì mục tiêu hoàn thành thông thường là 95% cho kế hoạch đầu tư công, dẫn đến vốn đầu tư công thực hiện tăng 14-15% svck và vốn đầu tư công giải ngân tăng 19-20% svck vào năm 2025. VNDIRECT kỳ vọng rằng việc tăng tốc đầu tư công sẽ đóng góp thêm 0,8 điểm % vào tăng trưởng GDP năm 2025.

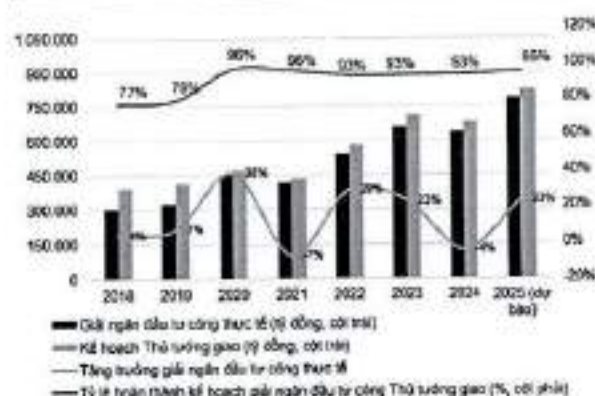
Kế hoạch ngân sách năm 2025 dự kiến chi thường xuyên sẽ tăng 23,8% svck năm 2025 (+300 nghìn tỷ đồng, ~11,8 tỷ USD), do tác động của cải cách tiền lương bắt đầu từ ngày 01/07/2024 và gần 130 nghìn tỷ đồng (~5,1 tỷ USD) được phân bổ cho việc tinh gọn bộ máy (có hỗ trợ chi trả cho công chức bị ảnh hưởng bởi việc tinh gọn). VNDIRECT tin rằng nếu lượng tiền đáng kể này được giải ngân theo đúng kế hoạch sẽ hỗ trợ thanh khoản hệ thống ngân hàng (thông qua tăng tiền gửi) và góp phần kích thích đầu tư và tiêu dùng.

Hình 19: Việt Nam vẫn còn dư địa đáng kể để kích thích tài khóa



Nguồn: BỘ TÀI CHÍNH, VNDIRECT RESEARCH

Hình 20: VNDIRECT kỳ vọng giải ngân đầu tư công tăng trưởng 23% svck trong năm 2025



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Việt Nam đang triển khai chính sách đột phá thu hút FDI vào lĩnh vực công nghệ cao.

VNDIRECT tin rằng các chính sách bảo hộ sắp tới của Trump sẽ không tác động đáng kể đến triển vọng FDI của Việt Nam, do Việt Nam không phải là mục tiêu chính của thuế quan Mỹ. Ngoài ra, trong trung và dài hạn, thu hút FDI của Việt Nam sẽ tiếp tục tích cực nhờ: 1) việc củng cố bộ máy lãnh đạo sẽ đẩy nhanh cải cách và ban hành chính sách hỗ trợ; 2) chính sách đột phá thu hút đầu tư vào lĩnh vực bán dẫn, khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; 3) triển vọng tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ; 4) cơ sở hạ tầng kinh tế được cải thiện nhờ chiến lược đầu tư công “có chọn lọc”; và 5) được hưởng lợi từ việc đa dạng hóa chuỗi cung ứng toàn cầu nhờ vị trí chiến lược gần miền Nam Trung Quốc, nền kinh tế định hướng xuất khẩu, tham gia nhiều FTA và trữ lượng đất hiếm lớn thứ hai thế giới.

Áp lực lạm phát kỳ vọng hạ nhiệt năm 2025

VNDIRECT kỳ vọng lạm phát sẽ hạ nhiệt trong năm tới, với dự báo CPI bình quân đạt 3,2% svck vào năm 2025

VNDIRECT kỳ vọng giá nhóm Lương thực & Thực phẩm sẽ thấp hơn vào năm 2025 (chiếm 33,6% trong rổ CPI tổng thể), nhờ giá lợn hơi tăng chậm hơn và giá gạo thấp hơn. Cụ thể, VNDIRECT kỳ vọng giá lợn hơi bình quân ở mức gần 63.000 VNĐ/kg vào năm 2025, tăng 2% sv mức bình quân năm 2024 (61.500 VNĐ). Mức tăng nhẹ này thấp hơn nhiều sv mức +15% của giá lợn hơi vào năm 2024, và sẽ giúp giảm bớt áp lực lên nhóm Lương thực- thực phẩm trong năm 2025. Ngoài ra, sau mức tăng ~8% vào năm 2024, giá gạo được dự báo sẽ giảm 11% vào năm 2025 và 2% vào năm 2026, do sản lượng toàn cầu đạt mức cao mới trong niên vụ 2024-25 và Ấn Độ nới lỏng các hạn chế xuất khẩu gạo, theo WB. Do đó, giá gạo trong nước dự kiến sẽ giảm trong năm 2025 sau khi ghi nhận mức tăng mạnh gần 20% trong năm nay.

VNDIRECT tin rằng môi trường giá dầu thấp sẽ giúp giảm bớt áp lực lên giá nhóm Giao thông năm 2025 (chiếm 9,7% trong rổ CPI). VNDIRECT tin rằng Tổng thống đắc cử Donald Trump sẽ theo đuổi các chính sách nhằm tăng sản lượng dầu và khí đốt ở Mỹ, điều này phù hợp với triển vọng giá dầu và khí đốt trong năm 2025. VNDIRECT dự báo giá dầu thô Brent bình quân năm 2025 sẽ dao động trong khoảng 70-75 USD/thùng, thấp hơn mức bình quân 80 USD/thùng trong năm 2023 và 2024. Giá dầu giảm sẽ không chỉ giúp giảm CPI nhóm Giao thông mà còn giảm chi phí nhiên liệu cho sản xuất và sinh hoạt hàng ngày.

Việc duy trì mục tiêu kiểm soát lạm phát ở mức 4,5% cho năm 2024, so với mục tiêu 4,0% trước năm 2023, giúp Chính phủ linh hoạt hơn trong các chính sách tài khóa và tiền tệ nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Biến động tỷ giá vẫn là mối lo ngại hàng đầu năm 2025

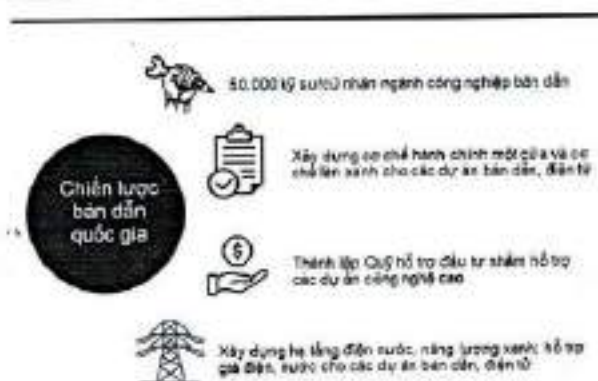
Báo cáo của BofA (Bank of America) dự báo đồng USD sẽ có diễn biến trái chiều trong năm 2025, tăng mạnh trong nửa đầu năm và suy yếu dần về cuối năm.

Quy tắc Taylor chỉ ra Fed có thể cắt giảm lãi suất từ 0,5 đến 0,75 điểm % vào năm 2025, theo CEIC. Như vậy, đồng USD có thể hạ nhiệt trong nửa cuối năm 2025 với việc Fed có khả năng tiếp tục cắt giảm lãi suất từ cuối Q2/25, khi nền kinh tế Mỹ có thêm dấu hiệu chậm lại và lạm phát tiếp tục hạ nhiệt.

Đáng chú ý, chính phủ đã ban hành Nghị định 182/2024/ND-CP cho phép hỗ trợ tới 50% chi phí đầu tư ban đầu cho các công ty có dự án bán dẫn và nghiên cứu trong lĩnh vực AI từ “Quỹ hỗ trợ đầu tư”. Để nhận được hỗ trợ của Chính phủ, dự án trung tâm nghiên cứu của doanh nghiệp phải nằm trong danh mục công nghệ cao được ưu tiên, có vốn đầu tư tối thiểu 3 nghìn tỷ đồng và giải ngân ít nhất 1 nghìn tỷ đồng trong vòng ba năm kể từ ngày quyết định đầu tư. Các dự án đầu tư vào lĩnh vực bán dẫn, AI tại Việt Nam như trường hợp của NVIDIA có thể nhận được ưu đãi đặc biệt. Nghị định 182 có hiệu lực từ ngày 31/12/2024 và chính thức áp dụng từ năm tài chính 2024.

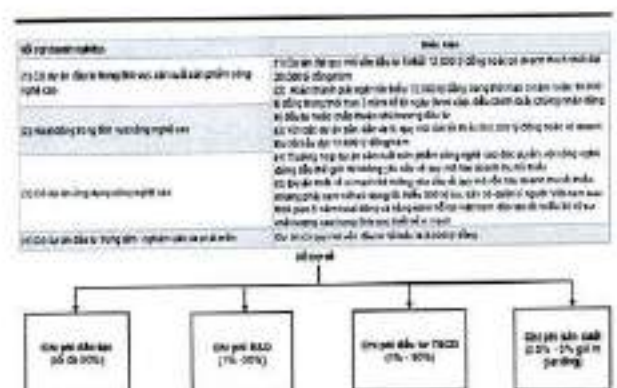
VNDIRECT tin rằng điều này thể hiện sự chuyển dịch về các yếu tố thu hút FDI vào Việt Nam. Các yếu tố cạnh tranh thu hút FDI trước đây như chi phí lao động thấp, chi phí khác thấp (đất, điện, nước) đã suy giảm và không còn đủ sức thu hút các dự án công nghệ cao. Để đạt được bước đột phá về tăng trưởng kinh tế trong hai thập kỷ tới và trở thành quốc gia có thu nhập cao vào năm 2045, Việt Nam cần nâng cao vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu thay vì việc chi gia công, lắp ráp đơn giản. Do đó, Việt Nam đang đẩy mạnh cải cách chính phủ và ban hành các chính sách chưa từng có như Nghị định 182/2024/ND để thu hút FDI vào lĩnh vực bán dẫn, AI và công nghệ cao. VNDIRECT cho rằng đây chỉ là những bước đi ban đầu và kỳ vọng sẽ có thêm nhiều chính sách hỗ trợ FDI công nghệ cao và phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghệ cao trong nước. Việc thành lập “Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới và chuyển đổi số” do Tổng Bí thư Tô Lâm trực tiếp đứng đầu, thể hiện quyết tâm của Việt Nam trong việc giải quyết các vấn đề cấp bách và đẩy nhanh thực hiện định hướng phát triển quan trọng này.

Hình 21: Việt Nam ban hành “Chiến lược phát triển ngành công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”



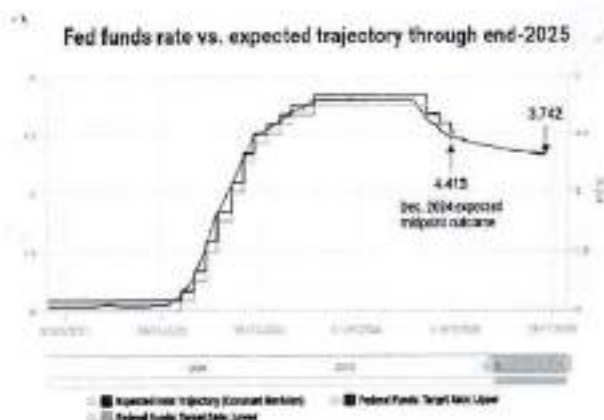
Nguồn: NHNN, VNDIRECT RESEARCH

Hình 22: Việt Nam ra mắt “Quỹ hỗ trợ đầu tư”, hỗ trợ tới 50% chi phí đầu tư ban đầu cho các dự án R&D về chất bán dẫn và AI



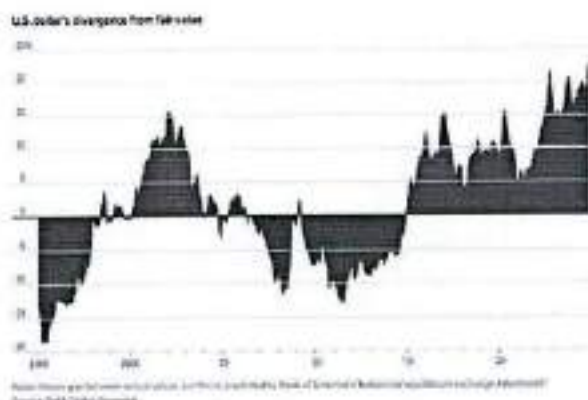
Nguồn: TCTK, NHTM, VNDIRECT RESEARCH

Hình 23: Quy tắc Taylor dự báo Fed có thể cắt giảm lãi suất từ 0,5 đến 0,75 điểm % vào năm 2025, theo CEIC



Nguồn: CEIC

Hình 24: Đồng đô la hiện đang được định giá quá cao, theo nghiên cứu của BofA Global Research



Nguồn: BofA

Tuy nhiên, có nguy cơ lạm phát ở Mỹ gia tăng do các chính sách của Trump. Mặc dù BofA cho rằng sức mạnh đồng USD có thể dần suy yếu trong năm đầu tiên của chính quyền mới, tương tự như những gì đã xảy ra vào năm 2017, nếu các chính sách đề xuất của Trump được thực hiện trong thực tế, lạm phát sẽ gia tăng và Fed rất có thể phải “điều hòa” hơn trong lập trường chính sách tiền tệ của mình.

VNDIRECT cho rằng áp lực tỷ giá duy trì mức cao trong 6T25 do đà tăng tiếp diễn của USD. NHNN có thể thực hiện các biện pháp tương tự như kể từ Q2/24, bao gồm bơm và rút ròng linh hoạt qua kênh OMO để duy trì lãi suất liên ngân hàng ở mức đủ cao nhằm thu hẹp chênh lệch lãi suất giữa USD và VNĐ. Các biện pháp can thiệp mạnh mẽ hơn như tăng lãi suất repo đảo ngược và bán dự trữ ngoại hối cũng có thể được thực hiện nhưng với cách thức thận trọng hơn.

Trong nửa cuối năm 2025, đồng VNĐ có thể mạnh lên khi đồng USD suy yếu, cho phép NHNN tăng cường dự trữ ngoại hối và bơm thêm thanh khoản vào thị trường. Điều này sẽ phụ thuộc vào chính sách thương mại của Mỹ và diễn biến chỉ số DXY. Các yếu tố khác hỗ trợ tỷ giá hối đoái bao gồm dòng vốn FDI mạnh, thặng dư thương mại cao và lượng kiều hối dồi dào.

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG 2025

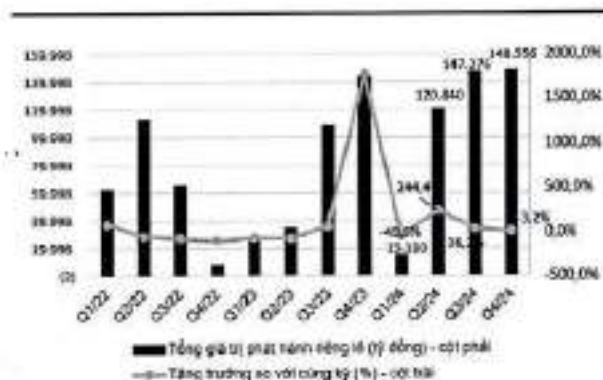
Trái phiếu doanh nghiệp (TPDN): Thị trường tiếp đà phục hồi nhưng vẫn còn không ít thách thức ở phía trước

Hoạt động phát hành TPDN tiếp tục phục hồi nhưng vẫn còn những khó khăn

Hoạt động phát hành TPDN tiếp tục chứng kiến sự phục hồi trong năm 2024 nhờ sự gia tăng phát

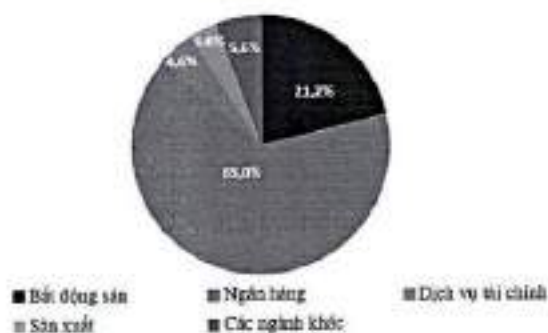
hành của nhóm Ngân hàng. Năm 2024 tổng giá trị phát hành TPDN đạt hơn 466 nghìn tỷ đồng, tăng 34,2% svck, trong đó tổng giá trị TPDN phát hành riêng lẻ đạt hơn 431 nghìn tỷ đồng, tăng 38,1% svck, tổng giá trị TPDN phát hành công chúng đạt 34,9 nghìn tỷ đồng, giảm 0,6% svck

Hình 25: Giá trị phát hành TPDNRL theo quý và tỷ lệ tăng trưởng so với cùng kỳ



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, HNX

Hình 26: Cơ cấu TPDNRL phát hành theo nhóm ngành năm 2024 - thống kê được tổng hợp theo số liệu công bố đến ngày 24/01/2025



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, HNX

Bắt đầu từ Q2/24 và duy trì cho đến hết Q4/24 nhóm ngân hàng liên tục gia tăng phát hành TPDN (phát hành trái phiếu có kỳ hạn dài từ 3 năm – 10 năm) với mục đích tăng tỷ lệ vốn huy động trung và dài hạn nhằm đảm bảo tỷ lệ tối đa vốn huy động ngắn hạn cho vay trung và dài hạn theo quy định của NHNN. Nhóm Ngân hàng đã gia tăng phát hành TPDN và duy trì dẫn đầu về giá trị phát hành. Tính chung cả năm 2024 tổng giá trị TPDNRL nhóm Ngân hàng phát hành đạt hơn 280 nghìn tỷ đồng, tăng 63,3% svck và chiếm 65% tổng giá trị TPDNRL phát hành năm 2024. Xếp thứ 2 là nhóm Bất động sản, với tổng giá trị TPDNRL phát hành đạt gần 91,5 tỷ đồng, giảm 2,8% svck và chiếm 21,2% tổng giá trị TPDNRL phát hành năm 2024. Xếp thứ 3 là nhóm Dịch vụ tài chính, với tổng giá trị TPDNRL phát hành đạt hơn 19,7 nghìn tỷ đồng, tăng 120,9% svck và chiếm 4,6% tổng giá trị TPDNRL phát hành năm 2024. Nếu loại trừ nhóm Ngân hàng, tổng giá trị TPDNRL phát hành năm 2024 đạt hơn 155 nghìn tỷ đồng, tăng 10,1% svck.

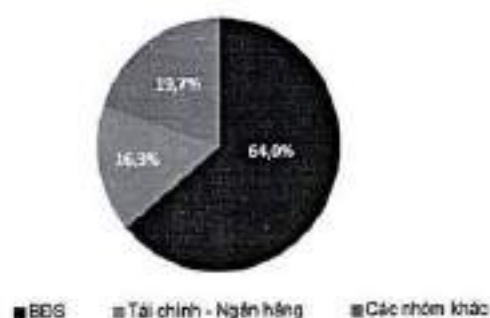
Một điểm trừ trong năm 2024 là danh sách các công ty chậm thanh toán nợ TPDN vẫn tiếp tục dài thêm. Năm 2024 vẫn là năm có lượng TPDN đáo hạn lớn với tổng giá trị TPDNRL đáo hạn là khoảng gần 190 nghìn tỷ đồng, giảm 11,5% so với tổng giá trị đáo hạn trong năm 2023 (số liệu của VNDIRECT đã loại trừ lượng TPDN được mua lại trước hạn và lượng TPDN được gia hạn kỳ hạn). Trong bối cảnh hoạt động SXKD của nhiều doanh nghiệp vẫn còn khó khăn, nhiều DN vẫn gặp khó về dòng tiền và hạn chế khả năng tiếp cận nguồn vốn, do đó danh sách các TCPH chậm thanh toán các nghĩa vụ nợ TPDN vẫn tiếp tục tăng lên trong năm 2024. Theo số liệu tổng hợp của VNDIRECT, tính đến cuối năm 2024, có khoảng gần 90 DN nằm trong danh sách chậm

nghĩa vụ thanh toán lãi hoặc nợ gốc TPDN. VNDIRECT ước tính, tổng dư nợ TPDN của các DN này là khoảng hơn 190 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 15,6% dư nợ TPDN toàn thị trường. Phần lớn trong số các TCPH này là các doanh nghiệp thuộc nhóm BĐS.

Áp lực TPDN đáo hạn năm 2025 còn lớn đặc biệt là của nhóm BĐS

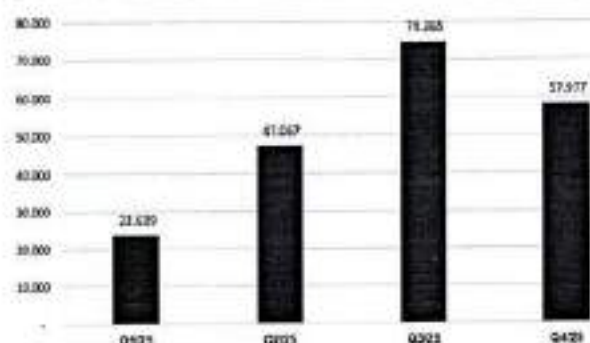
Theo ước tính của VNDIRECT, tổng giá trị TPDNRL đáo hạn năm 2025 là khoảng 203 nghìn tỷ đồng tăng 8,5% svek (số liệu đã loại trừ các TPDN được mua lại trước hạn và các TPDN được gia hạn kỳ hạn theo công bố đến hết ngày 24/01/2025). Trong đó có hơn 62 nghìn tỷ đồng là giá trị các trái phiếu đã được gia hạn thêm kỳ hạn sẽ đến hạn, chiếm 30,6% tổng giá trị TPDNRL đáo hạn năm 2025. Áp lực TPDNRL đáo hạn năm 2025 sẽ rơi vào 2 quý cuối năm khi tổng giá trị TPDNRL đáo hạn của 2 quý này chiếm hơn 65% tổng giá trị đáo hạn năm 2025. Nhóm BĐS sẽ là nhóm có giá trị TPDNRL đáo hạn lớn nhất năm 2025 với tổng giá trị đáo hạn là hơn 130 nghìn tỷ đồng, chiếm 64% tổng giá trị TPDNRL đáo hạn năm 2025. 43,4% trong số này tương đương 56 nghìn tỷ đồng là giá trị các TPDNRL đã gia hạn kỳ hạn sẽ đến hạn. Đứng thứ hai là nhóm Tài chính – Ngân hàng với tổng giá trị TPDNRL đáo hạn là hơn 33 nghìn tỷ đồng, chiếm 16,3% tổng giá trị đáo hạn năm 2025. Nếu so với giá trị đáo hạn trong năm 2024, giá trị TPDNRL đáo hạn của nhóm BĐS tăng mạnh với mức tăng 113%. Trong bối cảnh thị trường BĐS vẫn còn trầm lắng, việc tháo gỡ pháp lý cho các dự án vẫn còn chậm so với kỳ vọng, khó khăn đối với hoạt động kinh doanh các doanh nghiệp BĐS sẽ vẫn còn tiếp diễn. Do đó, VNDIRECT cho rằng áp lực đối với dòng tiền và vấn đề TPDN đáo hạn sẽ vẫn là thách thức lớn đối với nhóm doanh nghiệp BĐS trong năm 2025.

Hình 27: Ước tính cơ cấu TPDN đáo hạn theo ngành năm 2025 (thống kê đã loại trừ các TP được mua lại trước hạn đến ngày 24/01/2025)



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, HNX

Hình 28: Giá trị TPDN đáo hạn theo quý trong năm 2025 (Đơn vị: tỷ đồng) - thống kê đã loại trừ các TP được mua lại trước hạn đến ngày 24/01/2025



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, HNX

Vẫn còn nhiều thách thức để thị trường có thể bứt phá

Sau những nỗ lực tháo gỡ khó khăn cho thị trường của các cơ quan quản lý, thị trường TPDN đã chứng kiến sự phục hồi dần trong năm 2023 và 2024. Tuy nhiên hiện vẫn còn nhiều thách thức để thị trường có thể bứt phá trong năm 2025. Thách thức đầu tiên có thể thấy đó là niềm tin của nhà đầu tư đối với thị trường TPDN vẫn còn yếu. Mặc dù các cơ quan chức năng đã xử lý nhiều trường hợp sai phạm xảy ra trên thị trường TPDN trong thời gian qua, tuy nhiên rủi ro TPDNRL trễ hạn thanh toán vẫn còn đáng kể đặc biệt là ở nhóm BĐS. Vì vậy sẽ cần thêm thời gian để tiếp tục củng cố niềm tin của thị trường và nhà đầu tư.

Thứ 2 việc tiếp tục thắt chặt hơn các điều kiện phát hành TPDNRL cho nhà đầu tư chuyên nghiệp là cá nhân có thể sẽ làm hạn chế lượng TPDNRL được phát hành trong thời gian tới. Cụ thể, theo những quy định mới trong luật chứng khoán sửa đổi (Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi) yêu cầu Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân chỉ được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng đối với TPDNRL thuộc một trong hai trường hợp sau đây:

- 1) Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ có xếp hạng tín nhiệm và có tài sản bảo đảm đối với trái phiếu đó.
- 2) Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ có xếp hạng tín nhiệm và có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng đối với trái phiếu đó.

Trong khi Nghị định 65/2022/NĐ-CP chỉ quy định trường hợp phát hành TPDNRL cho nhà đầu tư cá nhân chuyên nghiệp thì Tổ chức phát hành hoặc trái phiếu đăng ký chào bán phải được xếp hạng tín nhiệm khi:

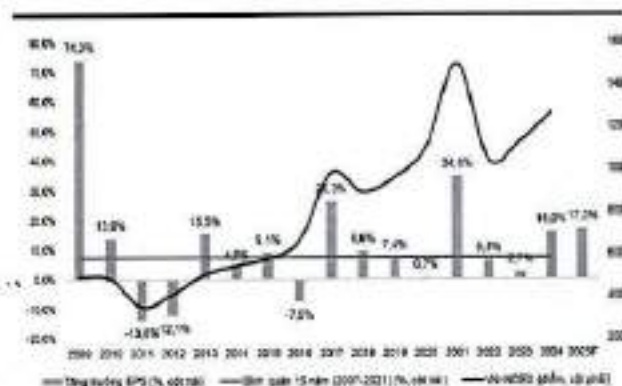
- a) Tổng giá trị trái phiếu theo mệnh giá huy động trong mỗi 12 tháng lớn hơn 500 tỷ đồng và lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất trong các báo cáo sau: báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (trường hợp tổ chức phát hành là đối tượng phải công bố báo cáo tài chính bán niên được soát xét) bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; hoặc
- b) Tổng dư nợ trái phiếu theo mệnh giá tính đến thời điểm đăng ký chào bán lớn hơn 100% vốn chủ sở hữu căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất trong các báo cáo sau: báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (trường hợp tổ chức phát hành là đối tượng phải công bố báo cáo tài chính bán niên được soát xét) bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

Như vậy so với quy định trong Nghị định 65/2022/NĐ-CP và Nghị định số 153/2020/NĐ-CP quy định phát hành TPDNRL cho nhà đầu tư cá nhân chuyên nghiệp tiếp tục có sự thắt chặt hơn đó là TPDNRL phát hành cho nhà đầu tư chuyên nghiệp là cá nhân bắt buộc phải có xếp hạng tín nhiệm

và bắt buộc phải có tài sản đảm bảo cho trái phiếu hoặc trái phiếu phải được bảo lãnh thanh toán của ngân hàng.

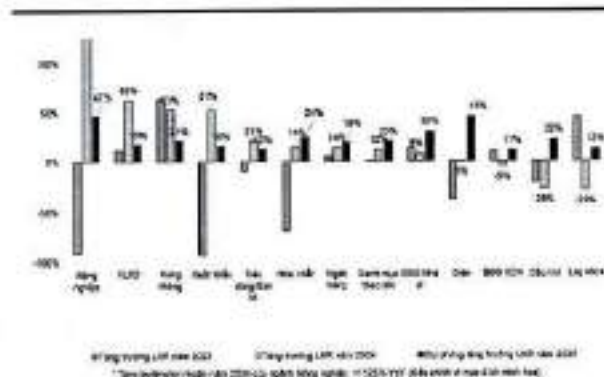
Thị trường cổ phiếu: Chuyển mình mạnh mẽ

Hình 29: Dã tăng trưởng lợi nhuận tích cực sẽ kéo dài sang năm 2025



Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 30: Dự phóng tăng trưởng lợi nhuận theo ngành trong năm 2024 - 2025



Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

VNDIRECT đánh giá diễn biến thị trường năm 2025 sẽ chịu tác động từ những xu hướng chính sau: (1) Triển vọng thu nhập mạnh mẽ khi nền kinh tế Việt Nam bước vào chu kỳ tăng trưởng mới, (2) Định giá thị trường cổ phiếu duy trì hấp dẫn so với mặt bằng lãi suất tiết kiệm và các thị trường đồng cấp trong khu vực, (3) Địa chính trị toàn cầu, đặc biệt là chính sách thương mại của Mỹ sẽ tạo ra những bất ổn đáng kể xung quanh dòng vốn đầu tư quốc tế, (4) Mục tiêu nâng hạng lên “thị trường mới nổi thứ cấp” của FTSE đang trong tầm tay và có khả năng đạt được trong năm 2025.

Lợi nhuận doanh nghiệp niêm yết duy trì mức tăng trưởng cao trong năm 2025

Dựa trên dã phục hồi của năm 2024 (với tăng trưởng lợi nhuận trên HOSE đạt khoảng 16%), VNDIRECT dự báo lợi nhuận của các công ty niêm yết trên HOSE sẽ tăng trưởng 17% svck vào năm 2025, được hỗ trợ bởi: 1) Cam kết mạnh mẽ của chính phủ Việt Nam trong việc thúc đẩy đầu tư công nhằm hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 đầy tham vọng là trên 7,5%; 2) NHNN đặt ra mục tiêu tăng trưởng tín dụng cao cho năm 2025 là 16%, điều này đảm bảo cung ứng đủ vốn cho nền kinh tế, doanh nghiệp duy trì tăng trưởng cao và củng cố triển vọng lợi nhuận cho các tổ chức tín dụng; 3) Việc thực hiện mục tiêu nâng hạng lên “thị trường mới nổi thứ cấp” của FTSE sẽ cải thiện thanh khoản thị trường và thu hút dòng vốn từ các nhà đầu tư tổ chức cũng như cá nhân đổ vào thị trường, từ đó thúc đẩy lợi nhuận trong lĩnh vực dịch vụ tài chính.

Ngành Ngân hàng và Bất động sản được dự báo sẽ tiếp tục là động lực chính thúc đẩy lợi nhuận thị trường trong năm 2025, đóng góp lần lượt 58,5% và 10,7% vào tổng lợi nhuận. Với mục tiêu

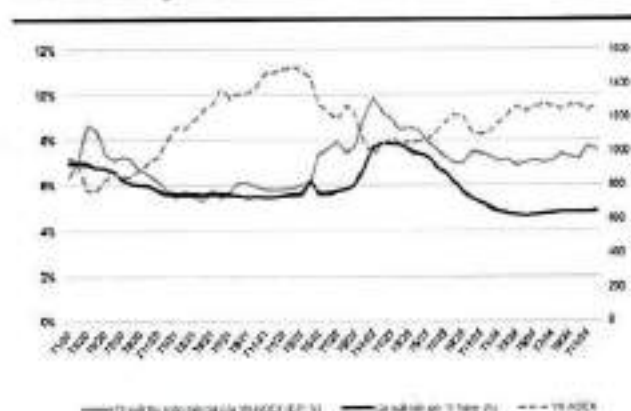
tăng trưởng tín dụng được đặt ở mức cao trong năm 2025, ngành Ngân hàng dự kiến sẽ đạt mức tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ 19%, củng cố vị thế dẫn đầu trên thị trường.

Trong khi đó, các ngành như Nông nghiệp, Vật liệu xây dựng, Hàng không và Xuất khẩu, vốn đã tăng trưởng mạnh trong năm 2024, được dự báo sẽ chậm lại trong năm 2025. Ngược lại, Bất động sản và Điện được kỳ vọng sẽ bùng nổ với tốc độ tăng trưởng cao, nhờ các yếu tố hỗ trợ và những điều kiện thuận lợi hơn trong năm 2025.

Định giá thị trường đang tương đối hấp dẫn

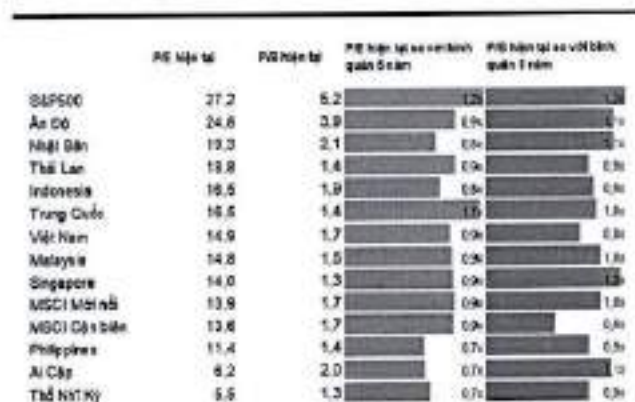
Tại thời điểm cuối năm 2024, P/E trượt 12 tháng của VN-Index ở mức 13,3 lần, chiết khấu 8,2% so với trung bình 5 năm. VNDIRECT dự phóng P/E năm 2025 ở mức 11,6 lần dựa vào giả định lợi nhuận các doanh nghiệp niêm yết tăng trưởng 17% trong năm 2025. Nếu xét theo định giá P/B, định giá VN-Index hiện tại khá hấp dẫn khi giao dịch ở mức 1,7 lần giá trị sổ sách, chiết khấu 17,6% so với mức trung bình 5 năm.

Hình 31: Khoảng chênh lệch hiện tại giữa E/P (thu nhập/giá) và lãi suất tiết kiệm đang ở mức cao so với lịch sử



Nguồn: Các NHTM, VNDIRECT RESEARCH

Hình 32: Định giá VN-Index đang ở mức hợp lý so với các thị trường khác (Dữ liệu ngày 27/12/2024)



Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Lợi suất trái phiếu chính phủ (TPCP) kỳ hạn 10 năm thường có mối quan hệ nghịch với hệ số P/E. Trong ngắn hạn, lợi suất TPCP có thể tiếp tục tăng nhẹ do lo ngại về tỷ giá hối đoái và dòng vốn ngoại. Cụ thể, tỷ giá USD/VND vẫn đang chịu áp lực dai dẳng khi chỉ số DXY vượt mốc 109 – mức cao nhất trong hai năm. Tuy nhiên, VNDIRECT cho rằng thị trường đã phản ánh phần lớn các rủi ro liên quan đến tỷ giá hối đoái. Trong nửa sau năm 2025, VNDIRECT kỳ vọng áp lực tỷ giá có thể hạ nhiệt, nhường chỗ cho tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp và nâng hạng thị trường trở thành những yếu tố chính chi phối xu hướng thị trường.

Đồng thời, định giá thị trường trở nên hấp dẫn hơn khi so sánh tương quan với mặt bằng lãi suất huy động. Khoảng chênh lệch hiện tại giữa E/P (thu nhập/giá) và lãi suất tiết kiệm đang ở mức cao

so với lịch sử, cho thấy sự hấp dẫn của kênh chứng khoán so với lãi suất tiết kiệm. E/P của VN-Index đạt 7,6% (ngày 27/12/2024), trong khi lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng mức 4,9%/năm vào thời điểm cuối năm 2024.

Giá định tăng trưởng EPS 17% trong năm 2025, VNDIRECT dự báo P/E dự phóng của VN-Index năm 2025 sẽ vào khoảng 11,6 lần, nằm trong phạm vi định giá thấp trong lịch sử. VNDIRECT cho rằng, nếu không có rủi ro hệ thống, hệ số P/E của thị trường sẽ tiếp tục dao động trong phạm vi bình thường từ 12,1 đến 15,2 lần và nếu có hỗ trợ đủ mạnh, định giá của thị trường có thể được định giá cao hơn đáng kể so với mức P/E trượt 12 tháng tại thời điểm cuối năm 2024 là 13,3 lần.

Hiện thực hóa mục tiêu nâng hạng lên thị trường mới nổi đang trong tầm tay

Thông tư 68/2024/TT-BTC, được Bộ Tài chính ban hành và có hiệu lực từ ngày 2/11/2024, đã thiết lập khung pháp lý để các công ty chứng khoán phát triển sản phẩm và dịch vụ nhằm đáp ứng các tiêu chí nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam của cả FTSE và MSCI. Với việc đáp ứng hai tiêu chí còn lại của FTSE Russell, bao gồm Tiêu chí Pre-Funding và tiêu chí chi phí liên quan đến giao dịch thất bại, VNDIRECT kỳ vọng FTSE Russell sẽ chính thức công bố nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam lên Thị trường mới nổi hạng hai trong kỳ đánh giá định kỳ vào T9/25 của tổ chức này.

Với cam kết mạnh mẽ trong việc đạt được mục tiêu nâng hạng thị trường chứng khoán và xây dựng một thị trường vốn phát triển bền vững, VNDIRECT tin rằng các cơ quan quản lý nhà nước sẽ tiếp tục xây dựng các cơ chế để đáp ứng các tiêu chí nâng hạng còn lại của MSCI. VNDIRECT kỳ vọng các tiêu chí nâng hạng còn lại của MSCI sẽ được đáp ứng vào năm 2026, và thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ chính thức được MSCI nâng hạng lên thị trường mới nổi trong kỳ đánh giá thường niên của tổ chức này vào T6/27.

Dự báo năm 2025: Sự bất định lớn do các sự kiện bên ngoài tác động

Mặc dù tự tin vào tăng trưởng kinh tế nội địa và dự báo lợi nhuận thị trường, VNDIRECT cho rằng hiệu suất thị trường vẫn phần nào bị chi phối bởi các yếu tố bên ngoài khó dự báo. VNDIRECT tin rằng khả năng cao Việt Nam sẽ được FTSE công bố nâng hạng trong năm 2025, nhưng các yếu tố bất định đến từ chính sách của ông Trump và lo ngại về tỷ giá vẫn còn hiện hữu (những điều đã gây áp lực lớn lên VN-Index trong quý 4/2024).

	Kịch bản tích cực	Kịch bản tiêu cực
Tăng trưởng lợi nhuận	Tăng trưởng EPS 17%	Tăng trưởng EPS 17%
Donald Trump	Đạt thỏa thuận với Trung Quốc, Canada và Mexico để giảm thuế. Không áp thuế lên Việt Nam.	Thuế đối với Trung Quốc, Canada và Mexico duy trì trong năm 2025. Áp thuế chọn lọc với hàng chuyển tải qua Việt Nam.
Fed	Hai lần giảm lãi suất 25 điểm cơ bản trong 2025.	Không cắt giảm lãi suất trong 2025.
Sức mạnh USD	Chỉ số DXY giảm dưới 102, Tỷ giá USD/VND ổn định.	Chỉ số DXY tăng trên 110. SBV phải thực hiện các hành động phòng vệ để bảo vệ đồng VND hoặc chấp nhận phá giá.
FTSE	Công bố Việt Nam được nâng hạng trong tháng 9.	Không có thông báo về việc nâng hạng.
Chỉ số P/E khi đóng cửa 2025	15x	12x
Dự báo VN-Index 2025	Đóng cửa tại 1.670 (thị trường tăng 32%)	Đóng cửa tại 1.340 (thị trường tăng 6%)

4.4.2. Định hướng chiến lược hoạt động kinh doanh năm 2025

Năm 2025 dự báo là một năm biến động của Kinh tế, Chính trị thế giới với những thách thức đến từ các xung đột địa chính trị, rủi ro kinh tế đến từ chiến tranh thương mại dẫn đến nền tảng vĩ mô bất ổn của các nền kinh tế trên thế giới. Trong khi đó, Việt Nam có 1 năm bản lề quan trọng với rất nhiều chuyển dịch từ cải cách thể chế, bộ máy Nhà nước cũng như các kế hoạch thúc đẩy tăng trưởng kinh tế để chuẩn bị cho một chu kỳ mới.

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025 mặc dù phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt nhưng cũng hứa hẹn rất nhiều tiềm năng cùng với sự phát triển của nền kinh tế trong chu kỳ mới. VNDIRECT tiếp tục hai định hướng chiến lược chính: Dịch vụ chứng khoán và Dịch vụ thị trường vốn. Trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam đang đứng trước cơ hội lớn để chuyển mình, VNDIRECT sẽ tận dụng lợi thế công nghệ để phát triển các khách hàng có nhu cầu giao dịch chủ động và tiếp cận đội ngũ chuyên gia tư vấn thông qua nền tảng số hóa và các gói sản phẩm dịch vụ, hướng đến mục tiêu tăng trưởng tài sản bền vững.

Song song với đó, VNDIRECT mở rộng dịch vụ đầu tư nguồn vốn và ngân hàng đầu tư, đã xây dựng được lợi thế cạnh tranh trong những năm gần đây. Công ty tiếp tục tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn qua các giao dịch trên thị trường tiền tệ, trái phiếu, và cổ phiếu. VNDIRECT tập trung lựa chọn tổ chức phát hành có định mức tín nhiệm cao, đồng thời xây dựng năng lực tư vấn phát hành trên thị trường vốn (ECM), tăng cường khả năng tiếp cận, kết nối dòng vốn quốc tế với các doanh nghiệp Việt Nam.

VNDIRECT kiên định với định hướng xuyên suốt trong chiến lược trở thành một hệ sinh thái đầu tư đầy đủ và toàn diện cho các khách hàng tham gia thị trường. Trong năm 2025, công ty sẽ tập trung đồng thời vào việc phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh trên từng phân khúc khách hàng.

Khách hàng cá nhân – Tăng cường số hóa và cá nhân hóa trải nghiệm đầu tư

- **Dịch vụ giao dịch chứng khoán:** VNDIRECT đẩy mạnh nâng cấp nền tảng giao dịch số (web/mobile), ứng dụng AI và dữ liệu lớn để cá nhân hóa trải nghiệm và tối ưu hiệu quả đầu tư. Từng bước triển khai các gói dịch vụ phân tầng theo nhu cầu khách hàng.
- **Tư vấn đầu tư & Quản lý tài sản:** Tập trung phát triển công cụ đánh giá sức khỏe tài chính cá nhân, tư vấn lộ trình đầu tư dài hạn theo con đường đầu tư và tích sản bền vững (Dgo). Mở rộng các sản phẩm đầu tư định kỳ, quỹ mở và danh mục mẫu. Số hóa quy trình tư vấn kết hợp công nghệ và đội ngũ chuyên gia.

Khách hàng doanh nghiệp – Cung cấp giải pháp tài chính toàn diện

- **Ngân hàng đầu tư (IB):** Tiếp tục đồng hành cùng các doanh nghiệp đầu ngành trong các thương vụ tư vấn phát hành chứng khoán (tư vấn IPO, phát hành cổ phiếu, trái phiếu). Mở rộng năng lực tư vấn, tái cấu trúc doanh nghiệp để giúp các doanh nghiệp Việt Nam có một nền móng về quản trị vận hành, nền móng về tài chính vững chắc hơn trong chu kỳ phía trước.
- Mở rộng các giải pháp quản lý tài chính như Quản lý dòng tiền, giải pháp về gói dịch vụ cổ đông (IR) và các dịch vụ tài chính khác cho doanh nghiệp và cổ đông lớn.

Khách hàng tổ chức – Mở rộng kết nối và nâng cao tiêu chuẩn dịch vụ

- **Kết nối thị trường nước ngoài:** Đầu tư hạ tầng DMA cũng như các nền tảng nhằm phục vụ nhà đầu tư tổ chức quốc tế, chuẩn bị đón đầu một xu thế mới về dòng vốn vào thị trường chứng khoán Việt Nam khi thị trường đạt đủ các điều kiện về nâng hạng.
- **Hoàn thiện các sản phẩm phân tích và các dịch vụ tiếp cận thị trường/ tiếp cận doanh nghiệp:** Nâng cao chất lượng phân tích chuyên sâu và tổ chức các hoạt động kết nối doanh

nghiệp – nhà đầu tư (roadshow, hội thảo), giúp nhà đầu tư tổ chức tiếp cận thông tin hiệu quả.

Nền tảng hỗ trợ – Phát triển công nghệ và năng lực đội ngũ

VNDIRECT tiếp tục đầu tư vào hệ sinh thái công nghệ tài chính tích hợp, nâng cao năng lực nhân sự theo hướng số hóa – sáng tạo – phụng sự. Mô hình tổ chức được xây dựng theo triết lý linh hoạt, minh bạch và hướng đến phát triển bền vững.

4.5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

VNDIRECT đã thực hiện nhiều biện pháp thiết thực hướng tới phát triển bền vững, vừa bảo vệ môi trường vừa nâng cao nhận thức cán bộ nhân viên (CBNV). Công ty tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về môi trường, tăng cường hệ cây xanh tại văn phòng để tạo không khí trong lành, giảm tiêu thụ năng lượng và phát thải.

Công ty triển khai các biện pháp cụ thể nhằm giảm thiểu tiêu thụ nước và phát thải ra môi trường. Tại các khu vực văn phòng, công ty lắp đặt bảng nhắc nhở CBNV sử dụng nước tiết kiệm và hạn chế lãng phí. Các chất tẩy rửa như dung dịch rửa tay, chén bát được thay thế bằng sản phẩm sinh học từ thảo mộc tự nhiên, giúp giảm thiểu hóa chất xả thải ra môi trường và bảo vệ nguồn nước. Ngoài ra, VNDIRECT khuyến khích CBNV hạn chế sử dụng chai nhựa, thay bằng bình nước cá nhân trong các sự kiện nội bộ. Những biện pháp này không chỉ góp phần giảm lượng phát thải mà còn nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên và môi trường trong toàn thể nhân viên và cộng đồng. Chương trình 5S được triển khai định kỳ, tối ưu hóa sử dụng tài nguyên và tạo thói quen tốt trong quản lý môi trường. Những nỗ lực này thể hiện trách nhiệm của VNDIRECT trong bảo vệ tài nguyên, giảm phát thải và củng cố niềm tin của nhà đầu tư vào giá trị phát triển bền vững.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Ban Tổng Giám đốc VNDIRECT đánh giá cao vai trò của người lao động trong việc hiện thực hóa tầm nhìn và sứ mệnh của công ty. Năm 2024, VNDIRECT đã triển khai nhiều chính sách nhân sự toàn diện, từ tuyển dụng, đào tạo, phát triển sự nghiệp đến cải tiến quản trị và chế độ đãi ngộ, nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, gắn bó và có tinh thần làm chủ. Công ty chú trọng đào tạo chuyên môn, văn hóa làm việc, luân chuyển vị trí để nhân viên khám phá tiềm năng, đồng thời tổ chức các chương trình phúc lợi, chăm sóc sức khỏe, và các hoạt động gắn kết nhằm nâng cao tinh thần đồng đội. Với triết lý "Lấy con người làm trung tâm – people centric", VNDIRECT tạo môi trường làm việc hấp dẫn, thúc đẩy sự sáng tạo và trách nhiệm, giúp mỗi cá nhân phát triển toàn diện, góp phần vào sự thành công chung của tổ chức.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

VNDIRECT luôn chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước, với mức đóng góp tăng trưởng đều qua các năm. VNDIRECT đứng thứ 36 trong bảng xếp hạng Top 100 doanh nghiệp tư nhân nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam và Top 4 công ty chứng khoán tư nhân nộp ngân sách lớn nhất, khẳng định vai trò tích cực trong việc đóng góp vào sự phát triển kinh tế quốc gia song song với tầm nhìn và chiến lược phát triển bền vững.

V. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

5.1. Đánh giá Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2024, Công ty đã tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc về hoạt động quản trị Công ty áp dụng cho công ty đại chúng cũng như công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

VNDIRECT đã chuyển dịch từ mô hình công ty chứng khoán cung cấp nền tảng giao dịch chứng khoán và sản phẩm margin, sang mô hình định chế tài chính trung gian, cung cấp các giải pháp dịch vụ đầu tư vốn và giải pháp đầu tư giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư cá nhân, và giải pháp phát hành vốn và niêm yết trên thị trường chứng khoán với khách hàng doanh nghiệp, trở thành cầu nối khơi thông nhu cầu phát hành vốn và nhu cầu đầu tư. Bên cạnh đó, VNDIRECT đã nhận diện được những yếu tố thiếu bền vững trong mô hình kinh doanh ngắn hạn luôn biến thiên theo thị trường giao dịch chứng khoán, qua đó luôn thận trọng giữ điều kiện thanh khoản để ứng phó với các tiềm ẩn bất ngờ, đồng thời đối diện với sự thay đổi nhân sự trong quá trình chuyển dịch mô hình quản trị kinh doanh, tập thể VNDIRECT đã xây dựng được văn hóa làm việc theo tinh thần làm chủ tập thể và tự chịu trách nhiệm theo đúng vai trò và vị trí của mình.

Hội đồng Quản trị đánh giá cao vai trò của phát triển bền vững trong chiến lược dài hạn của Công ty và luôn chỉ đạo Ban Điều hành tích hợp các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG) vào hoạt động kinh doanh. Trong năm 2024, Công ty đã chủ động triển khai các sáng kiến nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường như tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng, số hóa quy trình làm việc, giảm thiểu sử dụng giấy tờ, đồng thời thúc đẩy các hành vi tiêu dùng và vận hành có trách nhiệm trong nội bộ. Về trách nhiệm xã hội, Hội đồng Quản trị đánh giá cao việc VNDIRECT tiếp tục duy trì và mở rộng các chương trình giáo dục tài chính, nâng cao kiến thức đầu tư cho nhà đầu tư cá nhân. Nội bộ Công ty duy trì môi trường làm việc công bằng, khuyến khích sự đa dạng, hòa nhập và tạo điều kiện phát triển cho thế hệ lãnh đạo trẻ. Tất cả những hành động này đều hướng đến mục tiêu phát triển bền vững lâu dài, hài hòa giữa lợi ích kinh tế, môi trường và xã hội.

5.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động bám sát Tầm nhìn – Sứ mệnh của Công ty đồng thời ứng biến linh hoạt với diễn biến của thị trường và chính sách quản lý. Ban Tổng giám đốc cũng thường xuyên báo cáo trao đổi với HĐQT về tình hình chiến lược, phương hướng hành động và thực hiện tốt các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Kết thúc năm 2024, VNDIRECT cũng đã ghi nhận được những đóng góp đáng kể về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như:

- Quản lý chặt chẽ và hạn chế rủi ro đối với giao dịch ký quỹ, xây dựng và triển khai các mô hình định lượng rủi ro để quyết định mức cho vay phù hợp, cân bằng rủi ro và lợi ích.
- Đưa hệ thống quản trị nhiệm vụ iLead đi vào hoạt động trong quy mô VNDIRECT và toàn tập đoàn, giúp toàn bộ đội ngũ có công cụ tổ chức nhiệm vụ và giám sát quá trình thực thi để phối hợp và cộng tác với nhau nhằm đạt được kết quả mục tiêu chung của tổ chức.
- Phát triển thành công hệ thống giao dịch trái phiếu riêng lẻ kết nối tới HNX, tiếp tục đảm bảo tiến độ kiểm thử KRX với HOSE, xây dựng và triển khai thành công hệ thống Order Routing cho phái sinh, hoàn thành hệ thống quản lý hợp đồng/ký điện tử mới, xây dựng nền tảng Open API mới sẵn sàng cho bán chéo sản phẩm tài chính, thanh toán.
- VNDIRECT dẫn làm chủ công nghệ AI/ML với nhiều giải pháp được triển khai thành công như eKYC, xếp hạng cổ phiếu bằng AI, các công nghệ xử lý, phân loại dữ liệu bằng AI.

5.3. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Hướng tới năm 2024, VNDIRECT với mục tiêu kiện toàn năng lực tổ chức theo 02 mảng dịch vụ trọng tâm: (1) Dịch vụ thị trường vốn và quản lý tài sản đầu tư và (2) Dịch vụ giao dịch chứng khoán. Mặc dù môi trường kinh doanh vẫn đang tiềm ẩn những rủi ro và khó khăn, song vẫn luôn có những cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp. Để có thể phát huy tiềm lực và nắm bắt cơ hội, Công ty tập trung thu hút nhân sự cao cấp, và môi trường tái đào tạo và gắn kết lại đội ngũ nhân sự hiện có để có thể đáp ứng điều kiện kinh doanh mới sẽ trở thành nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Ban lãnh đạo công ty.

Tiếp nối truyền thống luôn sẵn sàng đón nhận thách thức, dẫn thân và học hỏi để phát triển được sự nghiệp, VNDIRECTORS không ngừng học hỏi nâng cao kiến thức và kinh nghiệm qua đó đưa VNDIRECT hướng tới vị thế là một định chế tài chính trung gian, có năng lực kinh doanh toàn diện trên thị trường tài chính – thị trường vốn – và thị trường giao dịch chứng khoán, có uy tín và bề dày hoạt động cùng với sự phát triển của thị trường tài chính Quốc tế và Việt Nam. Trí tuệ tập thể, đòn bẩy của sự làm chủ quá trình chuyển đổi số, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo, đòn bẩy của chuỗi giá trị cộng sinh chính là nền tảng cho mỗi VNDIRECTORS tạo ra giá trị và tạo được sức mạnh của tập thể để chinh phục các mục tiêu kinh doanh lớn hơn.

VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY

6.1. Hội đồng quản trị

6.1.1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập		Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (%)		Số lượng chức danh quản lý TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Đại diện	Cá nhân	
1	Bà: Phạm Minh Hương	Chủ tịch HĐQT	18/09/2023 ⁷		0	2,95%	5
2	Ông: Nguyễn Vũ Long	Thành viên HĐQT	18/09/2023 ⁸		0	0,00002%	1
3	Ông: Vũ Hiền	Phó chủ tịch thường trực HĐQT	25/4/2022 ⁹		0	0,00004%	4
4	Ông: Mai Hữu Đạt	Phó Chủ tịch HĐQT	25/04/2022		0	0	4
5	Ông: Vũ Việt Anh	Thành viên độc lập HĐQT	25/04/2022		0	0	1

6.1.2. Các tiểu ban thuộc HĐQT

Ban Kiểm toán nội bộ: Ban kiểm toán nội bộ trong năm 2024 đã thực hiện tốt các nhiệm vụ và hoàn thành mục tiêu của Ban kiểm toán nội bộ đúng theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ, Điều lệ công ty và theo quy định của pháp luật, bao gồm: Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của ĐHCĐ, HĐQT; Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này; Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ của công ty; Tham mưu nhằm hoàn thiện các chính sách và quy

⁷ Bà Phạm Minh Hương được bầu lại là Chủ tịch HĐQT của Công ty nhiệm kỳ 2022-2027 vào ngày 25/4/2022, miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT ngày 26/04/2023 để đảm nhiệm chức danh Tổng giám đốc kiêm thành viên HĐQT và được bầu lại chức danh Chủ tịch HĐQT vào ngày 18/09/2023

⁸ Ông Nguyễn Vũ Long được bầu là thành viên HĐQT của Công ty nhiệm kỳ 2022-2027 vào ngày 25/04/2022, được bầu chức danh Chủ tịch HĐQT vào ngày 26/04/2023, thôi giữ chức danh Chủ tịch HĐQT từ ngày 18/09/2023 để đảm nhiệm chức danh Tổng giám đốc kiêm thành viên HĐQT

⁹ Ông Vũ Hiền được bầu làm Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị vào ngày 11/10/2024

trình nội bộ; Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản; Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh; Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh; Đánh giá hiệu quả của các hoạt động; Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng; Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin; Điều tra các vi phạm trong nội bộ công ty chứng khoán; Thực hiện kiểm toán nội bộ công ty; thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế do Hội đồng quản trị ban hành.

Hội đồng Quản trị rủi ro: Tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến Quản trị rủi ro của Công ty; Nghiên cứu, phát triển, ban hành chiến lược và chính sách, quy chế, quy trình quản trị rủi ro trong hoạt động của Công ty; Kiểm tra, đánh giá sự phù hợp hiệu quả và hiệu lực của Bộ phận quản trị rủi ro và của cả hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty. Ban hành các chính sách, hạn mức rủi ro, quy định nguyên tắc, bộ tiêu chí, phân quyền quản lý và phê duyệt rủi ro, các tham số và mô hình quản trị rủi ro; Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết/Quy chế của HĐQT hoặc Quyết định của HĐQT.

Hội đồng nhân sự: Tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến hoạt động quản trị nhân sự của Công ty; Tham mưu cho Chủ tịch HĐQT hoặc HĐQT trong việc ban hành cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Công ty; Phê chuẩn hoặc tham mưu cho Chủ tịch HĐQT trong việc xây dựng, ban hành các quy chế, chính sách nhân sự, cơ chế lương thưởng, chế độ phúc lợi dành cho cán bộ nhân viên của Công ty; Thẩm định hoặc phê chuẩn việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền của HĐQT; Tham gia vào các vấn đề liên quan đến kỷ luật lao động đối với các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền của HĐQT hoặc các cán bộ nhân viên khác của Công ty (khi thấy cần thiết); Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác của Hội đồng nhân sự theo quy định tại Điều lệ và Nghị quyết/Quy chế do HĐQT hoặc Quyết định của Hội đồng quản trị.

Hội đồng đầu tư: Tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư, bảo lãnh phát hành, cho vay đối với các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT được quy định tại Điều lệ; Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các chính sách, quy định liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh nguồn vốn của Công ty; Thay mặt HĐQT phê duyệt các nguyên tắc phân bổ vốn, kinh doanh nguồn vốn của Công ty; Thay mặt HĐQT thẩm định, phê duyệt việc góp vốn hoặc mua bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp của niêm yết/đăng ký giao dịch hoặc chứng khoán đã niêm yết/đăng ký giao dịch nhưng không phải là hoạt động kinh doanh/tư doanh ngắn hạn thông thường. Quyết định, phê duyệt các giao dịch, hoạt động đầu tư không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ hoặc của HĐQT mà chưa được phân quyền cho Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc hoặc Ban Tổng giám đốc thấy cần thiết có ý kiến của các thành viên HĐQT; Thực hiện các các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ và Nghị quyết/Quy chế do HĐQT

hoặc Quyết định của Chủ tịch HĐQT.

6.1.3. Hoạt động của HĐQT

Năm 2024, nền kinh tế thế giới và Việt Nam đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức từ diễn biến phức tạp của các chính sách tiền tệ trong và ngoài nước, cùng những tác động từ các nền kinh tế và thị trường chứng khoán quốc tế. Trong bối cảnh đó, Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty vẫn kiên định với mục tiêu kiến tạo toàn mô hình tổ chức kinh doanh lấy khách hàng làm trung tâm. Công ty đã đặt nền móng số hóa cho toàn bộ hoạt động quản trị kinh doanh và các nghiệp vụ sản phẩm trọng yếu, đồng thời xây dựng các tiền đề quan trọng để mở rộng năng lực kinh doanh. Nền tảng hệ sinh thái sản phẩm – dịch vụ đầu tư tài chính đa dạng của Công ty đã được hoàn thiện nhằm đáp ứng nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty cũng hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và không ngừng kiến tạo toàn hệ thống quản trị nội bộ.

Trong năm 2024, HĐQT Công ty duy trì số lượng 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập. HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường để kịp thời đưa ra các quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền, bao gồm quản trị, tổ chức nhân sự, chiến lược và kế hoạch hoạt động của Công ty. Các quyết định của HĐQT trong năm qua đã phát huy hiệu quả, giúp Công ty vượt qua những biến động phức tạp của thị trường chứng khoán và nền kinh tế. Cụ thể, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp theo quý và các cuộc họp đột xuất bằng nhiều hình thức khác nhau, ban hành tổng cộng 24 nghị quyết/quyết định liên quan đến tổ chức, hoạt động kinh doanh và đầu tư. Trong đó, nổi bật là các quyết định bầu Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT, thông qua kết quả và định hướng kế hoạch kinh doanh, thông qua việc phát hành trái phiếu ra công chúng, thay đổi mục đích sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán, cũng như phê duyệt việc thay đổi vốn điều lệ sau đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”). Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp hiện hành. Biên bản, nghị quyết/quyết định của HĐQT đều được thông qua với sự đồng thuận cao và công bố đầy đủ trong Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2024.

Các cuộc họp của HĐQT

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà: Phạm Minh Hương	24	100%	
2	Ông: Nguyễn Vũ Long	24	100%	
3	Ông: Vũ Hiền	24	100%	
4	Ông: Mai Hữu Đạt	24	100%	
5	Ông: Vũ Việt Anh	24	100%	

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT

Trong năm 2024, Chủ tịch HĐQT của Công ty đã thay mặt HĐQT ban hành các Nghị quyết, Quyết định sau đây trên cơ sở các cuộc họp được tổ chức dưới các hình thức phù hợp với quy định của pháp luật và/hoặc các ủy quyền của HĐQT:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	15/2024/NQ-HĐQT	08/01/2024	Chấp thuận/thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT với người có liên quan trong năm 2024	100%
2	43/2024/NQ-HĐQT	16/01/2024	Về việc góp vốn thành lập Quỹ đầu tư thành viên IPA	100%
3	85/2024/NQ-HĐQT	31/01/2024	Về việc chào bán chứng quyền có bảo đảm trong năm 2024	100%
4	205/2024/NQ-HĐQT	25/03/2024	Về việc thông qua/chấp thuận việc tiếp tục triển khai và hoàn tất các công việc liên quan đến thủ tục chào bán/phát hành cổ phiếu của Công ty	100%
5	262/2024/NQ-HĐQT	29/03/2024	Về việc thông qua kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.	100%
6	458/2024/NQ-HĐQT	17/05/2024	Về việc thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm và nhận cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu.	100%
7	513/2024/NQ-HĐQT	10/06/2024	Về việc sử dụng nguồn vốn để phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2022.	100%
8	529/2024/NQ-HĐQT	17/06/2024	Về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai.	100%
9	599/2024/NQ-HĐQT	05/07/2024	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2024 của công ty.	100%
10	623/2024/NQ-HĐQT	12/07/2024	Thông qua về việc phân phối/chào bán sổ cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua.	100%
11	629/2024/NQ-HĐQT	15/07/2024	Thông qua kết quả việc chào bán cổ phiếu ra công chúng và phát hành cổ	100%

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			phiếu để trả cổ tức	
12	638/2024/NQ-HĐQT	15/07/2024	Về việc thay đổi vốn điều lệ Công ty	100%
13	673/2024/NQ-HĐQT	23/07/2024	Về việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	100%
14	800-3/2024/NQ-HĐQT	12/08/2024	Về việc thay đổi Giám đốc chi nhánh Quảng Ninh của Công ty.	100%
15	805/2024/NQ-HĐQT	13/08/2024	Thông qua thay đổi Giám đốc chi nhánh Cần Thơ của Công ty	100%
16	816/2024/NQ-HĐQT	16/08/2024	Thông qua thay đổi Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng của Công ty	100%
17	841/2024/NQ-HĐQT	28/08/2024	Về việc trả cổ tức năm 2023 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu.	100%
18	911/2024/NQ-HĐQT	25/09/2024	Về việc thông qua kết quả hoạt động kinh doanh 8 tháng đầu năm 2024 và định hướng kinh doanh 2024 – 2025.	100%
19	963/2024/NQ-HĐQT	11/10/2024	Thông qua việc bầu Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị Công ty.	100%
20	990/2024/NQ-HĐQT	23/10/2024	Về việc thay đổi địa điểm Chi nhánh Bình Dương.	100%
21	1018/2024/NQ-HĐQT	01/11/2024	Về việc phát hành chứng quyền có bảo đảm đợt 1 năm 2024.	100%
22	1148/2024/NQ-HĐQT	26/11/2024	Về việc thay đổi tên và địa điểm Phòng giao dịch SALA của Công ty.	100%
23	1226/2024/NQ-HĐQT	20/12/2024	Về việc thay đổi mục đích sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.	100%
24	1239/2024/NQ-HĐQT	25/12/2024	Về việc phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2024 của Công ty.	100%
25	1239-1/2024/NQ-HĐQT	25/12/2024	Về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng.	100%
26	1239-2/2024/NQ-HĐQT	25/12/2024	Thông qua việc giao kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT với	100%

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			người có liên quan trong năm 2025.	
27	1239-3/2024/NQ-HĐQT	25/12/2024	Về việc thành lập Phòng giao dịch Times City của Công ty.	100%
28	1239-4/2024/NQ-HĐQT	25/12/2024	Về việc cập nhật thông tin Chi nhánh Nam Định của Công ty.	100%
29	1239-5/2024/NQ-HĐQT	25/12/2024	Về việc thay đổi địa điểm Chi nhánh Hải Phòng của Công ty.	100%

6.1.4. Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập

Thành viên HĐQT độc lập có năng lực chuyên môn và có nhiều năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực hoạt động chính của VNDIRECT nên đã có những đóng góp quan trọng trong các quyết sách của HĐQT. Trong năm 2024, thành viên HĐQT độc lập đều có ý kiến tham gia đầy đủ vào các quyết định/vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT và có đóng góp quan trọng trong việc tham mưu, thẩm định, ban hành các quyết sách, quy định, chính sách của Công ty cũng như tham gia vào các Hội đồng/Ủy ban theo phân công của HĐQT/Chủ tịch HĐQT để đảm bảo tính minh bạch, kiểm soát được lợi ích của VNDIRECT và của cổ đông.

Trong năm 2024, HĐQT đã hoàn thành tốt việc thiết lập cơ cấu tổ chức quản lý, đưa ra những quyết sách linh hoạt, kịp thời giúp giải quyết được những vấn đề phát sinh trước biến động của thị trường tài chính và đặc biệt là sự thay đổi của chính sách pháp luật. Những quyết sách, chỉ đạo kịp thời của HĐQT đã góp phần nâng cao hiệu quả quản trị hoạt động, kiểm soát rủi ro, hạn chế tổn thất trong hoạt động đầu tư, kinh doanh và góp phần giữ vững năng lực cạnh tranh của VNDIRECT trên thị trường.

HĐQT đã phê duyệt, ban hành kịp thời các quyết định, phê duyệt theo đúng thẩm quyền để điều chỉnh các hoạt động quản trị cũng như kinh doanh của VNDIRECT. Các cuộc họp HĐQT được triệu tập và lấy ý kiến theo đúng quy định tại Điều lệ và các quy định hiện hành của pháp luật.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành cũng được thực hiện thực hiện đầy đủ, kịp thời, đảm bảo hoạt động của Công ty đi đúng định hướng, ổn định và phát triển bền vững.

6.1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Với chính sách tập trung vào nâng cao hoạt động quản trị Công ty nhằm xây dựng và phát triển Công ty ngày càng vững mạnh. Công ty đã khuyến khích các thành viên HĐQT, thành viên điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty. Một số thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc đã được cấp Chứng chỉ/Giấy chứng nhận

đào tạo về quản trị công ty do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SRTC) tổ chức như:

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Bà Phạm Minh Hương	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Vũ Hiền	Thành viên HĐQT
3	Bà Hoàng Thúy Nga	Trưởng Ban Kiểm soát
4	Ông Điều Ngọc Tuấn	Giám đốc quản trị

6.2. Ban Kiểm soát

6.2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ nắm giữ (%)	
					Đại diện	Cá nhân
1	Bà Hoàng Thúy Nga	Trưởng BKS	25/4/2022	Cử nhân ngành Tài chính Ngân hàng	0	0
2	Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên BKS	25/4/2022	Cử nhân ngành Kế toán tổng hợp	0	0
3	Bà Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên BKS	17/06/2023	Cử nhân kiểm toán	0	0

Các cuộc họp của BKS

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Hoàng Thúy Nga	2	100%	100%	
2	Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	2	100%	100%	
3	Bà Nguyễn Ngọc Mai	2	100%	100%	

Ngoài các cuộc họp chính thức, BKS Công ty cũng dành thời gian quan sát, đánh giá các hoạt động khác của Công ty trong năm 2024, đặc biệt là các chiến dịch kinh doanh, chương trình tìm kiếm giải pháp, dự án phát triển của Công ty.

6.2.2. Hoạt động của BKS

Ban kiểm soát (“BKS”) trong năm 2024 đã tiến hành giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh đồng thời đảm bảo Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. HĐQT Công ty đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, Nghị quyết ĐHĐCĐ và Điều lệ của Công ty. Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ nghiêm ngặt chức năng, nhiệm vụ và sự phân cấp từ Hội đồng quản trị, đã tích cực triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT một cách hiệu quả.

Sự phối hợp giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD và các bộ phận khác

Ban Kiểm soát (BKS) thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc, và các cán bộ quản lý trong quá trình kiểm tra và đánh giá tình hình triển khai kế hoạch kinh doanh của Công ty. Trong các đợt kiểm tra, BKS đã yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu, và tổ chức làm việc trực tiếp với Ban Tổng Giám đốc cũng như các cán bộ quản lý, đảm bảo tiếp cận đầy đủ thông tin và dữ liệu cần thiết.

Trong năm 2024, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng đã chủ động cung cấp đầy đủ và kịp thời các Nghị quyết, Quyết định cho BKS. Ban Tổng Giám đốc đã hỗ trợ BKS trong việc thu thập thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh khi có yêu cầu, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình kiểm tra. Đồng thời, BKS đã phân hồi và trao đổi ý kiến để đảm bảo rằng quá trình điều hành và hoạt động của Công ty tuân thủ đúng theo định hướng và nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

6.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

6.3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Tổng số tiền thù lao/phụ cấp chi trả cho các thành viên HĐQT, BKS trong năm 2024 là 1,3 tỷ đồng, trong đó: Số tiền thù lao/phụ cấp chi trả cho mỗi thành viên HĐQT là 16 triệu đồng/người/tháng; Số tiền thù lao/phụ cấp chi trả cho mỗi thành viên BKS là 10 triệu đồng/người/tháng.

Tiền lương, thưởng của Tổng giám đốc và những người quản lý khác của Công ty trong năm 2024 là 24,4 tỷ đồng. Tiền lương, thưởng của Tổng giám đốc và những người quản lý khác được Công ty chi trả trên cơ sở hợp đồng lao động và căn cứ theo thời gian đảm nhiệm chức vụ thực tế của từng thành viên.

Chi tiết tiền lương, thù lao/phụ cấp, thưởng của từng thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và những người quản lý khác được nêu tại Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024 mục 32.1 (trang 61) và

được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn www.vndirect.com.vn.

6.3.2. Các giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng..)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Ông: Nguyễn Vũ Long	Người nội bộ	260	0,00002	273	0,00002	Thực hiện quyền mua cổ phiếu từ đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng.
2	Bà: Phạm Minh Hương	Người nội bộ	35.920.970	2,95	44.901.212	2,95	
3	Ông: Vũ Hiền	Người nội bộ	504	0,00004	529	0,00003	
4	Ông: Vũ Việt Anh	Người nội bộ	1.400	0,0001	1.750	0,0001	
5	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Người có liên quan do Ông Vũ Hiền làm Chủ tịch HĐQT	314.654.782	25,83	393.318.477	25,84	

6.3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Trình tự, thủ tục phê duyệt giao dịch giữa VNDIRECT với các bên liên quan được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VNDIRECT.

Các giao dịch giữa VNDIRECT với các bên liên quan được HĐQT phê duyệt và được trình bày tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2024.

6.3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn chú trọng tới hoạt động quản trị Công ty nhằm xây dựng và phát triển Công ty ngày càng vững mạnh, đảm bảo hoạt động quản trị của Công ty minh bạch, công khai. Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chủ động nghiên cứu, triển khai, điều chỉnh các công tác, chính sách quản trị nội bộ để phù hợp với quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước. Đặc biệt, Công ty đã ban hành những quy chế quản lý nội bộ, phân công nhân sự và bộ phận chuyên trách phụ trách để đảm bảo việc báo cáo, công bố thông tin của Công ty được thực hiện chính xác, kịp thời và đầy đủ.

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

7.1. Ý kiến kiểm toán

Trích báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT, được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam:

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

7.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2024

Toàn văn Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của VNDIRECT được kính kèm theo bản Báo cáo thường niên này.

Trên đây là Báo cáo thường niên về hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Công ty.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phạm Minh Hương

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh báo cáo tài chính	16 - 69

MSA

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014521 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 11 năm 2006, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102065366 đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 21 tháng 10 năm 2024, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 22/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 11 năm 2006 và các Giấy phép điều chỉnh, Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán (Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 59/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 07 năm 2024).

Hoạt động chính của Công ty trong năm bao gồm: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán, hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh, ứng trước tiền bán chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 15.222.999.080.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 12.178.440.090.000 đồng).

Công ty có trụ sở chính tại số 01 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các chi nhánh tại Thanh Xuân – Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Vinh – Nghệ An, Cần Thơ, Bình Dương, Quảng Ninh, Nam Định, Thanh Hóa và các phòng giao dịch tại Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có hai (02) công ty liên kết.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Bà Phạm Minh Hương	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2006, Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 04 năm 2022, Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023, Bổ nhiệm ngày 18 tháng 09 năm 2023
Ông Vũ Hiền	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 03 năm 2009, Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 04 năm 2022
	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 10 năm 2024
Ông Mai Hữu Đạt	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 07 năm 2022
Ông Nguyễn Vũ Long	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2022, Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023, Bổ nhiệm ngày 18 tháng 09 năm 2023
Ông Vũ Việt Anh	Thành viên độc lập HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Hoàng Thúy Nga	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2013, Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 04 năm 2022
Bà Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2023
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2012, Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 04 năm 2022

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Vũ Long	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 09 năm 2023
Ông Điều Ngọc Tuấn	Giám đốc Quản trị	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này là Bà Phạm Minh Hương, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Ông Nguyễn Vũ Long, chức danh Tổng Giám đốc; và Ông Điều Ngọc Tuấn, chức danh Giám đốc Quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc





Ông Nguyễn Vũ Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3624 5252
Email: eyhcm@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/vn_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 61607706/E-67650720

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT ("Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025 và được trình bày từ trang 06 đến trang 69, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.




Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1



Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2487-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)		43.105.620.017.289	40.414.384.838.078
110	I. Tài sản tài chính		42.935.352.780.537	40.278.851.863.343
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	881.175.680.472	4.861.988.279.037
111.1	1.1 Tiền		734.466.680.472	2.667.988.279.037
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		146.709.000.000	2.194.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	7.1 & 7.4	24.519.200.006.786	16.729.988.737.590
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.2	5.560.973.000.000	7.432.445.000.000
114	4. Các khoản cho vay	7.3	10.343.627.985.292	10.285.791.836.320
116	5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	8	(122.288.257.021)	(119.377.907.624)
117	6. Các khoản phải thu	9	1.728.245.383.775	938.674.588.232
117.1	6.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		555.540.757.453	22.096.265.742
117.2	6.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		1.172.704.626.322	916.578.322.490
117.3	6.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		95.427.412.362	95.427.412.362
117.4	6.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		1.077.277.213.960	821.150.910.128
118	7. Trả trước cho người bán	9	31.617.305.015	3.552.779.272
119	8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	9	178.047.791.530	134.658.883.926
122	9. Các khoản phải thu khác	9	7.902.515.693	38.840.257.831
129	10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9	(193.148.601.005)	(27.710.391.241)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		170.267.236.752	135.532.974.735
131	1. Tạm ứng		10.532.344.261	13.339.725.731
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	32.570.592.866	10.390.964.466
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11	106.245.970.000	96.585.217.160
137	4. Tài sản ngắn hạn khác		20.918.329.625	15.217.066.378
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250)		1.189.156.655.182	1.327.705.333.288
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		1.036.150.771.556	1.160.966.673.916
211	1. Các khoản phải thu dài hạn		91.718.310.944	90.236.858.889
212	2. Các khoản đầu tư dài hạn		948.663.852.000	1.074.440.612.000
212.1	2.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.2	-	201.650.000.000
212.3	2.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	12	914.505.332.000	836.115.332.000
212.4	2.3 Đầu tư dài hạn khác	12	34.158.520.000	36.675.280.000
213	3. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	12	(4.229.391.388)	(3.710.796.973)
220	II. Tài sản cố định		84.089.253.850	106.034.003.084
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	40.960.432.082	52.527.041.886
222	1.1 Nguyên giá		205.271.274.760	193.971.384.930
223a	1.2 Giá trị khấu hao lũy kế		(164.310.842.678)	(141.444.343.044)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	43.128.821.768	53.506.961.198
228	2.1 Nguyên giá		182.797.824.279	164.679.758.279
229a	2.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(139.669.002.511)	(111.172.797.081)
240	III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		3.180.792.000	2.546.865.013
250	IV. Tài sản dài hạn khác		65.735.837.776	58.157.791.275
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	11	3.104.972.428	3.393.442.428
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	10	27.630.865.348	19.764.348.847
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	20.000.000.000	20.000.000.000
255	4. Tài sản dài hạn khác	16	15.000.000.000	15.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		44.294.776.672.471	41.742.090.171.366

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)		24.579.707.979.260	25.234.270.644.372
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		24.502.482.888.459	24.736.424.516.683
311	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	18	22.436.244.635.316	20.468.484.164.989
312	1.1 Vay ngắn hạn		22.436.244.635.316	20.468.484.164.989
316	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	19	400.000.000.000	400.000.000.000
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	20	1.113.475.966.297	821.595.397.087
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn		28.958.603.137	65.658.430.298
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		23.324.256.848	20.574.256.848
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	236.583.401.372	243.387.566.722
323	7. Phải trả người lao động		11.308.502.822	28.043.562.100
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		3.952.994.203	4.029.025.381
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	58.395.523.064	150.575.696.290
329	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		1.254.974.200	2.371.435.512.100
330	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	90.000.000.000
331	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		188.984.031.180	72.641.002.868
340	II. Nợ phải trả dài hạn		77.225.090.801	497.846.127.689
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	19	-	400.000.000.000
356	2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	23	77.225.090.801	97.846.127.689
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)		19.715.068.693.211	16.507.819.526.994
410	I. Vốn chủ sở hữu	24.2	19.715.068.693.211	16.507.819.526.994
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		15.222.828.001.540	12.178.398.511.540
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		15.222.999.080.000	12.178.440.090.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		15.222.999.080.000	12.178.440.090.000
411.2	1.2 Thặng dư vốn cổ phần		(171.078.460)	(41.578.460)
417	2. Lợi nhuận chưa phân phối	24.1	4.492.240.691.671	4.329.421.015.454
417.1	2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		4.183.340.328.462	3.938.036.504.694
417.2	2.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		308.900.363.209	391.384.510.760
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)		44.294.776.672.471	41.742.090.171.366

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ("CTCK") VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý		101.986.716.060	101.986.716.060
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	24.4	1.522.299.908	1.217.844.009
008	3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") của CTCK	25.1	10.981.481.720.000	7.622.045.590.000
009	4. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK	25.2	325.032.290.000	407.194.630.000
010	5. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	25.3	1.056.813.400.000	578.294.940.000
012	6. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK	25.4	5.393.272.890.000	1.747.837.730.000
013	7. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	25.5	707.970.000	190.000
014	8. Chứng quyền (số lượng)		-	129.980.100
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư		87.664.897.954.800	83.305.192.855.500
021.1	1.1 Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		72.283.889.714.800	72.563.078.785.500
021.2	1.2 Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		4.154.055.170.000	344.230.650.000
021.3	1.3 Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		10.643.324.820.000	9.317.872.660.000
021.4	1.4 Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		3.148.330.000	64.109.620.000
021.5	1.5 Tài sản tài chính chờ thanh toán		580.479.920.000	1.015.901.140.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư		1.011.294.690.000	2.787.689.350.000
022.1	2.1 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		650.420.310.000	1.408.067.340.000
022.2	2.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		360.874.380.000	1.379.622.010.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	25.6	560.198.130.000	945.350.877.000
024b	4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư	25.7	36.553.388.231.000	37.744.990.705.500
025	5. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	25.8	195.075.580.000	202.234.500.000

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	6. Tiền gửi của khách hàng		5.412.854.193.669	6.366.866.514.636
027	6.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.9	4.163.893.199.315	4.335.470.285.643
027.1	6.2 Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	25.9	151.281.513.760	238.571.995.977
028	6.3 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	25.9	1.094.688.500.833	1.792.222.791.362
029	6.4 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		2.799.101.528	149.129.804
029.1	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước		63.001.151	71.731.832
029.2	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		2.736.100.377	77.397.972
030	6.5 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	25.10	191.878.233	472.311.850
031	7. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.11	5.412.662.315.436	6.366.414.202.786
031.1	7.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		4.897.820.970.825	5.351.656.416.631
031.2	7.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		363.559.830.851	776.185.790.178
031.3	7.3 Phải trả tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC		151.281.513.760	238.571.995.977
035	8. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	25.12	191.878.233	472.311.850

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Bà Lê Thị Hoài
Người lập

Bà Nguyễn Thị Hương
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Vũ Long
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		2.758.053.155.000	3.803.176.987.380
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	26.1	1.640.445.035.364	2.094.804.454.784
01.2	1.2 Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	26.2	653.743.694.020	1.148.956.786.104
01.3	1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	26.3	414.018.946.216	545.677.855.892
01.4	1.4 Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành		49.845.479.400	13.737.890.600
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	26.3	421.441.706.902	505.989.797.968
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	26.3	1.254.855.005.185	1.154.085.633.047
06	4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		719.863.796.160	887.030.313.818
07	5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		53.974.806.167	107.575.367.174
09	6. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		88.975.473.588	92.478.235.601
10	7. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		11.949.090.909	10.588.870.278
11	8. Thu nhập hoạt động khác		15.831.430.975	20.496.961.163
20	Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 → 11)		5.324.944.464.886	6.561.422.166.429
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		1.281.254.474.468	1.495.901.101.309
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	26.1	453.950.446.204	541.397.737.633
21.2	1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	26.2	752.023.183.659	943.607.842.876
21.3	1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		509.670.425	1.983.325.000
21.4	1.4 Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành		54.671.174.200	8.912.195.800
24	2. Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	27	130.321.116.264	(88.909.241.606)
26	3. Chi phí hoạt động tư doanh	28	51.389.156.101	34.327.608.913
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	28	468.171.485.937	615.494.378.512
28	5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28	9.043.509.778	8.264.882.221
29	6. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	28	480.280.308	536.415.223
30	7. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	28	30.514.060.783	28.812.889.357
31	8. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	28	31.537.599.000	25.302.442.765
32	9. Chi phí dịch vụ khác	28	139.401.770.807	74.523.925.815
40	Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 → 32)		2.122.113.453.466	2.194.254.402.509

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		-	10.049.687.758
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		23.968.433.872	22.589.692.639
43	3. Lãi bán, thanh lý khoản đầu tư vào công ty con		-	5.000.000.000
44	4. Doanh thu hoạt động đầu tư khác		-	3.100.433.425
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 → 44)		23.968.433.872	40.739.813.822
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		-	3.381.482.970
52	2. Chi phí lãi vay		667.433.396.169	1.444.405.517.726
54	3. Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn		518.594.415	1.629.996.901
55	4. Chi phí tài chính khác		13.750.163.058	39.357.337.679
60	Cộng chi phí tài chính (60 = 51 → 55)		681.702.153.642	1.488.774.335.276
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	29	453.311.535.893	430.067.613.400
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 62)		2.091.785.755.757	2.489.066.629.066
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		172.577.075	918.699.567
72	2. Chi phí khác		3.634.200.535	7.641.876.660
80	Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)		(3.461.623.460)	(6.723.177.093)
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)		2.088.324.132.297	2.482.342.451.973
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		2.191.429.316.736	2.272.167.813.945
92	2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		(103.105.184.439)	210.174.638.028
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)		369.899.102.085	460.091.531.995
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	390.520.138.973	418.056.604.389
100.2	2. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	30.2	(20.621.036.888)	42.034.927.606
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)		1.718.425.030.212	2.022.250.919.978
500	XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		1.718.425.030.212	2.022.250.919.978
501	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (Trình bày lại)	31	1.129	1.207

Bà Lê Thị Hoài
Người lập

Bà Nguyễn Thị Hương
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Vũ Long
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		2.068.324.132.297	2.482.342.451.973
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		(345.140.500.901)	559.269.660.720
03	Khấu hao và hao mòn TSCĐ		59.830.029.068	45.094.916.569
04	Các khoản dự phòng		100.442.278.973	1.090.758.394
05	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	(9.743.209.479)
06	Chi phí lãi vay		667.433.396.169	1.444.405.517.726
07	Lãi hoạt động đầu tư		(141.578.789)	(5.000.000.000)
08	Dự thu tiền lãi		(1.172.704.826.322)	(916.578.322.490)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		807.212.952.274	954.150.035.577
11	Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và lỗi đánh giá lại phải trả chứng quyền		806.694.357.859	952.520.038.676
16	Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn		518.594.415	1.629.996.901
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(703.589.173.420)	(1.162.694.676.704)
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và lãi đánh giá lại phải trả chứng quyền		(703.589.173.420)	(1.162.694.676.704)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.846.807.410.250	2.833.067.471.566
31	(Tăng)/giảm tài sản tài chính FVTPL		(7.887.490.758.835)	1.745.022.069.528
32	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.073.122.000.000	(2.033.995.000.000)
33	Tăng các khoản cho vay		(57.836.148.972)	(1.224.976.085.241)
35	(Tăng)/giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(533.444.491.711)	1.630.228.167.138
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		916.578.322.490	592.628.754.261
37	(Tăng)/giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(43.389.097.604)	134.658.683.926
39	Tăng các khoản phải thu khác		(20.699.955.472)	(140.302.094.983)
40	(Tăng)/giảm các tài sản khác		2.807.392.470	(42.309.905.574)
41	Giảm chi phí phải trả (Không bao gồm chi phí lãi vay)		(1.589.377.928)	(1.349.405.172)
42	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(30.046.144.901)	22.946.057.628
43	Thuế TNDN đã nộp	21	(385.940.177.985)	(349.911.964.805)
44	Lãi vay đã trả		(758.024.093.447)	(1.505.272.991.991)
45	Tăng/(giảm) phải trả cho người bán		(33.949.827.161)	56.191.302.459
46	Tăng/(giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(76.031.178)	9.693.031.522
47	Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		(11.384.126.338)	(23.565.308.436)
48	Tăng/(giảm) phải trả người lao động		(16.735.059.278)	10.147.234.856
50	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác và phải trả chứng quyền		(2.083.125.663.490)	536.731.422.503
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(84.293.247.770)	(74.612.516.124)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		(7.108.709.086.860)	2.175.018.923.061

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(38.526.073.487)	(67.189.121.400)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		148.445.455	-
63	3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		(79.380.000.000)	(181.134.789.000)
64	4. Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		3.506.760.000	165.000.000.000
70	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(114.250.868.032)	(83.323.910.400)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		2.435.536.820.000	-
72.2	2. Tiền thu từ bán lại cổ phiếu quỹ		-	368.523.950
73	3. Tiền vay gốc		98.919.193.496.792	86.884.568.962.506
73.2	- Tiền vay khác		98.919.193.496.792	86.884.568.962.506
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(97.351.433.026.465)	(86.573.031.464.639)
74.3	- Tiền chi trả gốc vay khác		(97.351.433.026.465)	(86.573.031.464.639)
76	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(761.149.954.000)	-
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.242.147.336.327	311.906.021.817
90	IV. TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM		(3.980.812.618.565)	2.403.601.034.478
101	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	4.861.988.279.037	2.458.387.244.559
101.1	Tiền		2.667.988.279.037	1.788.175.744.559
101.2	Các khoản tương đương tiền		2.194.000.000.000	670.211.500.000
103	VI. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	881.175.660.472	4.861.988.279.037
103.1	Tiền		734.466.660.472	2.667.988.279.037
103.2	Các khoản tương đương tiền		146.709.000.000	2.194.000.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		299.586.874.746.888	306.332.467.175.973
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(295.335.786.066.970)	(307.188.015.092.036)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		801.109.265.214.783	933.848.673.461.187
07.1	4. Tăng/(giảm) tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC		(87.290.482.217)	23.917.632.391
08	5. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(806.204.315.459.249)	(931.445.208.715.879)
11	6. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(22.499.840.585)	(20.729.815.633)
14	7. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		4.446.013.857.590	6.681.876.560.856
15	8. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(4.446.294.291.207)	(6.681.910.515.387)
20	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm		(954.032.320.967)	1.551.070.691.472
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		6.366.886.514.636	4.815.815.823.164
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		6.366.886.514.636	4.815.815.823.164
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		4.335.470.285.643	3.593.076.453.523
32.1	- Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC		238.571.995.977	214.654.363.586
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		1.792.222.791.362	1.007.421.938.976
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		149.129.804	118.490.698
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		472.311.850	544.576.381
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		5.412.854.193.669	6.366.886.514.636
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		5.412.854.193.669	6.366.886.514.636
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.9	4.163.893.199.315	4.335.470.285.643
42.1	- Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	25.9	151.281.513.760	238.571.995.977
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	25.9	1.094.688.500.833	1.792.222.791.362
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		2.799.101.528	149.129.804
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	25.10	191.878.233	472.311.850

Bà Lê Thị Hoài
Người lập

Bà Nguyễn Thị Hương
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Vũ Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2023	Ngày 01 tháng 01 năm 2024	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		14,485,200,083,066	16,607,819,626,994	2,022,250,919,978	368,523,950	4,845,468,167,763	(1,638,219,001,546)	16,607,819,626,994	19,715,068,693,211
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		12,178,029,987,590	12,178,398,511,540	-	368,523,950	3,044,558,990,000	(129,500,000)	12,178,398,511,540	15,222,828,001,540
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	24.2	12,178,440,090,000	12,178,440,090,000	-	-	3,044,558,990,000	-	12,178,440,090,000	15,222,998,080,000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần		14,508,178	(41,578,460)	-	(56,086,638)	-	(129,500,000)	(41,578,460)	(171,078,460)
1.3 Cổ phiếu quỹ		(424,610,586)	-	-	424,610,588	-	-	-	-
2. Lợi nhuận chưa phân phối		2,307,170,095,476	4,329,421,015,454	2,022,250,919,978	-	1,800,909,177,763	(1,638,089,501,546)	4,329,421,015,454	4,492,240,691,671
2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	24.1	2,083,925,295,138	3,938,036,504,694	1,854,111,208,566	-	1,800,909,177,763	(1,555,605,353,995)	3,938,036,504,694	4,183,340,328,462
2.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	24.1	223,244,800,338	391,384,510,760	168,139,710,422	-	-	(82,484,147,551)	391,384,510,760	308,900,363,209
TỔNG CỘNG	24.2	14,485,200,083,066	16,607,819,626,994	2,022,250,919,978	368,523,950	4,845,468,167,763	(1,638,219,001,546)	16,607,819,626,994	19,715,068,693,211

Bà Lê Thị Hoài
Người lập

Bà Nguyễn Thị Hương
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Vũ Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014521 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 11 năm 2006, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102065366 đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 21 tháng 10 năm 2024, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 22/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 11 năm 2006 và các Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán (Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 59/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 07 năm 2024).

Hoạt động chính trong năm của Công ty bao gồm: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán, hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh, ứng trước tiền bán chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của công ty là 15.222.999.080.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 12.178.440.090.000 đồng).

Công ty có trụ sở chính tại số 01 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các chi nhánh tại Thanh Xuân – Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Vinh – Nghệ An, Cần Thơ, Bình Dương, Quảng Ninh, Nam Định, Thanh Hóa và các phòng giao dịch tại Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 1.077 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.174 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 15.222.999.080.000 đồng, vốn chủ sở hữu là 19.715.068.693.211 đồng và tổng tài sản là 44.294.776.672.471 đồng.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- ▶ Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- ▶ Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- ▶ Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- ▶ Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lộ lẽ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có hai (02) công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 3633/GP-UB ngày 01 tháng 08 năm 1998 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 41A/GPĐC32/KDBH ngày 05 tháng 01 năm 2022	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và kinh doanh dịch vụ tài chính	803.957.090.000 VND	20%	20%
Công ty Cổ phần Âm Thực Mặt Trời Vàng	Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0108951120 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 10 năm 2019 và các lần thay đổi	Kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống	1.265.501.000.000 VND	5,55%	36%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính

Công ty đã lập báo cáo tài chính này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ, biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
 - ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có năm đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi (-) các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các tài sản tài chính HTM được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các tài sản tài chính HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí để vay của các khoản cho vay*".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoán hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi (-) các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Lãi dự thu được ghi nhận trên khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Công ty thực hiện trích lập dự phòng chung đối với các khoản cho vay với tỷ lệ 0,75%/tổng dư nợ cho vay, không bao gồm dư nợ cho vay đã trích lập dự phòng cụ thể. Dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí di vận của các khoản cho vay*".

4.5 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết (ngoại trừ trái phiếu) trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- ▶ Đối với cổ phiếu của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính;
- ▶ Chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính;
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung ("OTC"), căn cứ vào báo cáo tài chính của tổ chức phát hành tại thời điểm lập báo cáo tài chính;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 *Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính (tiếp theo)*

- ▶ Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch, giá trái phiếu trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính;
- ▶ Đối với trái phiếu Chính phủ, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính;
- ▶ Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

4.6 *Phân loại lại tài sản tài chính*

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- ▶ Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào thời điểm ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoán nhập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 *Ngừng ghi nhận tài sản tài chính*

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.8 *Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn*

4.8.1 *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết

Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư công ty liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn.

Phương pháp giá gốc

Là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Theo phương pháp giá gốc, nhà đầu tư ghi nhận ban đầu khoản đầu tư theo giá gốc. Nhà đầu tư chỉ hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà nhà đầu tư nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn (tiếp theo)

4.8.2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được lập riêng cho từng khoản đầu tư có tổn thất, và được xem xét vào cuối năm tài chính. Công ty thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư vào góp vốn vào các đơn vị khác nếu khoản đầu tư bị tổn thất do đơn vị đầu tư bị lỗ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

4.9 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.10 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dịch vụ khác".

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.12 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
Công cụ quản lý	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm
Phần mềm	03 - 10 năm

4.13 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.14 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao hoặc hao mòn của các tài sản này được áp dụng giống như với cả tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.15 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4.16 Các khoản vay và phát hành trái phiếu không chuyển đổi

Các khoản vay và trái phiếu không chuyển đổi được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.17 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Phải trả chứng quyền

Chứng quyền mua có bảo đảm là chứng khoán có tài sản bảo đảm do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá thực hiện, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch khi giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở cao hơn giữa giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại thời điểm thực hiện.

Khi phân phối chứng quyền, Công ty ghi tăng phải trả chứng quyền đồng thời theo dõi ngoại bảng số chứng quyền còn được phép phát hành. Cuối năm, Công ty thực hiện đánh giá lại chứng quyền theo giá trị hợp lý. Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành giảm xuống, phần chênh lệch ghi nhận vào "Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL" (chi tiết "Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành"). Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành tăng, phần chênh lệch được ghi nhận vào "Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL" (chi tiết "Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành").

Chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh. Lãi/Lỗ khi mua lại chứng quyền, khi đáo hạn chứng quyền hoặc khi chứng quyền bị thu hồi được ghi vào khoản mục "Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL" hoặc "Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL" tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty theo dõi chi tiết chứng khoán phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm. Cuối năm, giá trị của chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro được đánh giá lại và ghi nhận việc đánh giá lại tương tự như đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL.

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Lợi ích của nhân viên

4.18.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên theo các quy định pháp luật hiện hành. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.18.2 Trợ cấp thôi việc

Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm.

Khoản 5 Điều 8 Nghị định 145/2020/NĐ-CP quy định tiền lương để tính trợ cấp thôi việc là tiền lương bình quân của 06 tháng liền kề theo hợp đồng lao động trước khi người lao động thôi việc. Nếu hợp đồng lao động cuối cùng bị tuyên vô hiệu (vì có nội dung tiền lương thấp hơn mức tối thiểu vùng hoặc mức trong thỏa ước lao động tập thể) thì tiền lương tính trợ cấp sẽ do các bên thỏa thuận nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu vùng hoặc mức lương theo thỏa ước lao động tập thể.

4.18.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Nghị định số 28/2015/NĐ-CP về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về Bảo hiểm thất nghiệp và Điều 57, Luật việc làm số 38/2013/QH13, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.19 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.20 Hợp đồng phái sinh tiền tệ

Công ty tham gia vào các giao dịch tiền tệ với các ngân hàng cung cấp dịch vụ (giao dịch mua bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ,...) cho mục đích phòng ngừa và giảm thiểu các rủi ro về tỷ giá, lãi suất và dòng tiền trong tương lai. Lãi/nỗ phát sinh từ giao dịch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.21 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.22 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

4.23 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.25 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính và khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến phần đánh giá tăng so với giá gốc của tài sản tài chính FVTPL của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

4.26 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.27 Lãi trên cổ phiếu**

Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty là các khoản lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm sau khi được điều chỉnh bởi cổ tức của cổ phiếu ưu đãi, những khoản chênh lệch phát sinh do thanh toán cổ phiếu ưu đãi và những tác động tương tự của cổ phiếu ưu đãi đã được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu.

Số lượng cổ phiếu phổ thông được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu là số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ hiện tại và tất cả các kỳ trình bày phải được điều chỉnh cho các sự kiện (Trừ việc chuyển đổi cổ phiếu phổ thông tiềm năng) tạo ra sự thay đổi về số lượng cổ phiếu phổ thông mà không dẫn đến thay đổi về nguồn vốn.

4.28 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên các dịch vụ được cung cấp cho các đối tác, nhà đầu tư. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

4.29 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan được hiểu là 'Người có liên quan' theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung có hiệu lực tại từng thời kỳ.

4.30 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền	734.466.660.472	2.667.988.279.037
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	733.705.141.683	2.667.173.209.666
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	761.518.789	815.069.369
Các khoản tương đương tiền	146.709.000.000	2.194.000.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	146.709.000.000	2.194.000.000.000
Tổng cộng	881.175.660.472	4.861.988.279.037

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (triệu VND)
a. Của Công ty	3.168.069.430	296.683.470
- Cổ phiếu	255.151.466	7.921.699
- Trái phiếu	1.939.600.801	280.916.044
- Chứng khoán khác	973.317.163	7.845.727
b. Của Nhà đầu tư	30.091.415.428	1.085.918.946
- Cổ phiếu	27.520.896.714	602.546.757
- Trái phiếu	440.177.189	70.594.014
- Chứng khoán khác	2.130.341.525	412.778.175
Tổng cộng	33.259.484.858	1.382.602.416

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Một số khái niệm về tài sản tài chính

Giá gốc

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đó vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của chứng khoán được xác định theo phương pháp trình bày tại *Thuyết minh số 4.5*.

Giá trị phân bổ

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính (là công cụ nợ) được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi (-) các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi được trình bày tại khoản mục "*Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp*" trên báo cáo tình hình tài chính.

Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá trị hợp lý (tài sản tài chính FVTPL) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Đơn vị tính: VND			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ ("CCQ") niêm yết	1.442.424.222.565	1.438.820.196.532	1.107.852.472.120	1.153.426.495.964
VPB	448.323.523.360	418.203.609.600	455.483.188.180	418.927.449.600
STB	103.830.420.030	121.722.731.100	2.804.116.692	2.674.476.861
FPT	69.140.757.982	85.819.222.500	8.730.788.898	9.219.960.567
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ khác	821.129.521.193	813.074.633.332	640.834.378.350	722.604.608.936
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	-	-	127.464.078.913	123.410.809.726
VPB	-	-	46.132.541.880	42.430.080.000
STB	-	-	31.113.838.138	29.675.384.189
FPT	-	-	20.791.958.474	21.956.897.533
Cổ phiếu khác	-	-	29.425.740.421	29.348.448.004
Cổ phiếu, CCQ chưa niêm yết	1.906.644.964.885	1.900.049.784.551	1.111.431.641.735	1.162.241.954.895
TNRE	1.349.490.000.000	1.349.490.000.000	450.000.000.000	450.000.000.000
VNDBF	105.200.000.000	139.756.022.602	105.200.000.000	130.141.094.389
VNDAF	50.500.000.000	80.331.700.000	50.500.000.000	70.037.500.000
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ khác	400.454.964.885	330.472.061.949	505.731.641.735	512.063.360.506
Trái phiếu niêm yết	3.985.606.183.773	3.987.783.221.122	687.194.811.995	686.121.064.799
Trái phiếu chưa niêm yết	10.630.536.085.581	10.630.536.085.581	7.546.995.264.122	7.546.995.264.122
Chứng chỉ tiền gửi	6.562.010.719.000	6.562.010.719.000	6.057.793.148.084	6.057.793.148.084
Tổng cộng	24.526.222.175.804	24.519.200.006.786	16.638.731.416.969	16.729.988.737.590

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng	5.560.973.000.000	7.432.445.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng	-	201.650.000.000
Tổng cộng (*)	5.560.973.000.000	7.634.095.000.000

(*) Số dư phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,60%/năm đến 8,00%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: từ 4,20%/năm đến 10,30%/năm).

7.3 Các khoản cho vay

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (*)	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (*)
Cho vay hoạt động giao dịch kỳ quỹ	10.148.543.290.594	10.106.403.813.017	9.911.807.420.780	9.869.210.816.361
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	195.084.694.698	195.084.694.698	373.984.415.540	373.984.415.540
Tổng cộng	10.343.627.985.292	10.301.488.507.715	10.285.791.836.320	10.243.195.231.901

(*) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng cụ thể suy giảm giá trị các khoản cho vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.4 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính (FVTPL)

Đơn vị tính: VND

Các loại tài sản tài chính	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại
		Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	1.442.424.222.565	43.596.392.383	(47.200.418.416)	1.438.820.196.532
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	1.905.644.954.885	68.276.753.849	(73.871.934.183)	1.900.049.784.551
Trái phiếu niêm yết	3.985.606.183.773	2.659.756.352	(482.719.003)	3.987.783.221.122
Trái phiếu chưa niêm yết	10.630.536.085.581	-	-	10.630.536.085.581
Chứng chỉ tiền gửi	6.562.010.719.000	-	-	6.562.010.719.000
Tổng cộng	24.526.222.175.804	114.532.902.584	(121.555.071.602)	24.519.200.006.786
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	1.107.852.472.120	96.761.136.709	(51.187.112.865)	1.153.426.495.964
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	127.464.078.913	1.455.476.197	(5.508.745.384)	123.410.809.726
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	1.111.431.641.735	87.534.786.983	(36.724.473.823)	1.162.241.954.895
Trái phiếu niêm yết	687.194.811.995	-	(1.073.747.196)	686.121.064.799
Trái phiếu chưa niêm yết	7.546.995.264.122	-	-	7.546.995.264.122
Chứng chỉ tiền gửi	6.057.793.148.084	-	-	6.057.793.148.084
Tổng cộng	16.638.731.416.969	185.751.399.889	(94.494.079.268)	16.729.988.737.590

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN THẾ CHẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay		
- Dự phòng cụ thể	42.139.477.577	42.596.604.419
- Dự phòng chung	80.148.779.444	76.781.303.205
Tổng cộng	122.288.257.021	119.377.907.624

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.752.664.385.008	1.088.015.918.020
1. Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	555.540.757.453	22.096.265.742
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	1.172.704.626.322	916.578.322.490
Trong đó:		
- Các khoản dự thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	95.427.412.362	95.427.412.362
- Các khoản dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	1.077.277.213.960	821.150.910.128
3. Trả trước cho người bán	31.617.305.015	3.552.779.272
4. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	178.047.781.530	134.658.683.926
5. Các khoản phải thu khác	7.902.515.693	38.840.257.831
6. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(193.148.601.005)	(27.710.391.241)
Dài hạn	91.716.310.944	90.236.858.889
1. Các khoản phải thu dài hạn	91.716.310.944	90.236.858.889
Tổng cộng	1.844.380.695.952	1.178.252.776.909

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị phải thu khó đòi	Số dự phòng	Số trích lập	Số hoàn nhập	Số dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	-	-	96.602.831.426	-	96.602.831.426	229.575.723.006
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Trung Nam	-	-	43.006.849.315	-	43.006.849.315	86.013.698.630
Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam Đắk Lắk 1	-	-	29.400.000.000	-	29.400.000.000	58.800.000.000
Công ty Cổ phần Phần mềm Diệt Virus BKAV	31.562.456.875	22.093.719.812	-	(22.093.719.812)	-	-
Các đối tượng khác	5.616.671.429	5.616.671.429	18.522.248.835	-	24.138.920.264	67.340.000.875
Tổng cộng	37.179.128.304	27.710.391.241	187.531.929.576	(22.093.719.812)	193.148.601.005	441.729.422.511

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng	3.531.018.600	3.050.355.274
Chi phí phần mềm	15.229.106.403	6.664.844.053
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng	32.317.811	68.714.871
Chi phí khác	13.778.150.052	607.050.268
Tổng cộng	32.570.592.866	10.390.964.466
b. Dài hạn		
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng	6.598.352.614	7.748.784.724
Chi phí phần mềm	18.575.399.448	6.992.257.622
Chi phí khác	899.485.031	1.592.414.120
Công cụ dụng cụ	1.557.628.255	3.430.892.381
Tổng cộng	27.630.865.348	19.764.348.847

11. CẢM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỘC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Ông Trung ương (*)	80.000.000.000	80.000.000.000
Các đối tượng khác	28.245.970.000	16.585.217.160
Tổng cộng	106.245.970.000	96.585.217.160
b. Dài hạn		
Các đối tượng khác	3.104.972.428	3.393.442.428
Tổng cộng	3.104.972.428	3.393.442.428

(*) Tiền đặt cọc không chịu lãi suất mua bất động sản cho mục đích làm văn phòng trụ sở chính của Công ty với thời hạn đặt cọc còn lại không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT, ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC VÀ DỰ PHÒNG SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	914.505.332.000	-	914.505.332.000	836.115.332.000	-	836.115.332.000
- Tổng Công ty Cổ phần						
Bảo hiểm Bưu điện	836.115.332.000	-	836.115.332.000	836.115.332.000	-	836.115.332.000
- Công ty Cổ phần Âm Thực						
Mặt Trời Vàng	78.390.000.000	-	78.390.000.000	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	34.158.520.000	(4.229.391.388)	29.929.128.612	36.675.280.000	(3.710.796.973)	32.964.483.027
Tổng cộng	948.663.852.000	(4.229.391.388)	944.434.460.612	872.790.612.000	(3.710.796.973)	869.079.815.027

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH ("TSCĐ") HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Công cụ quản lý</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	22.312.126.483	165.199.077.507	6.460.180.940	193.971.384.930
Tăng trong năm	-	19.774.080.500	-	19.774.080.500
Thanh lý trong năm	-	(8.474.190.670)	-	(8.474.190.670)
Số dư cuối năm	22.312.126.483	176.498.967.337	6.460.180.940	205.271.274.760
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số dư đầu năm	20.915.254.789	119.510.365.023	1.018.723.232	141.444.343.044
Khấu hao trong năm	1.197.318.595	29.490.486.949	648.018.094	31.333.823.638
Thanh lý trong năm	-	(8.467.324.004)	-	(8.467.324.004)
Số dư cuối năm	22.112.573.384	140.533.527.968	1.664.741.326	164.310.842.678
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	1.396.871.694	45.688.712.484	5.441.457.708	52.527.041.886
Số dư cuối năm	199.553.099	35.965.439.369	4.795.439.614	40.960.432.082

Các thông tin khác về TSCĐ hữu hình:

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	110.670.016.610	76.207.094.405

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Phần mềm

Nguyên giá	
Số dư đầu năm	164.679.758.279
Tăng trong năm	18.118.066.000
Số dư cuối năm	182.797.824.279
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	111.172.797.081
Hao mòn trong năm	28.496.205.430
Số dư cuối năm	139.669.002.511
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	53.506.961.198
Số dư cuối năm	43.128.821.768

Các thông tin khác về TSCĐ vô hình:

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	98.171.659.614	88.473.801.114

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền kỳ quỹ tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC").

Theo quy định hiện hành của VSDC, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại VSDC và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ đồng đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, mỗi giới.

16. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác phản ánh tiền nợ Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh. Theo Quy chế quản lý và Sử dụng Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh ban hành kèm theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 03 năm 2017 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 15 tỷ VND đối với thành viên bù trừ chung.

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền nợ Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh		
- Tiền nộp ban đầu	<u>15.000.000.000</u>	<u>15.000.000.000</u>

17. CÁC TÀI SẢN ĐÃ CẦM CỐ, THẾ CHẤP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đang cầm cố các tài sản sau cho các khoản vay ngắn hạn:

Đơn vị tính: VND

<i>Tài sản</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Mục đích đảm bảo</u>
Ngắn hạn			
Tài sản tài chính ngắn hạn	15.049.000.000.000	11.225.000.000.000	Vay ngắn hạn
Dài hạn			
Tài sản tài chính dài hạn	-	200.000.000.000	Vay ngắn hạn
Tổng cộng	<u>15.049.000.000.000</u>	<u>11.425.000.000.000</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Lãi suất %/năm	Số đầu năm	Số vay trong năm	Số đã trả trong năm	Số cuối năm
Các khoản vay ngắn hạn bằng VND	2,0% - 7,4%	20.468.484.164.989	125.908.167.988.860	(123.940.407.518.533)	22.436.244.635.316
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam		5.240.000.000.000	11.580.000.000.000	(11.944.000.000.000)	4.876.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		2.153.000.000.000	39.547.974.492.013	(37.118.774.492.068)	4.582.199.999.945
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		3.075.000.000.000	28.542.000.000.000	(27.567.000.000.000)	4.050.000.000.000
- Các tổ chức tín dụng khác		5.455.000.000.000	39.966.079.500.757	(37.113.805.063.895)	8.307.274.436.862
- Vay khác		4.545.484.164.989	6.272.113.996.090	(10.196.827.962.570)	620.770.198.509
Tổng cộng (*)		20.468.484.164.989	125.908.167.988.860	(123.940.407.518.533)	22.436.244.635.316

(*) Các khoản vay được thực hiện cho mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	400.000.000.000	400.000.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn	-	400.000.000.000
Tổng cộng (*)	400.000.000.000	800.000.000.000

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, trái phiếu do Công ty phát hành có kỳ hạn gốc là 36 tháng với lãi suất 7,58%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: kỳ hạn gốc từ 24 tháng đến 36 tháng với lãi suất từ 10,00%/năm đến 10,20%/năm). Số dư trái phiếu phát hành được Công ty phân loại ngắn hạn và dài hạn dựa theo kỳ hạn còn lại của trái phiếu tại ngày cuối năm và đầu năm.

20. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán và VSDC	14.441.398.117	18.542.471.090
Phải trả mua các tài sản tài chính (*)	1.099.034.568.180	767.223.362.997
Phải trả chứng quyền đang lưu hành	-	35.829.563.000
Tổng cộng	1.113.475.966.297	821.595.397.087

(*) Phải trả ngày T0 liên quan đến giao dịch mua chứng khoán tại thời điểm cuối năm.

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	230.567.569	1.149.525.702	(1.243.850.635)	136.242.736
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
(Thuyết minh số 30.1)	195.241.321.844	390.520.138.973	(385.940.177.985)	199.821.282.832
Thuế thu nhập cá nhân	46.727.359.579	505.695.009.674	(520.251.413.905)	32.170.955.347
Các loại thuế khác	1.188.317.630	38.087.877.889	(34.821.275.052)	4.454.920.457
Tổng cộng	243.387.566.722	935.452.552.238	(942.256.717.588)	236.583.401.372

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay tổ chức tín dụng và các đối tượng khác	31.474.821.610	80.558.671.436
Chi phí lãi vay trái phiếu phát hành	24.904.111.453	66.410.958.905
Chi phí phải trả khác	2.016.590.021	3.606.987.949
Tổng cộng	58.395.523.084	150.575.598.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN") HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

Phải trả thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ/tính thuế của các khoản mục sau đây:

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL tạm thời không chịu thuế	(1.404.433.823)	18.251.464.105
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành tạm thời không chịu thuế	-	965.138.960
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước khi phân loại từ tài sản tài chính FVTPL sang đầu tư công ty liên kết	78.629.524.624	78.629.524.624
Tổng cộng	77.225.090.801	97.846.127.689

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Lợi nhuận chưa phân phối

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	4.183.340.328.462	3.938.036.504.694
Lợi nhuận chưa thực hiện	308.900.363.209	391.384.510.760
Tổng cộng	4.492.240.691.671	4.329.421.015.454

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Tình hình tăng/(giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 01 tháng 01 năm 2023	12.178.440.090.000	14.508.178	(424.610.588)	2.307.170.095.476	14.485.200.083.066
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	2.022.250.919.978	2.022.250.919.978
Giao dịch cổ phiếu quỹ	-	(56.086.638)	424.610.588	-	368.523.950
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	12.178.440.090.000	(41.578.460)	-	4.329.421.015.454	16.507.819.526.994
Phát hành cổ phiếu tăng vốn trong năm (*)	2.435.666.320.000	-	-	-	2.435.666.320.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	1.718.425.030.212	1.718.425.030.212
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (*)	608.892.670.000	-	-	(608.892.670.000)	-
Trả cổ tức bằng tiền (**)	-	-	-	(761.149.954.000)	(761.149.954.000)
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(129.500.000)	-	-	(129.500.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (***)	-	-	-	(185.562.729.995)	(185.562.729.995)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	15.222.999.080.000	(171.078.460)	-	4.492.240.691.671	19.715.068.693.211

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 445/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 06 năm 2023 về việc phân phối lợi nhuận năm 2022 và chào bán, phát hành cổ phiếu.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 566/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 06 năm 2024 về việc trả cổ tức bằng tiền năm 2023.

(***) Theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty số 645-1/2024/QĐ-VNDIRECT ngày 06 tháng 06 năm 2024 về việc trích lập quỹ khen thưởng năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.3 Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước (tại 01/01/2024 và 01/01/2023)	3.938.036.504.694	2.083.925.295.138
2. Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	1.800.909.177.763	1.854.111.209.556
3. Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm ((3)=(1)+(2))	5.738.945.682.457	3.938.036.504.694
4. Số trích từ lợi nhuận	(185.562.729.995)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(185.562.729.995)	-
5. Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn trong năm theo Nghị quyết ĐHCĐ	(761.149.954.000)	-
6. Thuế phải nộp tính trên thu nhập phân phối cho Nhà đầu tư sở hữu Cổ phiếu	(23.265.959.875)	-
7. Tổng thu nhập phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn ((7)=(5)-(6))	(737.883.994.125)	-

24.4 Cổ phiếu

	Đơn vị tính: cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.522.299.908	1.217.844.009
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	1.522.299.908	1.217.844.009
- Cổ phiếu phổ thông	1.522.299.908	1.217.844.009
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.522.299.908	1.217.844.009
- Cổ phiếu phổ thông	1.522.299.908	1.217.844.009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

25.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của CTCK

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	8.204.492.170.000	7.464.001.110.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	2.241.160.550.000	132.160.550.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	70.000.000.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	465.829.000.000	25.883.930.000
Tổng cộng	10.981.481.720.000	7.622.045.590.000

25.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	325.032.290.000	407.194.630.000

25.3 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu và chứng quyền	960.000.000	75.254.440.000
Trái phiếu	1.055.853.400.000	503.040.500.000
Tổng cộng	1.056.813.400.000	578.294.940.000

25.4 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng chỉ quỹ	236.098.350.000	196.098.350.000
Cổ phiếu	1.366.773.540.000	566.021.280.000
Trái phiếu	3.790.401.000.000	985.718.100.000
Tổng cộng	5.393.272.890.000	1.747.837.730.000

25.5 Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu	707.970.000	190.000

25.6 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu, trái phiếu, chứng quyền và chứng chỉ quỹ	560.198.130.000	945.350.877.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.7 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng chỉ quỹ	378.888.461.000	298.631.935.500
Cổ phiếu	35.974.604.770.000	36.845.654.770.000
Trái phiếu	199.895.000.000	600.704.000.000
Tổng cộng	36.553.388.231.000	37.744.990.705.500

25.8 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu	195.075.580.000	202.234.500.000

25.9 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	4.163.893.199.315	4.335.470.285.643
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.800.333.368.464	3.559.284.495.465
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	363.559.830.851	776.185.790.178
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	151.281.513.760	238.571.995.977
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	1.094.688.500.833	1.792.222.791.362
Tổng cộng	5.409.863.213.908	6.366.265.072.982

25.10 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu của Tổ chức phát hành	191.878.233	472.311.850

25.11 Phải trả Nhà đầu tư của CTCK

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Nhà đầu tư – Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	5.412.662.315.436	6.366.414.202.786
- Nhà đầu tư trong nước	4.897.820.970.825	5.351.656.416.631
- Nhà đầu tư nước ngoài	363.559.830.851	776.185.790.178
- Phải trả tiền ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	151.281.513.760	238.571.995.977
Tổng cộng	5.412.662.315.436	6.366.414.202.786

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	191.878.233	472.311.850

25.13. Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho CTCK

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả phí môi giới, giao dịch chứng khoán	1.171.173.917	864.880.647

25.14. Phải trả vay CTCK của Nhà đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nghiệp vụ margin	10.533.558.578.399	10.128.927.380.534
Phải trả gốc margin (Thuyết minh số 7.3)	10.148.543.290.594	9.911.807.420.780
- Phải trả gốc margin của Nhà Đầu tư trong nước	10.148.543.290.594	9.911.807.420.780
Phải trả lãi margin	385.015.287.805	217.119.959.754
- Phải trả lãi margin của Nhà Đầu tư trong nước	385.015.287.805	217.119.959.754
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán (Thuyết minh 7.3)	195.084.694.698	373.984.415.540
- Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	195.081.465.423	373.112.880.291
- Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	3.229.275	871.535.249
Tổng cộng	10.728.643.273.097	10.502.911.796.074

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

26.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán đơn vị	Giá bán bình quân VND/đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm nay VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm trước VND
I	LÃI BÁN						
1	Cổ phiếu niêm yết	68.695.056	34.795	2.390.262.068.250	2.193.098.481.449	197.163.586.801	79.666.978.956
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	80.011	19.864	1.180.085.800	1.152.212.264	27.873.536	267.809.000
3	Trái phiếu niêm yết	328.063.420	109.357	35.875.960.053.889	35.780.388.860.451	95.571.193.438	163.041.082.195
4	Trái phiếu chưa niêm yết và chứng chỉ tiền gửi	211.749.125	509.686	107.925.638.971.963	106.696.387.055.528	1.229.251.916.435	1.792.015.297.633
5	Hợp đồng tương lai chỉ số	-	-	-	-	64.500.740.000	40.409.240.000
6	Chứng quyền phát hành niêm yết	289.994.200	868	251.753.086.400	305.682.811.554	53.929.725.154	19.404.047.000
	Tổng lãi bán	898.561.812		146.444.794.266.302	144.976.709.421.246	1.640.445.035.364	2.094.804.454.784
II	LỖ BÁN						
1	Cổ phiếu niêm yết	55.352.930	26.931	1.490.716.423.350	1.577.179.416.606	(86.462.993.256)	(23.684.433.354)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	4.256.079	12.012	51.122.514.200	137.848.180.000	(86.725.665.800)	(274.886.500)
3	Trái phiếu niêm yết	398.563.899	115.403	45.995.413.644.463	46.073.700.308.735	(78.286.664.272)	(137.151.546.018)
4	Trái phiếu chưa niêm yết và chứng chỉ tiền gửi	50.945.044	170.958	8.709.476.035.731	8.813.413.409.207	(103.937.373.476)	(349.427.924.461)
5	Hợp đồng tương lai chỉ số	-	-	-	-	(54.587.650.000)	(25.304.074.000)
6	Chứng quyền phát hành niêm yết	258.423.500	1.894	489.432.417.000	445.482.317.600	(43.950.099.400)	(5.554.873.300)
	Tổng lỗ bán	767.541.452		56.736.161.034.744	67.047.623.632.148	(453.950.446.204)	(541.397.737.633)
	Tổng cộng	1.666.103.264		203.180.955.301.046	202.024.333.053.394	1.186.494.589.160	1.553.406.717.151

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.2 Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị thị trường	Số dư chênh lệch đánh giá lại tại cuối năm	Số dư chênh lệch đánh giá lại tại đầu năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm
I	FVTPL					
1	Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	1.442.424.222.565	1.438.820.196.532	(3.604.026.033)	46.574.023.844	(49.178.049.877)
2	Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	-	-	-	(4.053.269.187)	4.053.269.187
3	Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	1.905.644.964.885	1.900.049.784.551	(5.595.180.334)	50.810.313.070	(56.405.493.494)
4	Trái phiếu niêm yết	3.985.806.183.773	3.987.783.221.122	2.177.037.349	(1.073.747.196)	3.250.784.545
5	Trái phiếu chưa niêm yết	10.630.536.085.581	10.630.536.085.581	-	-	-
6	Chứng chỉ tiền gửi	6.562.010.719.000	6.562.010.719.000	-	-	-
	Tổng cộng	24.526.222.175.804	24.519.200.006.786	(7.022.169.018)	91.257.320.531	(98.279.489.639)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Từ tài sản tài chính FVTPL	414.018.946.216	545.677.855.892
Từ tài sản tài chính HTM	421.441.706.902	505.989.797.968
Từ các khoản cho vay và phải thu	1.254.855.005.185	1.154.085.633.047
Tổng cộng	<u>2.090.315.658.303</u>	<u>2.205.753.286.907</u>

27. CHI PHÍ/(HOÀN NHẬP) DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỒN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI, LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ ĐI VAY CỦA CÁC KHOẢN CHO VAY

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	2.910.349.397	(111.002.961.418)
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi về tiền lãi từ các tài sản tài chính và phải thu	127.410.766.867	22.093.719.812
Tổng cộng	<u>130.321.116.264</u>	<u>(88.909.241.606)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoạt động tự doanh	51.389.156.101	34.327.608.913
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	468.171.485.937	815.494.378.512
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	9.043.509.778	8.264.882.221
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	480.280.308	538.415.223
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30.514.060.783	28.812.889.367
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31.537.599.000	25.302.442.765
Chi phí dịch vụ khác	139.401.770.807	74.523.925.815
Tổng cộng	730.537.862.714	787.262.542.806

TỔNG HỢP CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG THEO KHOẢN MỤC CHI PHÍ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí môi giới chứng khoán	318.264.120.175	449.537.803.665
Chi phí hoạt động lưu ký	30.006.499.131	28.812.889.357
Chi phí lương và các khoản phúc lợi	240.947.633.622	224.098.237.515
Chi phí văn phòng phẩm	165.227.824	186.901.112
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.411.889.890	3.490.794.633
Chi phí khấu hao và hao mòn TSCĐ	339.660.201	658.415.821
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.280.787.810	8.850.529.491
Chi phí khác	76.000.881.352	71.626.971.212
Chi phí dự phòng và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	60.121.162.709	-
Tổng cộng	730.537.862.714	787.262.542.806

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và các khoản phúc lợi	78.010.921.214	171.758.324.768
Chi phí thuê văn phòng	50.849.875.914	60.224.042.361
Chi phí văn phòng phẩm	489.785.450	380.542.593
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.475.393.572	4.972.765.868
Chi phí khấu hao và hao mòn TSCĐ	59.490.368.867	44.436.500.748
Chi phí dịch vụ mua ngoài	261.950.840.876	148.275.711.062
Chi phí khác	44.350.000	19.726.000
Tổng cộng	453.311.535.893	430.067.613.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")

30.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 02 tháng 08 năm 2014.

Bảng ước tính thuế TNDN hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	2.088.324.132.297	2.482.342.451.973
Tổng các khoản điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán	15.165.553.942	(349.141.139.775)
Các khoản điều chỉnh tăng	814.037.317.987	956.810.786.712
- Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	54.671.174.200	8.912.195.800
- Chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	752.023.183.659	943.607.842.876
- Chi phí dự phòng các khoản cho vay	2.910.349.397	-
- Chi phí không được trừ khi tính thuế	4.432.610.731	4.290.748.036
Các khoản điều chỉnh giảm	(798.871.764.045)	(1.305.951.926.487)
- Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN - Cổ tức	(95.282.590.625)	(32.254.288.365)
- Chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(653.743.894.020)	(1.148.956.786.104)
- Hoàn nhập dự phòng các khoản cho vay	-	(111.002.961.418)
- Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	(49.845.479.400)	(13.737.890.600)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	2.103.489.686.239	2.133.201.312.198
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	420.697.937.248	426.640.262.440
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	195.241.321.844	127.096.682.260
Điều chỉnh giảm thuế các năm trước	(30.177.798.275)	(8.583.658.051)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(385.940.177.985)	(349.911.964.805)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	199.821.282.832	195.241.321.844

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN") (tiếp theo)

30.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại

Biến động của thuế TNDN hoãn lại trong năm như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		
Số dư đầu năm	97.846.127.689	55.811.200.083
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(19.655.897.928)	(37.559.735.978)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại chứng quyền đang lưu hành	(965.138.960)	965.138.960
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phân loại lại tài sản tài chính FVTPL sang đầu tư vào công ty liên kết	-	78.629.524.624
Số dư cuối năm	77.225.090.801	97.846.127.689

Công ty đã ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại vào báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(19.655.897.928)	(37.559.735.978)
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại chứng quyền đang lưu hành	(965.138.960)	965.138.960
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phân loại lại tài sản tài chính FVTPL sang đầu tư vào công ty liên kết	-	78.629.524.624
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	(20.621.036.888)	42.034.927.606

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế của năm 2024. Cho mục đích lập báo cáo tài chính các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

	Năm trước (Trình bày lại)	
	Năm nay	
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông – VND	1.718.425.030.212	2.022.250.919.978
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi - VND	-	(185.562.729.995)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu - VND	1.718.425.030.212	1.836.688.189.983
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu – Cổ phiếu	1.522.299.908	1.522.299.908
Lãi cơ bản trên cổ phiếu – VND/Cổ phiếu (*)	1.129	1.207

(*) Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu, nếu số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tăng lên do vốn hóa, phát hành cổ phiếu thưởng, tách cổ phiếu hoặc giảm đi do gộp cổ phiếu, Công ty điều chỉnh hồi tố "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" cho tất cả các kỳ báo cáo. Theo đó số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm 2023 được điều chỉnh cho số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu trong năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

32.1 *Nghệp vụ với các bên liên quan*

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

<i>Danh sách bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	Có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Âm Thực Mặt Trời Vàng	Công ty liên kết
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện	Công ty liên kết Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan Giám đốc quản trị Công ty đồng thời là Phó Tổng Giám đốc thường trực, Giám đốc quản trị hoạt động Công ty, người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin của bên liên quan
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A	Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, người đại diện pháp luật bên liên quan
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT bên liên quan Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ Công ty đồng thời là Tổng Giám đốc, người đại diện pháp luật bên liên quan Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT, người đại diện pháp luật bên liên quan Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT bên liên quan Cổ đông sở hữu trên 10% số phiếu có quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ Công ty đồng thời là Giám đốc điều hành vận hành bên liên quan Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT, người đại diện pháp luật bên liên quan
Công ty Cổ phần Nếp sống Tinh thực IPAM LIFE	Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT, người đại diện pháp luật bên liên quan Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ Công ty đồng thời là Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT, người đại diện pháp luật bên liên quan Giám đốc Quản trị Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT bên liên quan
Công ty Cổ phần Ong Trung ương	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, người đại diện pháp luật bên liên quan
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty đồng thời là Kế toán Trưởng bên liên quan Giám đốc Quản trị Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT bên liên quan
Công ty TNHH Tư vấn Quản trị Doanh nghiệp IPA	Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng thành viên ("HĐTV"), người đại diện pháp luật bên liên quan Giám đốc Quản trị Công ty đồng thời là Giám đốc Công ty kiêm Thành viên HĐTV, người đại diện pháp luật bên liên quan
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Trung Nam	Công ty sở hữu trên 10% vốn góp của bên liên quan
Công ty Cổ phần DSTATION	Công ty sở hữu trên 10% vốn góp của bên liên quan
Công ty Cổ phần Đầu tư IPAF	Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT, người đại diện pháp luật bên liên quan Giám đốc Quản trị Công ty đồng thời là Tổng Giám đốc bên liên quan Giám đốc Quản trị Công ty đồng thời là thành viên Ban đại diện quỹ
Quỹ đầu tư chủ động VND (VNDAF)	
Quỹ đầu tư thành viên IPA (IPAMF)	Số lượng chứng chỉ quỹ Công ty nắm giữ chiếm trên 50% số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.722.462.016	2.031.134.428
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A	1.392.380.516	675.529.803
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	1.126.665.887	961.067.730
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	130.468.720	144.536.895
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	66.096.291	250.000.000
Công ty Cổ phần Ẩm Thực Mặt Trời Vàng	6.000.000	-
Công ty Cổ phần Ong Trung ương	850.602	-
Mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ	64.043.094.680	42.250.572.926
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	28.674.892.017	28.102.169.221
Công ty Cổ phần DSTATION	11.197.194.608	-
Công ty TNHH Tư vấn Quản trị Doanh nghiệp IPA	9.138.236.160	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	5.780.480.448	5.103.850.778
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	5.475.832.299	7.317.784.376
Công ty Cổ phần Nếp sống Tinh thức IPAM LIFE	3.050.396.366	900.057.991
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A	536.703.474	466.710.560
Công ty Cổ phần Ong Trung ương	150.000.000	360.000.000
Công ty Cổ phần Ẩm Thực Mặt Trời Vàng	39.359.308	-
Lãi tiền gửi giao dịch chứng khoán và vay khác	5.077.309.308	1.273.026.668
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	2.712.078.003	364.049.004
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	2.148.658.743	20.867.226
Công ty Cổ phần Ẩm Thực Mặt Trời Vàng	112.165.492	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	56.723.456	50.198.541
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	22.957.700	486.520.209
Công ty Cổ phần DSTATION	12.650.203	-
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A	12.074.053	540.145
Công ty Cổ phần Ong Trung ương	1.658	350.851.543
Lãi trái phiếu đã nhận trong năm	288.298.707.911	94.655.820.513
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	227.298.681.094	47.232.275.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	61.000.026.817	47.423.545.513

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chuyển nhượng khoản đầu tư	-	165.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	-	165.000.000.000
Đầu tư vào công ty khác	899.490.000.000	450.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Trung Nam	899.490.000.000	450.000.000.000
Cổ tức bằng tiền cho cổ đông	217.987.314.200	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	196.659.238.500	-
Bà Phạm Minh Hương	21.328.075.700	-
Nhận vốn góp	701.151.500.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	629.309.560.000	-
Bà Phạm Minh Hương	71.841.940.000	-
Giao dịch mua chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi	9.274.652.258.982	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	6.677.043.230.110	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	1.646.665.000.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	940.387.154.160	-
Công ty Cổ phần DSTATION	5.874.546.462	-
Công ty Cổ phần Ong Trung ương	4.682.328.250	-
Giao dịch chuyển nhượng chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi	7.993.219.738.919	918.447.860.208
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	5.347.181.802.509	706.717.860.208
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	1.765.258.681.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	865.788.591.520	211.730.000.000
Công ty Cổ phần Ong Trung ương	9.181.736.490	-
Công ty Cổ phần DSTATION	5.808.947.400	-
Gốc vay đã nhận trong năm	134.647.798.939	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	126.977.798.939	-
Công ty Cổ phần DSTATION	7.670.000.000	-
Gốc vay đã trả trong năm	77.927.600.430	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	73.757.600.430	-
Công ty Cổ phần DSTATION	4.170.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn	86.082.740.938	86.073.050.315
Công ty Cổ phần Năng lượng Tài tạo Trung Nam	86.013.698.630	86.013.698.630
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A	69.042.308	59.351.685
Phải trả người bán ngắn hạn	1.880.045.301	756.901.305
Công ty TNHH Tư vấn Quản trị Doanh nghiệp IPA	1.139.284.440	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	388.347.500	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	305.078.165	703.357.592
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A	48.233.404	46.064.638
Công ty Cổ phần Nếp sống Tinh thực IPAM LIFE	1.101.792	7.479.075
Phải thu ngắn hạn khác	156.510.000	41.241.379
Công ty Cổ phần DSTATION	156.510.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	-	41.241.379
Trả trước cho người bán	200.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Quản trị Doanh nghiệp IPA	200.000.000	300.000.000
Phải trả ngắn hạn khác – Tiền gửi	-	50.091.170.987
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	-	49.960.238.570
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	-	130.932.417
Vay ngắn hạn	56.720.198.509	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	53.220.198.509	-
Công ty Cổ phần DSTATION	3.500.000.000	-
Mệnh giá trái phiếu nắm giữ cho mục đích kinh doanh	1.375.878.200.000	518.416.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	1.050.878.200.000	487.898.700.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	325.000.000.000	30.517.300.000
Mệnh giá cổ phiếu nắm giữ cho mục đích kinh doanh	486.000.000	486.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	486.000.000	486.000.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	82.186.000.000	80.800.000.000
Công ty Cổ phần Ong Trung ương	80.000.000.000	80.000.000.000
Công ty Cổ phần DSTATION	886.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	800.000.000	800.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Quản trị Doanh nghiệp IPA	500.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	15.150.000.000	15.150.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư IPAF	15.150.000.000	15.150.000.000

	Số cuối năm			Số đầu năm
Chứng chỉ quỹ	Số chứng chỉ quỹ nắm giữ	Số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Số chứng chỉ quỹ nắm giữ
VNDAF	5.000.000	16.068.637	31,12%	5.000.0000
IPAMF	4.000.000	5.000.000	80,00%	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Lương, thưởng, thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác:

Đơn vị tính: VND

Họ và tên	Chức danh	Năm nay		Năm trước	
		Tiền lương, thưởng	Thù lao	Tiền lương, thưởng	Thù lao
Bà Phạm Minh Hương	Chủ tịch HĐQT	4.782.499.996	192.000.000	4.004.500.000	192.000.000
Ông Nguyễn Vũ Long	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	10.846.423.073	192.000.000	7.418.500.000	192.000.000
Ông Mai Hữu Đạt	Phó Chủ tịch HĐQT	919.500.000	192.000.000	1.165.642.857	192.000.000
Ông Vũ Hiền	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Thành viên	-	192.000.000	-	192.000.000
Ông Vũ Việt Anh	Thành viên độc lập HĐQT	-	192.000.000	-	192.000.000
Ban Kiểm soát	Trưởng ban và Thành viên Ban Kiểm soát	-	360.000.000	-	360.000.000
Các thành viên quản lý khác		7.840.987.182	-	8.596.500.000	-
Tổng cộng		24.389.410.251	1.320.000.000	21.185.142.857	1.320.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.2 Thông tin báo cáo bộ phận

Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Các bộ phận khác	Tổng cộng
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024					
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	2.072.983.295.708	2.770.467.597.084	423.338.683.997	82.123.321.969	5.348.912.898.758
2. Các chi phí trực tiếp	765.590.125.658	1.792.873.187.782	53.912.141.958	191.440.151.710	2.803.815.607.108
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thuế phân bổ	1.307.393.170.050	977.594.409.302	369.426.542.039	(109.316.829.741)	2.545.097.291.650
3. Khấu hao, hao mòn và các chi phí không phân bổ	175.681.911.342	234.792.554.178	35.877.254.440	6.959.815.933	453.311.535.893
4. Lỗ từ kết quả hoạt động khác	-	-	-	3.461.623.460	3.461.623.460
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thuế	1.131.711.258.708	742.801.855.124	333.549.287.599	(119.738.269.134)	2.088.324.132.297
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024					
1. Tài sản phân bổ	10.641.562.169.525	25.730.172.758.642	6.553.720.112.527	1.062.447.020.316	43.987.902.061.010
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	306.874.611.461	306.874.611.461
Tổng tài sản	10.641.562.169.525	25.730.172.758.642	6.553.720.112.527	1.369.321.631.777	44.294.776.672.471
1. Nợ phải trả bộ phận	14.441.398.117	1.120.954.391.205	22.892.623.568.379	78.629.524.624	24.106.648.882.325
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	473.059.096.935	473.059.096.935
Tổng nợ phải trả	14.441.398.117	1.120.954.391.205	22.892.623.568.379	551.688.621.559	24.579.707.979.260

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.2 Thông tin báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Các bộ phận khác	Tổng cộng
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023					
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	2.021.115.946.865	3.803.176.987.380	505.989.797.968	271.879.248.038	6.602.161.980.251
2. Các chi phí trực tiếp	1.004.657.720.085	2.429.828.087.222	119.666.280.321	128.856.650.157	3.683.028.737.785
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế phân bổ	1.016.458.226.780	1.373.348.900.158	386.303.517.647	143.022.597.881	2.919.133.242.466
3. Khấu hao, hao mòn và các chi phí không phân bổ	131.656.344.433	247.740.551.533	32.960.388.653	17.710.328.781	430.067.613.400
4. Lỗ từ kết quả hoạt động khác	-	-	-	6.723.177.093	6.723.177.093
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	884.801.882.347	1.125.608.348.625	353.343.128.994	118.589.092.007	2.482.342.451.973
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023					
1. Tài sản phân bổ	10.285.791.836.320	17.639.522.277.087	12.496.083.279.037	-	40.421.397.392.444
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	1.320.692.778.922	1.320.692.778.922
Tổng tài sản	10.285.791.836.320	17.639.522.277.087	12.496.083.279.037	1.320.692.778.922	41.742.090.171.366
1. Nợ phải trả bộ phận	-	821.595.397.087	23.790.495.275.379	-	24.612.090.672.466
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	622.179.971.906	622.179.971.906
Tổng nợ phải trả	-	821.595.397.087	23.790.495.275.379	622.179.971.906	25.234.270.644.372

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.3 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số cuối năm
Dưới 01 năm	222.056.800	92.400.000
Từ 01 – dưới 05 năm	59.808.796.800	72.716.733.001
Từ 05 năm	112.343.734.123	130.924.786.703
Tổng cộng	172.174.587.723	203.733.919.704

32.4 Cam kết theo hợp đồng giao dịch ký quỹ

Công ty đã ký kết hợp đồng giao dịch ký quỹ với các nhà đầu tư, trong đó Công ty sẽ cung cấp tiền cho nhà đầu tư để mua chứng khoán.

32.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh tại cuối năm.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, chứng quyền có bảo đảm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty, do đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị. Nợ phải trả tài chính phần lớn có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa, dịch vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Cho mục đích giảm thiểu rủi ro ngoại tệ, Công ty thực hiện ký kết các hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo bằng ngoại tệ, hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ,... với các ngân hàng thương mại.

Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu

Các cổ phiếu, trái phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, trái phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản cho vay, phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thường xuyên thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Nguồn vốn của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 5* và *Thuyết minh số 7.2*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay giao dịch kỳ quỹ và ứng trước tiền bán cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay kỳ quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay kỳ quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch kỳ quỹ theo Quy chế cho vay kỳ quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Một số các khoản cho vay dưới đây được coi là quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (không bao gồm các hợp đồng đã được gia hạn và thanh lý trước ngày ký báo cáo này). Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong *Thuyết minh số 8*, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng các tài sản tài chính còn lại đều không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều có tính thanh khoản tốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Tổng cộng	Số dư đã dự phòng	Không quá hạn và không bị suy giảm	Quá hạn nhưng không bị suy giảm			
				<= 90 ngày	91 - 180 ngày	> 180 ngày	> 210 ngày
Số đầu năm	10.285.791.836.320	132.052.141.932	10.099.778.982.888	25.752.357.617	5.486.918.429	2.514.048.992	20.207.386.484
Số cuối năm	10.343.627.985.292	60.987.712.164	10.067.215.053.502	132.760.736.461	47.818.990.404	8.661.158.397	26.184.334.364

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn, chủ yếu do các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày kết thúc năm tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành. Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, thời gian đáo hạn được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng mua đi bán lại trong thời gian ngắn) của tài sản trên thị trường.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và các khoản nợ phải trả của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Đơn vị tính: VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ trên 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	734.466.660.472	146.709.000.000	-	-	881.175.660.472
Tài sản tài chính	224.431.972.168	24.519.200.006.786	15.680.169.013.124	-	948.663.852.000	41.372.464.844.078
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	-	24.519.200.006.786	-	-	-	24.519.200.006.786
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	5.560.973.000.000	-	-	5.560.973.000.000
Các khoản cho vay (không bao gồm dự phòng)	224.431.972.168	-	10.119.196.013.124	-	-	10.343.627.985.292
Góp vốn đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-	914.505.332.000	914.505.332.000
Góp vốn đầu tư dài hạn	-	-	-	-	34.158.520.000	34.158.520.000
Tài sản khác	293.469.034.395	69.172.398.963	1.734.932.837.889	115.756.642.024	87.270.045.850	2.300.600.989.121
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	106.245.970.000	3.104.972.428	-	109.350.942.428
Phải thu khác (không bao gồm dự phòng)	293.469.034.395	2.721.725.077	1.628.686.867.889	112.651.669.596	-	2.037.529.296.957
Tài sản khác	-	66.450.673.886	-	-	-	66.450.673.886
Tài sản cố định (bao gồm chi phí xây dựng cơ bản dở dang)	-	-	-	-	87.270.045.850	87.270.045.850
Tổng cộng	517.901.606.563	25.322.839.066.221	17.561.810.851.013	115.756.642.024	1.035.933.897.850	44.554.241.463.671
NỢ PHẢI TRẢ						
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	22.436.244.635.316	-	-	22.436.244.635.316
Trái phiếu phát hành	-	-	400.000.000.000	-	-	400.000.000.000
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	1.113.475.966.297	-	-	1.113.475.966.297
Chi phí phải trả	-	-	58.395.523.084	-	-	58.395.523.084
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	-	236.583.401.372	-	-	236.583.401.372
Phải trả, phải nộp khác	-	294.741.347.232	40.267.105.959	-	-	335.008.453.191
Tổng cộng	-	294.741.347.232	24.284.968.632.028	-	-	24.579.707.979.260
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	517.901.008.563	25.028.097.718.989	(6.723.155.781.015)	115.756.642.024	1.035.933.897.850	19.974.533.484.411

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Tài sản bảo đảm

Công ty cũng sử dụng các tài sản tài chính ngắn hạn và dài hạn để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại các tổ chức tín dụng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư các tài sản tài chính được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty là 15.049 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 11.425 tỷ đồng).

Công ty có giữ các chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản cho vay kỳ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Bà Lê Thị Hoài
Người lập

Bà Nguyễn Thị Hương
Kế toán Trưởng



Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 03 năm 2025

Ông Nguyễn Vũ Long
Tổng Giám đốc



EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2024 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn